

Ê-PHÊ-SÔ

Warren W. Wiersbe

1. CÁC THÁNH SỐNG (Eph 1:1-3)

“Hetty” Green đã đi vào lịch sử như “Người cùng khổ hà tiện nước Mỹ,” thế nhưng khi bà từ trần vào năm 1916, bà đã để lại một tài sản trị giá trên 100 triệu mỹ kim. Bà đã ăn cháo bột yến mạch nguội lạnh vì sợ tốn tiền chất đốt. Con trai bà đã phải bị cưa một chân vì bà trì hoãn quá lâu trong việc tìm kiếm một nhà thương thí đến nỗi trường hợp của cậu trở nên bó tay. Bà thật giàu có, thế nhưng lại chọn sống như một người cùng khổ.

Lập dị ư? Chắc hẳn rồi! Điên ư? Có lẽ vậy – nhưng không ai có thể chứng minh điều đó. Bà thật ngu dại đến mức đã tự rút ngắn sự sống mình bằng cách gây ra chứng ngạt máu trong khi tranh cãi về giá trị của việc uống sữa không kem! Nhưng Hetty Green là một hình ảnh minh họa của quá nhiều tín đồ Cơ Đốc ngày nay. Họ có tài sản vô hạn tùy ý sử dụng, thế mà họ lại sống giống như những kẻ khốn cùng. Chính với loại Cơ Đốc nhân này mà Phao-lô đã viết Thư tín gửi cho những người tại Ê-phê-sô.

1. Người viết thư (Eph 1:1-2)

Một số tên trong lịch sử chúng ta nhận diện được ngay, và “Phao-lô” là một trong những tên đó. Trước tiên tên ông là “Sau-lô” (Cong 7:58) và, vì ông thuộc chi phái Bên gia min (Phi 3:5), có thể tên ông được đặt theo tên của vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên (ISa 9:1-27). Tuy nhiên, không giống như người trùng tên với mình, Sau-lô thành Tạt-sơ rất vâng phục, và trung tín hầu việc Đức Chúa Trời. Là một ra-bi sốt sắng, Sau-lô trở thành lãnh tụ của phong trào bài xích Cơ Đốc Giáo tại Giê-ru-sa-lem (Cong 9:1-2 Ga 1:13-14). Nhưng giữa lúc đang tham gia hoạt động này, Sau-lô bị Chúa Giê-xu Christ “ngăn lại” và đã trở lại đạo (Cong 9:3tt Cong 26:1-32).

Sau-lô thành Tạt-sơ trở thành Phao-lô, vị sứ đồ cho dân ngoại (Cong 9:15). Trong khi đang giảng dạy tại Hội Thánh ở An-ti-ốt, ông được Thánh Linh kêu gọi rao giảng Phúc Âm cho các dân ngoại, và ông vâng theo (Cong 13:1-3). Sách Công vụ ký thuật lại ba cuộc hành trình truyền giáo đưa Phao-lô đi khắp đế quốc La Mã trong một trong những nỗ lực truyền giảng Phúc Âm vĩ đại nhất trong lịch sử Hội Thánh. Khoảng năm 53 S.C.N, Phao-lô giảng dạy lần đầu tiên tại Ê-phê-sô nhưng ông không ở lại đó (Cong 18:19-21). Hai năm sau, trong cuộc hành trình thứ ba, Phao-lô đã ngụ lại tại Ê-phê-sô ít nhất hai năm và nhìn thấy cả khu vực rộng lớn ấy được nghe biết về Phúc Âm (Cong 19:1-20). Suốt những năm này, ông thiết lập một Hội Thánh mạnh mẽ trong thành phố vốn đã được dâng hiến cho việc thờ lạy nữ thần Đi-anh này. Cong 20:1-38 mô tả chức vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô, và Cong 19:21-41 giải thích sự chống đối Phao-lô đã đương đầu trong chức vụ ông tại đó.

Đó là khoảng mười năm sau, Phao-lô viết cho các bạn hữu yêu dấu của ông tại Ê-phê-sô. Phao-lô là một tù nhân tại La Mã (Eph 3:1 4:1 6:20), và ông mong muốn chia sẻ với các tín hữu này những chân lý lớn lao Chúa đã dạy ông về Đấng Christ và Hội Thánh. Hãy so sánh Eph 6:21-22 với Co 4:7-9 và Phi-lê-môn để có sự hiểu biết tường tận hơn về bối cảnh lịch sử. Ô-nê-sim, một người nô lệ, đã chạy trốn khỏi chủ mình là Phi-lê-môn đang sống tại Cô-lô-se. Trong khi ở tại La Mã, Ô-nê-sim gặp Phao-lô và trở lại đạo. Ty-chi-cơ, một trong các mục sư của Hội Thánh tại Cô-lô-se, có thể đã từng nhóm lại trong nhà Phi-lê-môn, cũng đang ở tại La Mã để bàn luận một số vấn đề với Phao-lô. Vì thế Phao-lô nhân sự có mặt của hai người này đã gửi ba bức thư cho các bạn hữu ông: Thư tín gửi cho người Ê-phê-sô, Thư tín gửi cho người Cô-lô-se, và Thư tín gửi cho Phi-lê-môn. Cùng lúc, ông cũng gửi Ô-nê-sim trở về với chủ mình.

Vì thế, thư này được viết từ La Mã khoảng năm 62 S.C.N. Mặc dầu Phao-lô đang gặp thử thách trong cuộc sống nhưng ông vẫn quan tâm đến nhu cầu tâm linh của các Hội Thánh ông đã thành lập. Là một sứ đồ, tức “một người được sai đi với một sứ mệnh,” ông có bổn phận dạy dỗ họ Lời của Đức Chúa Trời và tìm cách gây dựng họ lớn lên trong đức tin (Eph 4:11-12).

2. Người nhận thư (Eph 1:1-2)

Chắc bạn ngạc nhiên khi thấy Phao-lô gửi thư cho các thánh đồ? Xét cho cùng, các vị thánh là những người đã qua đời có được sự nổi tiếng về thuộc linh đến nỗi họ được ban cho danh hiệu đặc biệt là thánh đồ. Hay họ thực sự là những vị thánh?

Không có từ nào trong Tân Ước gặp nhiều trở ngại nhiều hơn từ thánh đồ này. Ngay đến từ điển cũng định nghĩa một vị thánh là một “người được chính thức công nhận là có đời sống thánh khiết.” Ai chính thức công nhận điều này? Thường là một hội đồng tôn giáo nào đó, và tiến trình bởi đó một người trở nên một vị thánh, về giáo nghi được nhận biết như là sự phong thánh. Đời sống của người đã qua đời được xem xét kỹ lưỡng để xem thử người ấy có đạt yêu cầu cho địa vị thánh đồ không. Nếu tính cách và đạo đức của người được đề nghị phong thánh được thấy là không chỗ chê trách, nếu người ấy đã thực hiện ít nhất hai phép lạ, thì người ấy đạt yêu cầu được phong là một vị thánh.

Cũng lý thú như thủ tục này, chúng ta không thấy điều đó được cho phép trong Thánh Kinh. Chính lần trong bức thư ngắn ngủi này, Phao-lô gọi độc giả của mình là các thánh đồ (1:1,15,18 2:19 3:8,18 4:12 5:3 6:18). Các vị thánh này vẫn còn sống, chứ không chết, mặc dầu trước kia họ đã từng “chết vì lầm lỗi và tội ác mình” (2:1-3). Và rõ ràng họ chưa hề thực hiện bất kỳ phép lạ nào, mặc dầu họ đã từng trải một phép lạ bởi việc tin Đấng Christ là Cứu Chúa (2:4-10). Từ thánh đồ chỉ là một trong nhiều thuật ngữ được dùng trong Tân Ước để mô tả “một người đã tin Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa.” Người này vẫn “còn sống,” không chỉ về thân xác, mà cả về tâm linh nữa (Eph 2:1). Hãy xem Cong 9:1-43 và bạn sẽ thấy Cơ Đốc nhân được gọi là môn đệ (9:1,10,19,25-26,36,41), những người thuộc về Đạo (9:2) và thánh đồ (9:13,32,41).

Từ thánh đồ có nghĩa là “một người được biệt riêng.” Nó liên hệ với từ được thánh hoá, có nghĩa là “biệt riêng ra.” Khi tội nhân tin Đấng Christ là Cứu Chúa mình, người ấy được tách riêng ra khỏi thế gian và được đặt “trong Đấng Christ.” Người tín đồ về phần thân xác vẫn ở trong thế gian, nhưng về tâm linh không thuộc về thế gian (Gi 17:14-16). Giống như một người thợ lặn có bình nén, người ấy tồn tại được trong một môi trường khác lạ vì người ấy có những trang thiết bị đặc biệt – trong trường hợp này là Thánh Linh của Đức Chúa Trời đang ngự trong lòng. Mọi tín đồ thật đều có Đức Thánh Linh ngự trị (I Co 6:19-20 Ro 8:9), và chính bởi năng quyền của Thánh Linh mà Cơ Đốc nhân có thể sống động trong thế gian.

Bây giờ đối với câu hỏi quan trọng: Những người tại Ê-phê-sô này lại trở thành thánh đồ như thế nào? Câu trả lời được tìm thấy trong hai từ: “trung tín” và “ân điển” (Eph 1:1-2). Khi Phao-lô gửi thư cho “các thánh đồ . . . và những kẻ trung tín trong Chúa Giê-xu Christ” ông không đang gửi cho hai nhóm người khác nhau. Từ trung tín mang ý nghĩa “những tín đồ trong Chúa Giê-xu Christ.” Những người này không phải được cứu bởi việc sống một đời sống trung tín đúng hơn họ đã đặt đức tin mình nơi Đấng Christ và đã được cứu. Điều này rõ rệt trong 1:12-14 1:19.

Từ ân điển được dùng 12 lần trong thư Ê-phê-sô và nhằm nói đến “sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với những kẻ không xứng đáng.” Ân điển và sự thương xót thường được thấy đi chung nhau trong Thánh Kinh, và chúng hẳn nhiên hài hoà nhau trong kinh nghiệm cứu rỗi. Có người đã nói thật hay, “Đức Chúa Trời bởi lòng thương xót Ngài đã không ban cho tôi điều mà tôi thật sự đáng phải nhận lãnh, và Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã ban cho tôi điều tôi không xứng đáng nhận.” Ân điển và đức tin đi chung với nhau vì cách duy nhất để kinh nghiệm ân điển và sự cứu rỗi là bởi đức tin (Eph 2:8,9).

Cụm từ sau “trong Chúa Giê-xu Christ” được dùng 27 lần trong bức thư này! Nó mô tả địa vị thuộc linh của người tín đồ: người ấy được đồng nhất hoá với Đấng Christ, người ấy ở trong Đấng Christ, và vì vậy có thể nương nhờ vào sự giàu có của Đấng Christ cho sự sống mỗi ngày của chính mình.

3. Mục đích bức thư (Eph 1:3)

Mỗi sách trong Kinh Thánh đều có chủ đề và sứ điệp đặc biệt của riêng nó, cho dù nó có thể đề cập tới nhiều đề tài khác nhau. Sáng thế ký là sách của những sự khởi đầu Ma -thi -ơ là sách nói về

nước trời Ga-la-ti là sách bàn về sự tự do. Eph 1:3 nêu rõ chủ đề của sách: sự giàu có của Cơ Đốc nhân trong Đấng Christ.

Nguồn cội các phước hạnh của chúng ta: “Ngợi khen Đức Chúa Trời, Cha Chúa Giê-xu Christ chúng ta.” Đức Chúa Cha đã làm cho chúng ta được giàu có trong Chúa Giê-xu Christ! Khi bạn được sanh lại trong gia đình Đức Chúa Trời, bạn được sanh ra thật giàu có. Bởi Đấng Christ, bạn được dự phần trong sự giàu có của ân điển Đức Chúa Trời (1:7 2:7), của vinh hiển Đức Chúa Trời (1:18 3:16), của lòng thương xót Đức Chúa Trời (2:4), và “sự giàu có không dò được của Đấng Christ” (3:8). Cha thiên thượng của chúng ta không nghèo Ngài thật giàu có – và Ngài đã làm cho chúng ta được giàu có trong Con Ngài.

J. Paul Getty, được cho là người giàu có nhất thế giới, có tài sản trị giá ước lượng 1,3 tỉ đô la. Lợi tức hàng tuần của một số “vua dầu hoả” lên tới hàng triệu đô. Thế nhưng tất cả sự giàu có này chỉ là “những đồng xu” khi so sánh với của cải thuộc linh chúng ta có được trong Đấng Christ. Trong bức thư này, Phao-lô giải thích với chúng ta những của cải này là gì và làm thế nào chúng ta có thể nương nhờ vào chúng để có đời sống Cơ Đốc kết quả.

Phạm vi các phước hạnh của chúng ta: “đủ mọi thứ phước thiêng liêng.” Điều này có thể dịch là “đủ mọi thứ phước hạnh thuộc linh,” ám chỉ Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời hứa với dân Y-sơ-ra-ên, tuyền dân trên đất của Ngài, các phước hạnh vật chất như một sự ban thưởng cho sự vâng lời của họ (Phu 28:1-13). Ngày nay, Ngài hứa chu cấp mọi sự cần dùng của chúng ta “y theo sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển trong Chúa Giê-xu Christ.” (Phi 4:19), nhưng Ngài không hứa che chở chúng ta khỏi sự nghèo thiếu hoặc đau đớn. Đức Chúa Cha đã ban cho chúng ta mọi thứ phước thiêng liêng, mọi thứ chúng ta cần để có một đời sống Cơ Đốc thành công, thoả mãn. Những điều thuộc linh thì quan trọng hơn nhiều so với những điều thuộc thể.

Đức Thánh Linh được nhắc đến nhiều lần trong thư này, vì Ngài là Đấng tuôn đổ sự giàu có từ Đức Chúa Cha sang chúng ta, bởi Đức Chúa Con. Không nhận biết và lệ thuộc vào sự chu cấp của Đức Thánh Linh là sống một đời sống nghèo nàn về tâm linh. Không ngạc nhiên gì khi Phao-lô bắt đầu chức vụ của ông tại Ê-phê-sô bằng việc hỏi những người xưng mình là Cơ Đốc nhân xem họ đã thực sự biết Đức Thánh Linh chưa! (Cong 19:1-7). Chúng ta có thể hỏi những người tự nhận là Cơ Đốc nhân ngày nay, “Bạn đã nhận lãnh Đức Thánh Linh khi bạn tin Đấng Christ chưa? Nếu câu trả lời là chưa, tức là bạn chưa được cứu.” “Nhưng nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về Ngài” (Ro 8:9). Nếu bạn không có sự làm chứng của Thánh Linh (Ro 8:15-16), bạn không thể nương nhờ vào của cải thuộc linh được.

Tầm ảnh hưởng của các phước hạnh chúng ta: “ở các nơi trên trời trong Đấng Christ.” Có lẽ một bản dịch rõ hơn sẽ là “ở trên trời trong Đấng Christ.” Người chưa được cứu quan tâm chủ yếu đến những điều thuộc về đất, vì đây là nơi người ấy sống. Chúa Giê-xu gọi họ là “con đời này” (Lu 16:8). Đời sống của Cơ Đốc nhân hướng đến thiên đàng. Quyền công dân của người ấy ở trên thiên đàng (Phi 3:20) tên người ấy được ghi trên thiên đàng (Lu 10:20) Cha của người ấy ở trên thiên đàng và sự chú ý cùng tình cảm của người ấy cần phải được tập trung vào những điều thuộc thiên đàng (Co 3:1ff.). Nhà Truyền đạo D. L. Moody từng cảnh cáo về những người quá “tư tưởng về thiên đàng đến độ họ chẳng hữu ích gì ở trên đất này,” nhưng đó không phải là điều Phao-lô đang mô tả. “Các nơi trên trời” mô tả nơi mà Chúa Giê-xu Christ hiện đang ở (Eph 1:2) và nơi mà người tín đồ đồng ngồi với Ngài (2:6). Chúng ta đánh trận chẳng phải cùng thịt và huyết trên đất này, bèn là cùng các thế lực thuộc Sa-tan “ở các miền trên trời” (6:12).

Cơ Đốc nhân thật sự sống động trong hai lãnh vực: lãnh vực con người và lãnh vực thiên thượng, lãnh vực thấy được và lãnh vực không thấy được. Về thuộc thể, người ấy ở trên đất này trong một thân xác con người, nhưng về thuộc linh người ấy đồng ngồi với Đấng Christ tại các nơi trên trời – và chính lãnh vực thuộc về trời này cung cấp cho họ năng lực và sự dẫn dắt để bước đi trên đất. Tổng Thống Mỹ không phải lúc nào cũng ngồi tại bàn làm việc của mình trong Toà Bạch Ốc, nhưng chiếc ghế hành pháp ấy tượng trưng cho lãnh vực hoạt động của đời sống và quyền hành ông. Dù cho ông ở đâu, ông vẫn là Tổng Thống, vì chỉ một mình ông có đặc quyền ngồi tại bàn ấy. Với Cơ Đốc nhân

cũng giống như vậy: dù cho người ấy có thể ở trên đất này, người ấy vẫn đồng ngòi ở các nơi trên trời với Chúa Giê-xu Christ, và đây là nền tảng của đời sống và năng quyền của người ấy.

Khi còn nhỏ, Nữ Hoàng Victoria đã không được cho biết rằng mình sẽ trở thành người kế vị cai trị Anh Quốc và rằng sự nhận biết này có thể làm hỏng con người của bà. Nhưng cuối cùng khi vị giáo sư để bà tự khám phá rằng một ngày kia bà sẽ là Nữ Hoàng của Anh quốc, thì bà đã tuyên bố, “Vậy thì tôi sẽ phải thật giỏi!” Đời sống bà sẽ được điều khiển bởi địa vị của bà. Dù ở nơi đâu, Victoria luôn bị chi phối bởi sự kiện mình là người ngòi trên ngai vàng Anh Quốc.

Sự kiện Phao-lô đang viết về sự giàu có sẽ có ý nghĩa đối với độc giả của ông, vì Ê-phê-sô được xem là ngân hàng của Á Châu. Đền thờ nữ thần Đi-anh vĩ đại, một trong bảy kỳ quan của thế giới, ở tại Ê-phê-sô, và đó không chỉ là một trung tâm thờ lạy hình tượng, mà còn là một kho chứa của báu. Một số trong các kho tàng mỹ thuật vĩ đại nhất của thế giới cổ đại được cất giữ trong toà nhà nguy nga này. Trong thư tín này, Phao-lô sẽ so sánh Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ với một đền thờ và sẽ giải thích sự giàu có dư dật mà Đấng Christ có trong Hội Thánh Ngài. Phao-lô đã sử dụng từ sự giàu có, nhưng bạn có thể muốn kiểm tra những từ “thuộc về tài chánh” khác chẳng hạn như dự phần kế nghiệp (hay cơ nghiệp) (1:11,14,18 5:5) và sự đầy đủ, hoặc được đầy đầy (1:10,23 3:19 4:10,13 5:18). Phao-lô đang nói với chúng ta, **“HÃY TRỞ NÊN GIÀU CÓ!”**

2. BẠN GIÀU CÓ BIẾT BAO! (Eph 1:4-23)

Một trong những tranh biếm hoạ vui nhộn nhất tôi từng được xem vẽ một luật sư đang đọc di chúc của một thân chủ cho một nhóm họ hàng đầy tham lam nghe. Lời chú thích ghi: “Tôi, John Jones, với đầu óc minh mẫn và thân thể tráng kiện, đã tiêu hết gia tài mình có!”

Khi Chúa Giê-xu Christ viết di chúc cho Hội Thánh, Ngài khiến chúng ta có thể san sẻ những sự giàu có thuộc linh của Ngài. Thay vì tiêu phí tất cả, Chúa Giê-xu Christ đã chi trả tất cả. Sự chết của Ngài trên thập tự giá và sự phục sinh của Ngài khiến sự cứu rỗi của chúng ta có thể thực hiện được. Ngài viết chúng ta vào trong di chúc của Ngài, rồi Ngài chết đi để di chúc ấy được thi hành. Sau đó Ngài đã sống lại để có thể trở thành Đấng biện hộ trên trời (trạng sư) để bảo đảm những điều khoản của di chúc được tuân thủ cách đúng đắn!

Trong câu văn thật dài này, Phao-lô chỉ kể tên một số trong các thứ phước hạnh tạo nên di sản thuộc linh của chúng ta:

1. Các thứ phước từ nơi Đức Chúa Cha (Eph 1:4-6)

Ngài đã chọn chúng ta (Eph 1:4). Đây là giáo lý diệu kỳ về sự lựa chọn, một giáo lý làm một số người bối rối và một số khác phải ngạc nhiên. Một giáo sư chủng viện có lần đã bảo tôi, “Nếu cố gắng giải thích sự lựa chọn của Chúa thì bạn có thể mất trí. Nhưng cố gắng thanh minh về nó thì bạn có thể mất linh hồn!” Tất cả Cơ Đốc nhân đều sẽ đồng ý rằng sự cứu rỗi bắt đầu với Đức Chúa Trời, chứ không phải với con người. “Ấy chẳng phải các ngươi đã chọn Ta, bèn là Ta đã chọn các ngươi” (Gi 15:16). Tội nhân hư mất, nếu để theo đường riêng mình, sẽ chẳng hề tìm kiếm Đức Chúa Trời (Ro 3:10-11) Đức Chúa Trời bởi lòng yêu thương Ngài đã tìm và cứu kẻ có tội (Lu 19:10).

Hãy lưu ý là Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta ngay trước khi Ngài dựng nên vũ trụ, hầu cho sự cứu rỗi của chúng ta là hoàn toàn bởi ân điển Ngài chứ không dựa trên bất cứ điều gì bản thân chúng ta đã làm. Ngài chọn chúng ta trong Đấng Christ, chứ không phải trong con người chúng ta. Và Ngài chọn chúng ta nhằm một mục đích: được nên thánh và không chỗ trách được. Trong Kinh Thánh, sự lựa chọn luôn luôn hướng tới một điều gì đó. Nó là một đặc quyền kèm theo một trách nhiệm lớn lao.

Phải chăng tội nhân đáp lại ân điển của Đức Chúa Trời ngược lại ý muốn riêng của mình? Không, người ấy đáp lại vì ân điển của Đức Chúa Trời làm cho người ấy sẵn lòng đáp lại. Trong đời này chúng ta sẽ không bao giờ hiểu rõ tận tường sự mầu nhiệm của quyền tể trị thiên thượng và trách nhiệm của con người trong công tác cứu rỗi. Cả hai điều này đều được dạy dỗ trong Kinh Thánh (Gi 6:37). Cả hai đều đúng, và cả hai đều thiết yếu.

Bạn sẽ lưu ý là cả ba Ngôi Đức Chúa Trời đều có liên quan đến sự cứu rỗi của chúng ta. (IPhi 1:3). Về phần Đức Chúa Cha, bạn được cứu khi Ngài chọn bạn trong Đấng Christ từ trước khi sáng thế. Nhưng chỉ điều đó thôi không cứu được bạn. Về phần Đức Chúa Con, bạn được cứu khi Ngài chết thay cho bạn trên thập tự giá. Về phần Đức Thánh Linh, bạn được cứu khi bạn qui phục trước sự cáo trách của Ngài và tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình. Điều khởi đầu từ trước khi sáng thế đã được làm trọn vẹn trong thời gian hiện tại, và sẽ còn tiếp tục suốt cả cõi đời đời!

Ngài đã nhận chúng ta làm con nuôi (Eph 1:5). Tại đây chúng ta gặp từ ngữ bị hiểu lầm là sự tiền định. Từ này, như được dùng trong Kinh Thánh, chủ yếu nói đến điều Đức Chúa Trời làm cho những kẻ được cứu. Không nơi nào trong Kinh Thánh chúng ta được dạy dỗ là người ta được định trước để xuống địa ngục, vì từ này chỉ nhằm vào dân sự Đức Chúa Trời mà thôi. Từ này chỉ có nghĩa là “định trước, quyết định trước.” Sự lựa chọn dường như liên hệ tới con người, trong khi sự tiền định liên quan tới các mục đích. Những sự kiện có liên quan với sự đóng đinh của Đấng Christ đã được định trước (Cong 4:25-28). Đức Chúa Trời đã định trước cho chúng ta được làm con nuôi Ngài (Eph 1:5), và được trở nên giống với Đấng Christ (Ro 8:29-30), cũng như được kế nghiệp trong tương lai (Eph 1:11).

Sự nhận làm con nuôi có một nghĩa đôi, cả hiện tại lẫn tương lai. Bạn không bước vào gia đình Đức Chúa Trời bởi việc nhận làm con nuôi. Bạn bước vào gia đình của Ngài bởi sự tái sinh, sự sanh ra cách mới mẻ (Gi 3:1-18 IPhi 1:22-25). Sự nhận làm con nuôi là việc làm của Đức Chúa Trời bởi đó Ngài ban cho “những kẻ đã được sanh lại” địa vị của một người trưởng thành trong gia đình. Vì sao Ngài lại làm điều này? Hầu cho chúng ta có thể ngay tức khắc bắt đầu nhận chắc quyền kế tự của chúng ta và tận hưởng gia sản thuộc linh của mình! Một em bé không thể nào sử dụng quyền kế thừa này cách hợp pháp (Ga 4:1-7), nhưng một đứa con trưởng thành thì có thể – và phải được hưởng! Điều này có nghĩa là bạn không cần phải chờ đợi đến lúc trở thành một vị thánh già nua trước khi bạn có thể đòi được hưởng sự giàu có của bạn trong Đấng Christ.

Khía cạnh tương lai của sự nhận làm con nuôi được tìm thấy trong Ro 8:22-23, thân thể vinh hiển chúng ta sẽ có khi Chúa Giê-xu trở lại. Chúng ta đã có địa vị của một người trưởng thành trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng thế gian không thể nhìn thấy điều này. Khi Đấng Christ trở lại, “sự nhận làm con nuôi riêng tư” này sẽ được công bố để tất cả mọi người đều nhìn thấy!

Ngài đã chấp nhận chúng ta (Eph 1:6). Chúng ta không thể tự làm cho mình có thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời nhưng Đức Chúa Trời, bởi ân điển Ngài, làm cho chúng ta được chấp nhận trong Đấng Christ. Đây là địa vị đời đời của chúng ta, là điều sẽ không bao giờ thay đổi. Một số bản Kinh Thánh dịch là “ân điển mà Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài” (bản NASB). Hay, “Ngài đã ban ân điển (dịch sát nghĩa đen) cho chúng ta trong Con yêu dấu của Ngài.” Ý tưởng thì giống nhau. Bởi ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, chúng ta được chấp nhận trước mặt Ngài. Phao-lô đã dùng lý lẽ tương tự để viết cho Phi-lê-môn, khích lệ ông tiếp nhận người nô lệ đã bỏ trốn của ông là Ô-nê-sim. “Nhược bằng người có mắc nợ anh đều chi, tôi sẽ trả cho anh. Hãy nhận lấy người như anh sẽ nhận lấy chính mình tôi vậy” (Phi 1:17-19, điển ý). Sự so sánh thật dễ nhìn thấy.

2. Các thứ phước từ nơi Đức Chúa Con (Eph 1:7-12)

Chúng ta không nên nghĩ rằng mỗi Ngôi Đức Chúa Trời hoạt động độc lập với nhau, vì cả ba ngôi cùng hoạt động chung với nhau để thực hiện sự cứu rỗi của chúng ta. Nhưng mỗi Ngôi có một chức vụ đặc biệt để thực hiện, một “cửa cảm thuộc linh” đặc biệt để ký thác trong đời sống chúng ta.

Ngài đã cứu chuộc chúng ta (Eph 1:7a). Cứu chuộc có nghĩa là “chույս mua và phóng thích bằng cách trả một giá nào đó.” Có sáu triệu nô lệ tại Đế quốc La Mã, và thường thì họ được mua bán như những món đồ đạc trong nhà. Nhưng một người có thể chuộc mua một nô lệ và trả tự do cho người ấy, và đây là điều Chúa Giê-xu đã làm cho chúng ta. Giá phải trả là chính huyết của Ngài (IPhi 1:18tt.). Điều này có nghĩa là chúng ta được tự do khỏi luật pháp (Ga 5:1), được giải phóng khỏi nô lệ cho tội lỗi (Ro 6:1-23) cũng như được giải thoát khỏi quyền lực của Sa-tan và thế gian (Ga 1:4 Co 1:13-14).

Nếu chúng ta là những nô lệ, chúng ta sẽ nghèo khổ, nhưng vì chúng ta là con, nên chúng ta thật giàu có!

Ngài đã tha thứ cho chúng ta (Eph 1:7). Từ tha thứ có nghĩa là “cất đi.” Điều này nhắc chúng ta nhớ đến nghi thức vào Ngày Đại lễ Chuộc Tội của Người Do Thái khi thầy tế lễ thượng phẩm đuổi con dê đực vào nơi đồng vắng (Le 16:1-34). Trước tiên thầy tế lễ giết một trong hai con dê đực và rảy huyết nó trước mặt Đức Chúa Trời trên nắp thi ân. Kế đó người xưng ra các tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên trên con dê đực còn sống, và bắt con dê đực đó gánh trên mình các tội ác ấy ra nơi hoang địa để chết tại đó. Đấng Christ đã chịu chết để cất lấy tội lỗi chúng ta hầu cho những tội lỗi ấy không bao giờ có thể được nhìn thấy nữa (Gi 1:29 Thi 103:12). Không lời buộc tội nào đứng vững nghịch cùng chúng ta được vì tội lỗi chúng ta đã được cất đi! Tội lỗi khiến chúng ta nghèo khổ, nhưng ân điển làm cho chúng ta được giàu có.

Ngài đã bày tỏ ý muốn Đức Chúa Trời cho chúng ta (Eph 1:8-10). Bức thư này có nhiều điều để nói về ý định của Đức Chúa Trời đối với con dân của Ngài, một ý định không được thấu hiểu trọn vẹn kể cả vào thời của Phao-lô. Từ sự mâu nhiệm không liên quan gì đến những điều kỳ dị, mê tín. Nó có nghĩa là một “điều bí ẩn thiêng liêng, trước kia đã được giấu kín nhưng hiện nay được mạc khải cho con cái Đức Chúa Trời.” Những tín hữu chúng ta là một phần của “quỹ đạo thâm kín” của Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể dự phần trong điều bí ẩn là một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ hội hiệp muôn vật lại trong Đấng Christ. Kể từ khi tội lỗi vào trong thế gian, mọi vật đều rơi vào sự sa ngã. Trước tiên, con người bị phân cách với Đức Chúa Trời (Sa 3:1-24). Kế đó con người bị phân cách với nhau, như Ca-in giết chết A-bên (Sa 4:1-16). Con người cố gắng duy trì một loại hiệp nhất bằng cách xây cất Tháp Ba-bên (Sa 11:1-9), nhưng Đức Chúa Trời đã đoán phạt họ và khiến họ bị tản lạc khắp thế giới. Đức Chúa Trời kêu gọi Áp-ra-ham và đặt một sự khác biệt giữa người Do Thái với dân ngoại, một sự khác biệt được duy trì cho đến khi Đấng Christ chịu chết trên thập tự giá. Tội lỗi đang làm muôn vật phải phân ly, nhưng trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời sẽ hội hiệp muôn vật lại với nhau trong khi kỳ mãn. Chúng ta là một phần của chương trình đời đời vĩ đại này.

Ngài đã khiến chúng ta nên một cơ nghiệp (Eph 1:11-12). Bản King James dịch là, “Trong Ngài chúng ta cũng đã nhận được một cơ nghiệp,” hoặc cũng có thể dịch là “trong Ngài chúng ta cũng được trở nên một cơ nghiệp.” Cả hai đều đúng và điều này bao gồm điều kia. Trong Đấng Christ chúng ta có một cơ nghiệp diệu kỳ (IPhi 1:1-4), và trong Đấng Christ chúng ta là một cơ nghiệp. Chúng ta thật giá trị đối với Ngài. Hãy nghĩ đến giá Đức Chúa Trời đã trả để chuộc mua chúng ta và khiến chúng ta là một phần của cơ nghiệp Ngài! Đức Chúa Con là món quà yêu thương của Đức Chúa Cha ban cho chúng ta và chúng ta là món quà yêu thương của Đức Chúa Cha ban cho Con Ngài. Xin xem Gi 17:1 và lưu ý bao nhiêu lần Đấng Christ gọi chúng ta là “những kẻ Cha đã giao cho Con.” Hội Thánh là thân thể (Eph 1:22-23), là nhà (2:19-22), và tân nương (5:22-23) của Đấng Christ cơ nghiệp tương lai của Đấng Christ được gồm tóm trong Hội Thánh Ngài. Chúng ta là “kẻ đồng kế tự với Đấng Christ” (Ro 8:17), điều đó có nghĩa là Ngài không thể đòi hỏi cơ nghiệp của Ngài tách rời khỏi chúng ta!

3. Các thứ phước từ nơi Đức Chúa Thánh Linh (Eph 1:13-14)

Giờ đây chúng ta chuyển từ quá khứ đời đời (1:4-6), và quá khứ trong lịch sử (1:7-12), sang từng trải trước mắt của các Cơ Đốc nhân tại Ê-phê-sô. Thánh Linh đã hành động trong đời sống họ, và họ nhận biết điều đó.

Ngài đã ấn chứng chúng ta (Eph 1:13). Toàn thể tiến trình cứu rỗi được bày tỏ cho chúng ta trong câu này, vì vậy chúng ta nên xem xét nó cách cẩn thận. Câu này cho biết bằng cách nào một tội nhân trở thành một thánh nhân. Trước tiên, người ấy nghe Phúc Âm cứu rỗi. Tin mừng này là Đấng Christ đã chết vì có tội lỗi chúng ta, đã bị chôn và đã sống lại (ICo 15:1ff.). Người Ê-phê-sô là dân ngoại, và Phúc Âm đã đến “với người Do Thái trước hết” (Ro 1:16). Nhưng Phao-lô, một người Do Thái, đã đem Phúc Âm đến cho dân ngoại khi ông chia sẻ Lời Đức Chúa Trời với họ.

Người Ê-phê-sô “đã nghe Phúc Âm” và khám phá đạo ấy dành cho họ – “sự cứu rỗi anh em” (c.13). Mặc dầu Kinh Thánh dạy về sự lựa chọn, nhưng Lời Chúa cũng công bố, “Các người hãy đi

khắp thế gian và giảng Phúc Âm cho mọi người” (Mac 16:15). Một người chinh phục linh hồn tội nhân không bàn cãi sự lựa chọn với những người chưa được cứu, vì đó là một điều mầu nhiệm trong gia đình thuộc về các thánh đồ. Người ấy chỉ công bố chân lý của Phúc Âm và mời gọi người ta tin nhận Đấng Christ, và Đức Thánh Linh thực hiện phần còn lại. D. L. Moody đã từng cầu nguyện, “Lạy Chúa, xin hãy cứu những kẻ được chọn – và rồi xin Ngài hãy chọn thêm một số nữa!” Cùng một Đức Chúa Trời Đấng đã định ra cứu cánh, tức sự cứu rỗi linh hồn, thì chính Đấng ấy cũng định ra phương tiện để đạt đến cứu cánh đó, tức việc rao giảng Phúc Âm trong năng quyền của Thánh Linh.

Sau khi đã nghe Lời được rao giảng, người Ê-phê-sô đã tin và chính đức tin này đã đem đến sự cứu rỗi (Eph 2:8-9). Khuôn mẫu này theo sau điều Phao-lô viết trong Ro 10:13-15, vì vậy xin hãy đọc kỹ đoạn đó. Đó là kế hoạch rao giảng Phúc Âm của Đức Chúa Trời. Khi người Ê-phê-sô đã tin, họ được “ấn chứng bằng Đức Thánh Linh.” “Sau khi anh em đã tin” nên hiểu là “khi anh em đã tin.” Bạn nhận lãnh Đức Thánh Linh ngay khi tin nhận Đấng Christ. Đây không phải là một kinh nghiệm đến sau sự trở lại đạo. (Cong 10:34-48).

Ý nghĩa của việc ấn chứng bằng Đức Thánh Linh này là gì? Về một mặt, nó nói đến một sự giải quyết đã hoàn tất. Ngay cả ngày nay, khi các văn kiện pháp lý được chính thức giải quyết, chúng được đóng dấu mộc để cho biết việc giải quyết đã hoàn tất. Việc đóng dấu này cũng ám chỉ quyền sở hữu: Đức Chúa Trời đã đóng dấu ấn của Ngài trên chúng ta vì Ngài đã mua chuộc chúng ta để trở thành của riêng Ngài (ICo 6:19-20). Nó cũng hàm ý sự an ninh và sự che chở. Dấu niêm phong của người La Mã trên ngôi mộ của Chúa Giê-xu chứa đựng ý nghĩa này (Mat 27:62-66). Thế nên, người tín đồ thuộc về Đức Chúa Trời, và được an toàn và che chở bởi vì người là một phần của một sự giải quyết đã hoàn tất. Theo Gi 14:16-17, Đức Thánh Linh ở với người tín đồ đời đời. Chúng ta dễ làm buồn lòng Đức Thánh Linh và do đó mất đi các phước hạnh của chức vụ Ngài (Eph 4:30). Nhưng Ngài không lia bỏ chúng ta.

Một công dụng khác của dấu ấn là như một dấu hiệu của tính xác thật. Y như một chữ ký trên một lá thư xác nhận tính xác thực của văn kiện đó, cũng vậy sự hiện diện của Đức Thánh Linh chứng tỏ người tín đồ là thật. “Nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về Ngài” (Ro 8:9). Không phải chỉ do sự xưng nhận của môi miệng chúng ta, sinh hoạt tôn giáo của chúng ta, hay những việc lành của chúng ta, mà chính là sự làm chứng của Đức Thánh Linh khiến cho sự xưng nhận của chúng ta là xác thực.

Ngài đã ban cho chúng ta một của cầm (Eph 1:14). Của cầm là một từ thật hay! Vào thời của Phao-lô, nó có nghĩa là “tiền đặt cọc để bảo đảm cuối cùng sẽ mua một món hàng hay một bất động sản nào đó.” Ngay cả ngày nay bạn sẽ nghe một người kinh doanh bất động sản thực sự nói về tiền đặt cọc. Đức Thánh Linh là phần trả đầu tiên của Đức Chúa Trời để bảo đảm với con cái Ngài rằng Ngài sẽ hoàn tất công việc của Ngài và cuối cùng sẽ đem họ đến sự vinh hiển. “Kỳ chuộc lấy những kẻ mà Ngài đã mua chuộc được” ám chỉ sự cứu chuộc của thân thể khi Đấng Christ trở lại (Ro 8:18-23 IGI 3:1-3). “Sự cứu chuộc” được từng trải theo ba giai đoạn:

Chúng ta đã được cứu chuộc bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ (Eph 1:7)

Chúng ta đang được cứu chuộc khi Đức Thánh Linh hành động trong đời sống chúng ta để làm cho chúng ta giống Đấng Christ hơn (Ro 8:1-4).

Chúng ta sẽ được cứu chuộc khi Đấng Christ trở lại và chúng ta trở nên giống như Ngài.

Nhưng từ được dịch là của cầm cũng có nghĩa là “nhấn đính hôn.” Tại Hy Lạp ngày nay bạn sẽ thấy từ này đang được dùng theo cách đó. Nhưng, cuối cùng thì, một chiếc nhấn đính hôn không phải là một sự xác quyết – một sự bảo đảm – rằng những lời đã hứa hẹn sẽ được giữ trọn sao? Mỗi tương quan giữa chúng ta với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ không chỉ là một mối quan hệ mua bán, mà còn là một kinh nghiệm cá nhân về tình yêu thương. Ngài là Tân Phụ và Hội Thánh Ngài là Tân Nương. Chúng ta biết rằng Ngài sẽ đến và nhận Tân Nương của Ngài vì Ngài đã ban cho chúng ta lời hứa của Ngài và Thánh Linh Ngài như “chiếc nhấn đính hôn.” Chúng ta còn có thể mong muốn sự đảm bảo nào lớn lao hơn thế nữa?

Chúng ta đã xem xét một số các giáo lý cơ bản của Thánh Kinh trong chương này, tất cả đều nói về chủ đề sự giàu có trong Đấng Christ. Sẽ ích lợi cho chúng ta nếu xem xét lại những điều mình được dạy dỗ trong những câu này.

1. Sự giàu có đích thực đến từ Đức Chúa Trời. Thật là một nguồn khích lệ lớn lao khi biết rằng Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh thấy đều hành động vì có tội để khiến tôi được giàu có. Đức Chúa Trời không chỉ ban “mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (ITi 6:17), nhưng Ngài còn ban cho chúng ta của cải đời đời mà thiếu nó tất cả mọi của cải khác thành ra vô giá trị.

Một người vợ quản trí tìm đến một nhà khai đạo hôn nhân Cơ Đốc và kể cho bà nghe câu chuyện buồn thảm của một cuộc hôn nhân sắp đổ vỡ. “Nhưng chúng tôi có thật nhiều của cải!” bà liên tục nói. “Hãy nhìn chiếc nhẫn kim cương trên ngón tay tôi đây. Chao ôi, nó trị giá hàng ngàn mỹ kim đây! Chúng tôi có một dinh thự đặc tiền ở một khu sang trọng. Chúng tôi có ba chiếc xe hơi, và kể cả một căn nhà gỗ trên vùng đồi núi.Ồ, chúng tôi có tất cả mọi thứ mà tiền bạc có thể mua được!”

Nhà khai đạo đáp: “Thật tốt khi có tất cả những thứ tiền bạc có thể mua được miễn là bà không đánh mất những thứ tiền bạc không thể nào mua được. Một căn nhà đặc tiền có ích chi nếu không có mái ấm gia đình? Hoặc một chiếc nhẫn đặc giá để làm gì nếu không có tình yêu thương?”

Trong Đấng Christ, bạn và tôi có “những thứ tiền bạc không thể nào mua được,” và những sự giàu có thuộc linh này mở ra cho chúng ta tất cả sự giàu có của cõi vũ trụ bao la của Đức Chúa Trời. Chúng ta tận hưởng những sự ban cho vì chúng ta biết và yêu mến Đấng Ban Cho.

2. Tất cả những sự giàu có này đến bởi ân điển của Đức Chúa Trời và nhằm tôn cao vinh hiển của Đức Chúa Trời. Bạn có để ý là sau mỗi phần của các phần chính trong các câu 1:4-14, Phao-lô đã thêm vào mục đích đằng sau các sự ban cho này không? Vì sao Đức Chúa Cha đã chọn chúng ta, nhận chúng ta làm con nuôi, và tiếp nhận chúng ta? “Để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài” (c.6). Vì sao Đức Chúa Con đã cứu chuộc chúng ta, tha thứ chúng ta, bày tỏ ý muốn Ngài cho chúng ta, và khiến chúng ta thành một phần của cơ nghiệp Ngài? “hầu cho sự vinh hiển của Ngài nhờ chúng ta mà được ngợi khen” (c.12). Vì sao Đức Thánh Linh đã ấn chứng chúng ta và trở nên người bảo lãnh cho phước hạnh tương lai của chúng ta? “Để khen ngợi sự vinh hiển Ngài” (c.14).

Chúng ta thường có ý nghĩ là Đức Chúa Trời cứu những kẻ có tội chính yếu vì Ngài thương hại họ, hoặc muốn cứu họ khỏi sự đoán phạt đời đời, nhưng mục đích chính của Đức Chúa Trời là để Ngài có thể được tôn vinh. Sự sáng tạo của Ngài bày tỏ sự khôn ngoan và quyền năng Ngài, nhưng Hội Thánh Ngài bày tỏ tình yêu thương và ân điển Ngài. Bạn không thể xứng đáng hay có thể kiếm được những sự giàu có thuộc linh này bạn chỉ có thể nhận lãnh chúng nhờ ân điển, bởi đức tin.

3. Những sự giàu có này chỉ là sự khởi đầu! Khi chúng ta bước đi với Cứu Chúa, Ngài luôn dành sẵn nhiều gia sản thuộc linh hơn để chúng ta có thể nhận được. Thánh Kinh là sách hướng dẫn của chúng ta Đức Thánh Linh là giáo sư của chúng ta. Khi chúng ta nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời, chúng ta khám phá ngày càng nhiều hơn những sự giàu có thuộc linh chúng ta có được trong Đấng Christ. Những sự giàu có này đã được Đức Chúa Cha hoạch định, được Đức Chúa Con mua chuộc, và được Đức Thánh Linh bày tỏ. Thực ra chúng ta không cần phải sống trong sự nghèo thiếu khi tất cả mọi sự giàu có của Đức Chúa Trời đều dành sẵn cho chúng ta tùy ý sử dụng!

Bạn tôi đang thảo luận những vấn đề tiền bạc với vợ anh ta và cả hai vợ chồng đều không nhận biết là cậu con trai của họ đang lắng nghe. Cuối cùng cậu bé ngắt lời họ với một đề nghị, “Tại sao ba mẹ không chịu viết vào một trong mấy tờ giấy đó là xong?” Junior không hiểu rằng cần phải có tiền trong ngân hàng để bảo chứng “mấy tờ giấy đó.” Nhưng chúng ta không bao giờ đối diện vấn đề đó khi nó xảy đến với gia sản thuộc linh của mình.

Một quyển sách cầu nguyện nhỏ của Charles Spurgeon được đề tựa là Một Sổ Ngân Phiếu của Ngân Hàng Đức Tin. Mỗi ngày trong năm đều có một lời hứa từ Kinh Thánh, kèm theo một sứ điệp ngắn để cầu nguyện. Tác giả mô tả mỗi lời hứa đều tốt đẹp như tiền trong ngân hàng đối với bất cứ ai nhận lấy lời hứa ấy bởi đức tin, như một người viết một chi phiếu lãnh tiền từ tài khoản ngân hàng

của mình. Bởi đức tin chúng ta có thể nhận lấy những lời hứa của Đức Chúa Trời và nương nhờ vào sự giàu có vô hạn của Ngài để đáp ứng mọi nhu cầu chúng ta có thể đối diện.

4. Hãy đọc quyển sổ ngân hàng (Eph 1:15-23)

Vào ngày 6 Tháng Giêng, 1822, vợ của một mục sư nghèo thiếu người Đức sinh một bé trai, không hề mơ ước rằng cậu bé này một ngày kia sẽ được nổi tiếng khắp thế giới và có tài sản kết sù. Khi Heinrich Schliemann được bảy tuổi, một bức ảnh thành Troy cổ xưa đang bốc cháy tràn ngập trí tưởng tượng của cậu. Trái với điều nhiều người tin, Heinrich lý luận rằng những bài thơ tuyệt tác của Homer, bài Iliad và bài Odyssey, đều dựa trên những sự kiện lịch sử và ông bắt đầu chứng minh điều đó. Vào năm 1873, ông khám phá ra vị trí xưa kia của thành Troy, cùng với một số kho báu khó tin được mà ông đã lén mang ra khỏi đất nước, trước sự căm tức cực độ của chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ. Schliemann trở nên một người nổi tiếng, giàu có vì ông đã dám tin vào một điều ghi lại trong lịch sử cổ xưa và hành động theo đức tin của mình.

Chúng ta khám phá rằng mình được “sanh ra giàu có” khi chúng ta tin nhận Đấng Christ. Nhưng điều này không đủ, vì chúng ta phải tăng trưởng trong sự hiểu biết về sự giàu có của mình nếu chúng ta từng có ý định sử dụng chúng cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Quá nhiều Cơ Đốc nhân chưa bao giờ “đọc quyển sổ ngân hàng” để khám phá ra sự giàu có thuộc linh vô hạn mà Đức Chúa Trời đã đặt vào tài khoản của họ qua Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta giống như vị chủ báo đã quá cố, William Randolph Hearst, người đã đầu tư tài sản để sưu tầm những kho tàng nghệ thuật từ khắp nơi trên thế giới. Một ngày nọ Ông Hearst tìm thấy một tài liệu mô tả một số của báu mà ông cảm thấy mình phải sở hữu, vì thế ông phái nhân viên ra nước ngoài để tìm chúng. Sau nhiều tháng tìm kiếm, nhân viên đó báo cáo rằng cuối cùng ông đã tìm ra những của báu ấy. Chúng ở ngay trong kho của Ông Hearst. Hearst điên rồ tìm kiếm những của báu mà ông đã chiếm hữu rồi! Nếu ông đã đọc bản liệt kê các của báu mình có, thì rất có thể ông đã tiết kiệm được cho mình bao nhiêu là tiền bạc và phiền phức.

Phao-lô ao ước các Cơ Đốc nhân tại Ê-phê-sô hiểu là họ có của cải dư dật dường nào trong Đấng Christ. Phao-lô biết đến đức tin và tình yêu thương của họ, và ông vui mừng trong điều này. Đời sống Cơ Đốc có hai chiều: đức tin đối với Đức Chúa Trời và tình yêu thương đối với con người, và bạn không thể phân chia hai lãnh vực này ra. Nhưng Phao-lô biết rằng đức tin và tình yêu thương chỉ là sự khởi đầu. Người Ê-phê-sô cần hiểu biết nhiều hơn nữa. Đây là lý do vì sao ông cầu nguyện cho họ, và cho cả chúng ta.

Trong những lời cầu nguyện trong tù của Phao-lô (Eph 1:15-23 3:14-21 Phi 1:9-11 Co 1:9-12), chúng ta khám phá những phước hạnh ông mong muốn những kẻ trở lại đạo tận hưởng. Trong những lời cầu nguyện này Phao-lô không hề cầu xin những nhu cầu vật chất. Ông nhấn mạnh đến sự nhận thức thuộc linh và tính chất Cơ Đốc nhân chân thật. Ông không cầu xin Đức Chúa Trời ban cho họ những gì họ không có, nhưng đúng hơn ông cầu xin Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho họ những gì họ đã có rồi.

Trước khi nghiên cứu bốn lời cầu xin của Phao-lô trong “lời cầu nguyện để được sự soi sáng” này, chúng ta phải lưu ý hai sự kiện. Trước tiên, sự soi sáng đến từ Đức Thánh Linh. Ngài là “Thần khôn ngoan và Thần chân lý bày tỏ những sự sẽ đến” (Es 11:2 Gi 14:25-26 16:12-14). Với sự khôn ngoan riêng của mình, một người không thể nào hiểu được những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Người ấy cần Thánh Linh soi sáng mình (ICo2:9-16). Đức Thánh Linh bày tỏ chân lý cho chúng ta từ Lời Đức Chúa Trời, và rồi ban cho chúng ta sự khôn ngoan để hiểu và áp dụng chân lý ấy. Ngài cũng ban cho chúng ta năng quyền – khiến chúng ta có khả năng – để làm theo chân lý (Eph 3:14-21).

Thứ đến, sự soi sáng này đến với tấm lòng của người tín đồ (1:18). Theo nghĩa đen câu này là, “Con mắt của lòng anh em được soi sáng.” Chúng ta nghĩ đến tấm lòng là phần thuộc về tình cảm của con người, nhưng trong Kinh Thánh, tấm lòng có nghĩa là người bề trong, và bao gồm những cảm xúc, lý trí, và ý chí. Người bề trong, tức tấm lòng, có những khả năng thuộc linh tương đương với những giác quan thuộc thể. Người bề trong có thể nhìn thấy (Thi 119:18 Gi 3:3), nghe (Mat 13:9 He 5:11), nếm (Thi 34:8 IPhi 2:3), ngửi (Phi 4:18 IICo 2:14) và sờ được (Cong 17:27). Đây là điều Chúa

Giê-xu muốn nói khi Ngài phán về đoàn dân đông: “Họ xem mà không thấy, lắng tai mà không nghe” (Mat 13:13). Sự bất năng không thể nhìn thấy và hiểu được những điều thuộc linh không phải là sự sai trật của lý trí mà là của tâm lòng. Con mắt lòng phải được Thánh Linh Đức Chúa Trời mở ra vậy.

Phao-lô cầu xin con mắt của các tín hữu Ê-phê-sô có thể được mở ra để nhìn thấy bốn thực tế thuộc linh:

1. *Để họ có thể biết Đức Chúa Trời* (1:17b). Điều này, dĩ nhiên, là sự hiểu biết cao nhất có thể được. Những người vô thần cho rằng không hề có Đức Chúa Trời để chúng ta biết đến, và những người theo thuyết bất khả tri nêu lên rằng nếu có một Đức Chúa Trời thì chúng ta không thể nào biết Ngài được. Nhưng Phao-lô đã gặp gỡ Đức Chúa Trời trong con người của Chúa Giê-xu Christ, và ông biết rằng một người thực sự không thể hiểu nhiều về bất cứ điều gì khác nếu thiếu một sự hiểu biết về Đức Chúa Trời.

Sự cố ý không nhìn biết Đức Chúa Trời này đưa con người vào sự sa bại và bị án phạt. Trong Ro 1:18tt. Phao-lô mô tả những giai đoạn trong sự suy thoái của con người: từ sự cố ý không nhìn biết Đức Chúa Trời đến sự thờ lạy hình tượng (dùng một sự giả dối thay thế cho chân lý) đến sự vô luân và bậy bạ. Điều này bắt đầu từ đâu? Nó bắt đầu với một sự không sẵn lòng nhìn biết Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hoá, Đấng Trợ giúp, Đấng Chăm quyền, Đấng Cứu chuộc, và Đấng Phán xét.

Người tín đồ phải lớn lên trong sự hiểu biết về Đức Chúa Trời của mình. Biết Đức Chúa Trời cách cá nhân là sự cứu rỗi (Gi 17:3). Biết Đức Chúa Trời ngày càng hơn là sự nên thánh (Phi 3:10). Biết Ngài cách trọn vẹn là sự tôn vinh (ICo 13:9-12). Bởi lẽ chúng ta được dựng nên theo ảnh tượng Đức Chúa Trời (Sa 1:26-28), chúng ta càng biết Đức Chúa Trời tường tận hơn, nên càng biết chính mình và biết nhau rõ hơn. Biết Đức Chúa Trời chỉ như là Cứu Chúa không chưa đủ. Chúng ta phải đạt đến chỗ biết Ngài như người Cha, như Bạn hữu, như Đấng dẫn dắt, và càng biết rõ Ngài hơn, đời sống tâm linh chúng ta sẽ càng sung mãn thêm hơn.

Một tín đồ một ngày kia sau giờ học Kinh Thánh đã nói với tôi, “Tôi rất vui vì đã đến dự! Ông đã cho tôi hai câu gốc hay để dùng cho người láng giềng xấu tính của tôi!” Chắc chắn có nhiều lần chúng ta dùng Lời Đức Chúa Trời như một thanh gươm để đánh bại kẻ thù, nhưng đó không phải là mục đích chính đằng sau việc Kinh Thánh được viết ra. Như lời bài thánh ca quen thuộc ghi rằng: “Hỡi Chúa, vượt ngoài trang sách thiêng, / con tìm kiếm mặt Ngài. / Linh hồn con khao khát Ngài, / hỡi Lời hằng sống.”

2. *Để chúng ta có thể biết sự kêu gọi của Đức Chúa Trời* (1:18a). Từ được kêu gọi là một từ quan trọng trong từ vựng của Cơ Đốc nhân. Từ Hội Thánh là một từ ghép của hai từ Hy Lạp có nghĩa là “được gọi ra khỏi.” Phao-lô không hề chán việc làm chứng rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông “bởi ân điển Ngài” (Ga 1:15) và ông nhắc nhở Ti-mô-thê rằng người tín đồ có một “sự kêu gọi thiêng liêng” (ITi 1:9). Chúng ta đã được “kêu gọi ra khỏi nơi tối tăm đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài” (IPhi 2:9), và cũng đã được “kêu gọi đến sự vinh hiển” (IPhi 1:3). Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta bởi ân điển Ngài chứ không phải vì bất cứ công trạng gì chúng ta có thể có được.

Phao-lô muốn chúng ta hiểu sự hy vọng vốn thuộc về chúng ta vì có sự kêu gọi này (Eph 4:4). Một số sự kêu gọi không hứa hẹn hy vọng gì cả, nhưng sự kêu gọi chúng ta có trong Đấng Christ bảo đảm cho chúng ta về một tương lai đầy thú vị. Hãy nhớ rằng từ hy vọng (trông cậy) trong Kinh Thánh không có nghĩa là “mong được như vậy,” giống như một đứa bé mong ước một con búp bê hoặc một chiếc xe đạp vào dịp Giáng Sinh. Từ này chứa đựng “sự đảm bảo cho tương lai.” Dĩ nhiên, hy vọng của người tín đồ là sự trở lại của Chúa Giê-xu Christ vì có Hội Thánh Ngài (ITe 4:13-18 IGi 3:1-3). Khi chúng ta bị hư mất, chúng ta “không có sự trông cậy” (Eph 2:12) nhưng trong Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có một “sự trông cậy sống” (IPhi 1:3) khích lệ chúng ta mỗi ngày.

Tiến sĩ Kenneth Chafin, một tác giả nổi tiếng thuộc Hội Thánh Báp-tít, kể chuyện về vị mục sư và viên chấp sự đang thăm viếng các thuộc viên tương lai và lái xe đến một ngôi nhà xinh đẹp ở ngoại ô được bao bọc bởi một thảm cỏ mịn như nhung và phong cảnh tuyệt vời. Hai chiếc xe hơi đắt tiền nằm trên đường lái xe vào nhà, và qua khung cửa sổ thật đẹp hai vị nhìn thấy thành viên tương lai

của họ đang nằm uể oải trên một chiếc ghế bành và đang xem truyền hình màu. Viên chấp sự quay sang mục sư của mình và nói, “Chúng ta có loại tin mừng gì để đem đến cho ông ta đây?”

Chúng ta dễ chao đảo biết bao khi lẫn lộn giữa giá cả và giá trị. Ê-phê-sô là một thành phố giàu có. Nó kiêu hãnh về Đền thờ nữ thần Đê-anh, một trong những kỳ quan của thế giới cổ đại. Ngày nay, Ê-phê-sô là một thiên đàng của những nhà khảo cổ, nhưng tất cả sự giàu có và huy hoàng của nó không còn nữa. Nhưng những Cơ Đốc nhân đã từng sống tại đó thì hiện nay đang ở trên thiên đàng vui hưởng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời!

Sự trông cậy thuộc về sự kêu gọi của chúng ta phải là một động lực mạnh mẽ trong đời sống chúng ta, khích lệ chúng ta sống thánh sạch (IGi 2:28-3:3), vâng lời (He 13:17) và trung tín (Lu 12:42-48). Sự kiện một ngày kia chúng ta sẽ gặp Đấng Christ và trở nên giống như Ngài cần phải thôi thúc chúng ta sống giống như Đấng Christ ngay hôm nay.

3. *Để chúng ta có thể biết được sự giàu có của Đức Chúa Trời* (1:18b). Câu này không ám chỉ cơ nghiệp của chúng ta trong Đấng Christ (Eph 1:11), mà là cơ nghiệp của Ngài trong chúng ta. Đây là một chân lý đáng ngạc nhiên – Đức Chúa Trời coi chúng ta như là một phần trong cơ nghiệp vĩ đại của Ngài! Tài sản của một người đem lại sự vinh hiển cho người ấy thế nào, thì Đức Chúa Trời sẽ nhận được sự vinh hiển từ Hội Thánh thế ấy vì có những gì Ngài đã đầu tư nơi chúng ta. Khi Chúa Giê-xu Christ trở lại, chúng ta sẽ “ngợi khen sự vinh hiển của ân điển Ngài” (1:6).

Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta trên nền tảng của tương lai chúng ta, chớ không phải trên quá khứ chúng ta. Ngài phán với Ghê-đê-ôn đầy nhất sợ, “Hỡi người đồng sĩ, Đức Giê-hô-va ở cùng ngươi” (Cac 6:12). Chúa Giê-xu phán với anh của Anh-rê, “Ngươi là Si-môn . . . ngươi sẽ được gọi là Sê-pha (một hòn đá)” (Gi 1:42). Ghê-đê-ôn thực sự đã trở thành một tay đồng sĩ, và Si-môn thực sự đã trở thành Phi-e-rơ, một tảng đá. Cơ Đốc nhân chúng ta sống trong thời tương lai, đời sống chúng ta được chi phối bởi địa vị chúng ta trong tương lai khi Đấng Christ trở lại. Vì chúng ta là cơ nghiệp của Đức Chúa Trời, chúng ta sống để làm đẹp lòng Ngài và tôn vinh Ngài.

Chân lý này gợi ý cho chúng ta rằng Đấng Christ sẽ không vào trong sự vinh hiển mà Ngài đã hứa cho đến khi Hội Thánh có mặt tại đó để cùng san sẻ sự vinh hiển ấy với Ngài. Ngài đã cầu nguyện vì có điều này trước khi Ngài chịu chết, và lời cầu xin này sẽ được nhậm (Gi 17:24). Đấng Christ sẽ được tôn vinh trong chúng ta (IITe 1:10), và chúng ta sẽ được vinh hiển trong Ngài (Co 3:4). Việc nhận biết điều này sẽ đưa người tín đồ vào một đời sống tận hiến và hết lòng với Chúa.

4. *Để chúng ta có thể biết được quyền năng của Đức Chúa Trời* (1:19-23). Đức Chúa Trời đã bày tỏ tình yêu thương Ngài bởi việc khiến chúng ta nên cơ nghiệp của Ngài. Bởi việc hứa ban cho chúng ta một tương lai diệu kỳ, Ngài đã khích lệ sự hy vọng của chúng ta. Phao-lô đã đưa ra một điều để thách thức đức tin chúng ta: “quyền vô hạn của Ngài đối với chúng ta có lòng tin” (c.19). Chân lý này quá to lớn đến nỗi Phao-lô đã liệt kê nhiều chữ khác nhau trong từ vựng Hy Lạp để cho vấn đề ông trình bày được hiểu thấu đáo: dunamis – “năng lượng” (power) như trong máy phát điện và mìn energieia – “hoạt động” (working) như trong năng lượng (energy) kratos – “mạnh mẽ, phi thường” (mighty) ischus – “năng lực” (power). Câu 19 có thể được dịch là, “Quyền năng vĩ đại siêu việt Ngài dành cho anh chị em là những người tin thật lớn lao biết bao, theo như năng lực mạnh mẽ của Ngài hành động.” Ông đang nói về năng lực đời đời, mạnh mẽ từ thiên thượng, dành sẵn cho chúng ta!

Xét cho cùng, có của cải thì ích chi nếu bạn quá đau yếu không thể sử dụng được? Hay nếu bạn quá sợ ăn cướp đến độ bạn không thể nào thực sự vui hưởng nó? John D. Rockefeller là nhà tỉ phú đầu tiên của thế giới. Người ta nói rằng suốt nhiều năm, ông sống bằng bánh quy dòn và sữa vì có những chứng đau bao tử do việc lo lắng về của cải mình gây ra. Hiếm khi ông có được một giấc ngủ ngon trọn đêm, và cận vệ túc trực thường xuyên tại cửa nhà ông. Giàu có – nhưng thật khôn khổ! Khi ông bắt đầu san sẻ của cải mình với những người khác trong những nỗ lực từ thiện to lớn, sức khỏe ông tiến triển đáng kể và ông đã sống đến lúc về già.

Cơ Đốc nhân chúng ta cần năng lực vì nhiều lý do. Trước hết, theo bản tính tự nhiên chúng ta quá yếu đuối không thể hiểu rõ giá trị và chiếm hữu sự giàu có này, và sử dụng nó theo như nó đáng phải được sử dụng. “Tâm thần thì muốn lắm, nhưng xác thịt thì yếu đuối” (Mat 26:41). Chuyển giao tài sản

thuộc linh to lớn này cho một con người đơn thuần, sống theo sự khôn ngoan và sức lực của con người, sẽ giống như trao một quả bom nguyên tử cho một đứa bé hai tuổi. Năng lực của Đức Chúa Trời khiến chúng ta có thể sử dụng sự giàu có của Đức Chúa Trời.

Nhưng có một lý do thứ nhì khiến chúng ta cần năng lực của Đức Chúa Trời. Có những kẻ thù mong muốn cướp đoạt đi của cải của chúng ta (Eph 1:21 6:11-12). Chúng ta vốn không thể nào đánh bại những kẻ thù thuộc linh này bằng năng lực của riêng mình được, nhưng hiện nay chúng ta có thể làm điều đó nhờ năng quyền của Thánh Linh. Phao-lô muốn chúng ta biết quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta sẽ không thất bại trong việc sử dụng sự giàu có của mình, và hầu cho kẻ thù sẽ không tức giận được sự giàu có đó khỏi chúng ta.

Năng quyền này được nhìn thấy trong sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ. Trong Cựu Ước, người ta đo lường quyền năng của Đức Chúa Trời bởi công việc sáng tạo của Ngài (Es 40:12-27) hoặc bởi phép lạ Ngài thực hiện khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập (Gie 16:14). Nhưng ngày nay, chúng ta đo lường quyền năng của Đức Chúa Trời bởi phép lạ của sự phục sinh của Đấng Christ. Sự kiện này bao gồm nhiều điều hơn là chỉ việc khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, vì Đấng Christ cũng đã lên trời và ngồi trong địa vị đầy uy quyền tại bên hữu Đức Chúa Trời. Ngài không chỉ là Cứu Chúa Ngài cũng là Đấng Cầm quyền (Cong 2:25-36). Không uy quyền hay thế lực nào, của con người hay trong thế giới thần linh, vĩ đại hơn uy quyền và thế lực của Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời đáng được chúc tôn. Ngài “trời hơn tất cả,” và không kẻ thù nào trong tương lai có thể thắng hơn Ngài, vì Ngài đã được tôn cao “trời hơn tất cả” mọi quyền thế.

Nhưng điều này áp dụng thế nào cho bạn và tôi ngày hôm nay? Trong câu 22 và 23, Phao-lô giải thích sự áp dụng rất thực tế. Vì chúng ta là tín đồ, chúng ta ở trong Hội Thánh, tức là thân thể Đấng Christ – và Ngài là đầu. Điều này có nghĩa là có một mối quan hệ sống động giữa bạn với Đấng Christ. Về thuộc thể, cái đầu điều khiển toàn thân và giữ cho thân thể hoạt động đúng chức năng. Làm tổn thương những bộ phận nào đó của bộ não tức là bạn đã làm trở ngại hoặc bại liệt những bộ phận tương ứng của thân. Đấng Christ là Đầu của chúng ta về mặt tâm linh. Bởi Đức Thánh Linh, chúng ta được hiệp nhất với Ngài như các chi thể của thân Ngài. Điều này có nghĩa là chúng ta cùng san sẻ sự phục sinh, sự thăng thiên, và sự tôn cao của Ngài. (Phao-lô sẽ bàn rộng vấn đề này sau.) Chúng ta cũng vậy, được đồng ngồi, ở các nơi trên trời (Eph 2:6), và muôn vật đều ở dưới chân chúng ta.

Không ngạc nhiên gì khi Phao-lô muốn chúng ta biết “quyền năng vĩ đại siêu việt của Ngài đối với chúng ta”! Ngoài năng quyền này ra, chúng ta không thể nào rút ra được sự giàu có vĩ đại của mình trong Đấng Christ được.

Tôi nhớ có lần đã đến bệnh viện với một bà thuộc viên của Hội Thánh chúng tôi cố tìm cách để chồng bà ký tên vào một tờ giấy uỷ quyền cho bà rút tiền từ tài khoản riêng của ông hầu cho bà có thể chi trả các hoá đơn của ông. Người chồng này quá yếu đến nỗi không thể nào ký vào tờ giấy được. Cuối cùng bà phải nhờ những người làm chứng để xác thực dấu chữ “X” trên văn kiện là do ông ký. Sự yếu đuối của ông khiến bà suýt bị mất quyền sử dụng tài sản của ông.

Năng quyền của Đức Thánh Linh, qua Đấng Christ đã phục sinh và thăng thiên, dành sẵn cho mọi Cơ Đốc nhân – bởi đức tin có thể nhận lãnh được. Quyền vô hạn của Ngài “dành cho chúng ta là kẻ có lòng tin” (c.19). Chính ân điển cung cấp sự giàu có này, nhưng chính đức tin nắm giữ lấy sự giàu có này. Chúng ta được cứu “nhờ ân điển, bởi đức tin” (Eph 2:8-9), và chúng ta sống “nhờ ân điển,” bởi đức tin (ICo 15:10).

Trong bốn sách Phúc Âm, chúng ta thấy quyền năng của Đức Chúa Trời hành động trong chức vụ của Chúa Giê-xu Christ, nhưng trong sách Công vụ, chúng ta thấy cùng năng quyền ấy hành động trong những người nam và nữ tâm thường, là các chi thể trong Thân Đấng Christ. Thật là một sự biến đổi lạ lùng đã diễn ra trong đời sống Phi-e-rơ giữa phần cuối các sách Phúc Âm và phần đầu sách Công vụ. Điều gì đã tạo nên sự khác biệt ấy? Năng quyền phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (Cong 1:8).

Sự thiếu hụt năng lượng lớn lao nhất ngày nay không phải là trong các máy phát điện của chúng ta hay trong các thùng xăng dầu của chúng ta. Đó chính là trong đời sống cá nhân của chúng ta. Lời

cầu xin của Phao-lô sẽ được nhậm trong đời sống bạn không? Khởi từ hôm nay, bạn sẽ bắt đầu nhận biết Đức Chúa Trời – sự kêu gọi của Đức Chúa Trời – sự giàu có của Đức Chúa Trời – và năng quyền của Ngài bằng từng trải riêng tư của chính mình chứ?

3. HÃY RA KHỎI NGHĨA TRANG (Eph 2:1-10)

Đã mô tả những tài sản thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ, Phao-lô quay sang một chân lý bổ sung: địa vị thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ. Trước tiên ông giải thích điều Đức Chúa Trời đã làm cho mọi tội nhân nói chung kể đó ông giải thích điều Đức Chúa Trời đã làm đặc biệt cho các dân ngoại. Tội nhân tin nhận Đấng Christ thì đã được sống lại và đang ngồi trên ngai (2:1-10), và tin rằng người Do Thái và các dân ngoại đã được phục hoà và trở nên đền thờ Chúa (2:11-22). Thật là một phép lạ diệu kỳ của ân điển Đức Chúa Trời! Chúng ta được đem ra khỏi phần mộ góm ghê của tội lỗi và được đặt vào địa vị vinh hiển trên ngai.

Có lẽ cách dễ dàng nhất để chúng ta tiếp cận đoạn Kinh Thánh thật dài này là nhìn thấy trong đó bốn việc làm đặc biệt.

1. Việc làm của tội lỗi chống nghịch cùng chúng ta (Eph 2:1-3)

Một nhà xuất bản hỏi xin tôi một bức chân dung toàn thân để họ có thể “phóng to lên” và dùng làm một vật trưng bày như người thật tại phòng hội nghị của họ để quảng cáo các băng từ của tôi. Một người bạn của tôi đã chụp tấm ảnh này, và đó là một kinh nghiệm mới mẻ đối với tôi. Tôi từng quen ngồi để chụp ảnh bán thân, nhưng đứng để chụp ảnh toàn thân là một điều mới mẻ. Tôi phải luôn để ý thế đứng của mình, đôi chân phải để thật thẳng, và hai tay – thường hay bị quên – phải đặt ở đúng vị trí. May thay, người bạn nhiếp ảnh của tôi là một chuyên gia, và chúng tôi đã cố gắng có được một bức ảnh đáng hoàng trong một thời gian ngắn. Trong ba câu này, Phao-lô cho chúng ta một bức tranh đầy đủ rõ nét về tình trạng tâm linh kinh khiếp của người chưa được cứu. Hãy lưu ý các đặc tính của người ấy:

Người ấy đã chết (Eph 2:1). Dĩ nhiên, điều này ám chỉ sự chết thuộc linh nghĩa là người ấy không thể nào hiểu và nhận thức sâu sắc được những điều thuộc linh. Người ấy không có sự sống tâm linh, và người ấy không thể tự mình làm được gì để đẹp lòng Đức Chúa Trời. Giống hệt như một người chết thuộc thể không phản ứng lại đối với những sự kích động thuộc thể, cũng vậy một người chết thuộc linh không thể đáp ứng lại đối với những điều thuộc linh. Một xác chết không nghe được mẩu đối thoại đang diễn ra trong phòng có tang chế. Người ấy không ưa thích món ăn hay thức uống nào cả người ấy không cảm thấy đau đớn người ấy đã chết. Cũng y như vậy với con người bề trong của người chưa được cứu. Các khả năng thuộc linh của người ấy không đang hoạt động, và chúng không thể nào hoạt động được cho đến khi Đức Chúa Trời ban sự sống cho người ấy. “Họ xem mà không thấy, lắng tai mà không nghe” (Mat 13:13). Nguyên nhân của sự chết thuộc linh này là “những lầm lỗi và tội ác” (Eph 2:1). “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (Ro 6:23). Trong Kinh Thánh, sự chết về cơ bản có nghĩa là “sự phân rẽ,” không chỉ về thuộc thể, khi linh hồn lìa khỏi thân xác (Gia 2:26), mà cả về thuộc linh nữa, khi tâm linh xa cách với Đức Chúa Trời (Es 59:2).

Người không tin Chúa không phải đau yếu người ấy đã chết! Người ấy không cần sự làm cho tươi tỉnh lại người ấy cần sự phục sinh. Mọi tội nhân hư mất đều đã chết, và sự khác biệt duy nhất giữa một tội nhân này với một tội nhân khác là tình trạng hư nát. Kẻ bị bỏ rơi vô thừa nhận sống chung bọn lưu manh đang điếm hư mất trông bề ngoài có thể thối tha hơn nhà lãnh đạo xã hội, nhưng cả hai đều đã chết trong tội lỗi – và một tử thi này không thể nào chết nhiều hơn một tử thi khác được! Điều này có nghĩa là thế giới chúng ta là một nghĩa địa vĩ đại, đầy những người đã chết trong khi họ vẫn sống (ITi 5:6).

Người ấy không vâng phục (Eph 2:2:3a). Đây là giai đoạn đầu của sự chết thuộc linh của con người – sự không vâng phục của người ấy đối với ý chỉ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán, “Một mai người ăn chắc sẽ chết” (Sa 2:17). Sa-tan nói, “Hai người chẳng chết đâu” (Sa 3:4), và vì tin lời dối trá này, người nam và người nữ đầu tiên đã phạm tội và từng trải sự chết thuộc linh ngay tức khắc và sự

chết thuộc thể cuối cuộc đời. Từ đó trở đi, nhân loại đã sống trong sự bất tuân đối với Đức Chúa Trời. Có ba thể lực cổ vũ con người sống trong sự bất tuân của mình – thể gian, ma quỷ, và xác thịt.

Thể gian, hoặc hệ thống thể gian, đặt áp lực trên mỗi người cố gắng để khiến người ấy phải làm theo nó (Ro 12:2). Chúa Giê-xu Christ không “thuộc về thể gian này” và con dân Ngài cũng vậy (Gi 8:23 17:14). Nhưng người chưa được cứu, hoặc cố ý hoặc vô tình, đều bị khống chế bởi những giá trị và thái độ của thể gian này.

Ma quỷ là “thần hiện đang hành động trong các con bạn nghịch.” Điều này không có nghĩa là Sa-tan đang hành động cách cá nhân trong đời sống của mỗi người không tin Chúa, vì Sa-tan vốn là một vật thọ tạo bị giới hạn trong không gian. Không giống Đức Chúa Trời, Đấng hiện diện khắp mọi nơi, Sa-tan không thể nào có mặt tại tất cả mọi nơi trong cùng một lúc. Nhưng vì có các thần dữ dưới quyền nó (Eph 6:11-12), và sự thống trị của nó trên hệ thống thể gian (Gi 12:31), Sa-tan ảnh hưởng đời sống của tất cả những kẻ vô tín, và nó cũng tìm cách ảnh hưởng cả tín đồ nữa. Nó muốn biến người ta trở thành “những con cái bạn nghịch” (Eph 2:2 5:6). Bản thân nó đã bất tuân Đức Chúa Trời, vì thế nó cũng muốn người khác đừng vâng lời Ngài.

Một trong những công cụ chính yếu của Sa-tan để khiến người ta không vâng lời Đức Chúa Trời là những lời nói dối trá. Nó là một kẻ nói dối (Gi 8:44), và chính lời nói dối của nó vào buổi ban đầu của lịch sử nhân loại “Các ngươi sẽ chẳng chết đâu,” đã đẩy dòng dõi loài người vào tội lỗi. Vô số những người chưa được cứu trong hệ thống thể gian ngày nay không vâng theo Đức Chúa Trời vì họ tin những lời giả dối của Sa-tan. Khi một người tin một lời nói dối, người ấy trở thành một con cái của sự bạn nghịch.

Xác thịt là thể lực thứ ba cổ vũ người vô tín bất tuân Đức Chúa Trời. Bởi từ xác thịt Phao-lô không ám chỉ thân xác, vì cơ thể thân xác tự nó không có tội. Xác thịt ám chỉ bản tính sa ngã bẩm sinh của chúng ta nó muốn điều khiển thân xác và tâm trí và khiến chúng ta bất tuân Đức Chúa Trời. Một nhà truyền đạo bạn của tôi một lần nọ loan báo đề tài bài giảng của ông là “Tại Sao Con Chó của Bạn Lại Làm Điều Nó Làm,” và, dĩ nhiên, nhiều người yêu quý chó đổ xô ra nghe ông giảng. Những điều ông phải nói thật hiển nhiên, nhưng lại rất thường bị coi nhẹ: “Một con chó xử sự như một con chó vì nó có bản tính của một con chó.” Nếu bằng cách này cách khác bạn có thể cấy vào con chó bản tính của con mèo, cách xử sự của nó sẽ thay đổi hoàn toàn. Vì sao một tội nhân cư xử như một tội nhân? Vì người ấy có bản tính của một tội nhân (Thi 51:5 58:3). Bản tánh tội lỗi này Kinh Thánh gọi là “xác thịt.”

Có gì đáng ngạc nhiên chẳng khi người chưa được cứu không vâng theo Đức Chúa Trời? Người ấy bị thống trị bởi thể gian, xác thịt, và ma quỷ, ba kẻ đại thù nghịch của Đức Chúa Trời! Và người ấy không thể nào thay đổi bản tính của riêng mình hay, tự người ấy, thắng hơn được thể gian và ma quỷ. Người ấy cần sự trợ giúp từ bên ngoài, và sự trợ giúp ấy chỉ có thể đến từ Đức Chúa Trời.

Người ấy bị bại hoại (Eph 2:3b). Tội nhân hư mất sống để thoả mãn “những dục vọng của xác thịt và những sự ham mê của tâm trí” (dịch sát nghĩa). Những hành vi của người ấy đầy tội lỗi vì những sự tham muốn của người ấy là tội lỗi. Khi bạn ứng dụng từ bại hoại với người chưa được cứu, bạn không chỉ nói rằng người ấy làm điều xấu xa, hay người ấy không thể nào làm điều tốt. Bạn muốn nói rằng người ấy không thể nào làm bất cứ điều gì để xứng đáng hưởng sự cứu rỗi hay đáp ứng những tiêu chuẩn cao về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phán rằng những kẻ có tội hư mất làm điều tốt lẫn cho nhau (Lu 6:33), và cho con cái họ (Lu 11:13), nhưng họ không thể nào làm bất cứ điều gì tốt đẹp về thuộc linh để khiến Đức Chúa Trời đẹp lòng. Những thổ dân trên đảo Man-tơ là những người đã tử tế giúp đỡ Phao-lô và các bạn của ông sau vụ đắm tàu chắc hẳn đã làm những việc tốt lành, nhưng họ vẫn cần được cứu rỗi (Cong 28:1-2).

Người ấy đã bị định tội (2:3c). Theo bản tính, là con cái của sự thanh nộ! Theo việc làm, là con cái của sự bạn nghịch! Người chưa được cứu đã bị định tội rồi (Gi 3:18). Bản án đã được tuyên bố, nhưng Đức Chúa Trời bởi lòng thương xót Ngài hiện đang trì hoãn việc thi hành án lệnh (II Phi 3:8-10). Con người không thể nào tự cứu lấy mình, nhưng Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã can thiệp

vào để sự cứu rỗi có thể thành hiện thực. “Chỉ có Đức Chúa Trời mà thôi!” – những từ đó tạo nên sự khác biệt dường nào! Điều này đưa đến việc làm thứ hai.

2. Việc làm của Đức Chúa Trời vì có chúng ta (Eph 2:4-9)

Giờ đây chúng ta tập trung sự chú ý vào Đức Chúa Trời, chớ không phải vào con người tội lỗi nữa. “Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va” (Gion 2:10). Chúng ta được nhắc nhở đến bốn hoạt động mà Đức Chúa Trời đã thực hiện vì có các tội nhân để cứu họ khỏi những hậu quả của tội lỗi mình.

Ngài đã yêu thương chúng ta (Eph 2:4). Theo bản tính, “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” (IGi 4:8). Nhưng Đức Chúa Trời sẽ cứu yêu thương ngay cả nếu không có tội nhân, vì sự yêu thương là một phần của chính mình Ngài. Các nhà thần học gọi sự yêu thương là một trong những thuộc tính của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời có hai loại thuộc tính: những thuộc tính cố hữu của Chính mình Ngài (những thuộc tính vốn là bản chất của Ngài, chẳng hạn như sự sống, sự yêu thương, đức thánh khiết), và những thuộc tính bởi đó Ngài liên hệ với tạo vật của Ngài, đặc biệt là với con người (những thuộc tính liên hệ đến người khác). Chẳng hạn như, theo bản tính Đức Chúa Trời là chân lý nhưng khi Đức Chúa Trời tương quan với con người, chân lý của Ngài trở nên sự thành tín. Đức Chúa Trời theo bản tính là thánh khiết và khi Ngài liên kết sự thánh khiết ấy với con người, nó trở thành sự công bình.

Sự yêu thương là một trong các thuộc tính cố hữu của Đức Chúa Trời, nhưng khi sự yêu thương này liên quan đến tội nhân, nó trở nên ân điển và sự thương xót. Đức Chúa Trời “giàu lòng thương xót” (2:4) và “giàu ân điển” (2:7), và những sự giàu có này khiến tội nhân có thể được cứu. Một số người thật sững sốt khi họ khám phá rằng chúng ta không phải được cứu “bởi lòng yêu thương của Đức Chúa Trời,” mà bởi sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời. Bởi lòng thương xót Ngài, Ngài không ban cho chúng ta điều chúng ta thật sự đáng nhận lãnh và bởi ân điển Ngài, Ngài ban cho chúng ta điều chúng ta không xứng đáng nhận. Và tất cả những điều này được thành hiện thực nhờ sự chết của Chúa Giê-xu Christ trên thập tự giá. Chính tại Đồi Gô-gô-tha Đức Chúa Trời đã biểu lộ lòng căm ghét của Ngài đối với tội lỗi và sự yêu thương của Ngài đối với tội nhân (Ro 5:8 Gi 3:16).

Ngài làm cho chúng ta sống lại (Eph 2:5). Điều này có nghĩa là Ngài khiến chúng ta được sống, ngay cả khi chúng ta đã chết trong tội lỗi. Ngài đã làm hoàn tất sự phục sinh thuộc linh này bởi năng quyền của Thánh Linh, sử dụng Lời của Đức Chúa Trời. Trong bốn sách Phúc Âm có kỹ thuật lại rằng Chúa Giê-xu đã kêu ba người chết sống lại: con trai của người đàn bà góa (Lu 7:11-17), con gái Giai ru (Lu 8:49-56), và La-xa-rơ (Gi 11:41-46). Trong từng trường hợp, Ngài phán Lời Đức Chúa Trời và điều này đem đến sự sống. “Lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm” (He 4:12). Ba sự sống lại thuộc thể này là những hình ảnh của sự phục sinh thuộc linh xảy đến cho một tội nhân khi người ấy nghe Lời Đức Chúa Trời và tin (Gi 5:24).

Nhưng sự phục sinh thuộc linh của chúng ta thật lớn lao hơn nhiều vì nó đặt chúng ta trong sự hiệp nhất với Đấng Christ: Đức Chúa Trời “đã làm chúng ta đồng sống lại với Đấng Christ.” Là các chi thể trong thân Ngài chúng ta được hiệp nhất với Ngài (Eph 1:22-23), hầu cho chúng ta được san sẻ sự sống và quyền năng phục sinh của Ngài (Eph 1:19-20).

Ngài tôn cao chúng ta (Eph 2:6). Chúng ta không phải được sống lại từ trong kẻ chết và rồi bị bỏ mặc trong phần mộ. Vì chúng ta được hiệp nhất với Đấng Christ, chúng ta đã được tôn cao với Ngài và chúng ta đang đồng ngồi trên ngôi với Ngài tại các nơi trên trời. Vị trí thuộc thể của chúng ta có thể ở trên đất này, nhưng vị trí thuộc linh của chúng ta thì “trong các nơi trên trời trong Chúa Giê-xu Christ.” Giống như La-xa-rơ, chúng ta đã được gọi từ phần mộ để ngồi với Đấng Christ và tận hưởng mối thông công với Ngài (Gi 12:1-2).

Ngài giữ chúng ta (Eph 2:7-9). Mục đích của Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc chúng ta không chỉ là giải cứu chúng ta khỏi địa ngục, vốn là một công tác rất vĩ đại. Mục đích tối hậu của Ngài trong sự cứu rỗi chúng ta là để cho cả cõi đời đời Hội Thánh có thể ngợi khen ân điển của Ngài (Eph 1:6,12,14). Vì thế, nếu Đức Chúa Trời có một mục đích đời đời cho chúng ta thực hiện, Ngài sẽ giữ chúng ta cho cả cõi đời đời. Vì chúng ta đã không được cứu bởi những việc lành của mình, nên chúng

ta không thể bị hư mất bởi những việc không tốt của mình. Ân điển có nghĩa là sự cứu rỗi hoàn toàn tách biệt khỏi bất kỳ công trạng hoặc việc làm nào về phần chúng ta. Ân điển có nghĩa là Đức Chúa Trời làm tất cả mọi việc đó vì có Chúa Giê-xu Christ. Sự cứu rỗi của chúng ta là sự ban cho của Đức Chúa Trời. (Từ mà trong câu 8, trong Hy văn, có tính cách trung tính trong khi từ đức tin lại là giống cái. Vì vậy từ mà không thể nào nói đến đức tin. Nó nói đến toàn bộ kinh nghiệm của sự cứu chuộc, bao gồm đức tin.) Sự cứu chuộc là một quà tặng, chứ không phải một sự ban thưởng.

Sự cứu rỗi không thể nào “thuộc các việc làm” vì công tác cứu chuộc đã được hoàn tất trên thập tự giá. Đây là công tác mà Đức Chúa Trời thực hiện vì có chúng ta, và đó là một công việc đã được làm xong (Gi 17:1-4 19:30). Chúng ta không thể thêm điều gì vào đó (He 10:1-14) chúng ta không dám lấy bớt điều gì khỏi đó. Khi Chúa Giê-xu chết, bức màn trong đền thờ bị xé làm hai, từ trên xuống dưới, báo hiệu rằng con đường đến với Đức Chúa Trời giờ đây đã được mở ra. Không cần phải có các cửa lễ trên đất nữa. Chiên Con của Đức Chúa Trời là cửa lễ duy nhất đã làm trọn công tác cứu chuộc vĩ đại. Đức Chúa Trời đã thực hiện tất cả công việc này, và Ngài đã làm điều đó bởi ân điển Ngài.

Tội lỗi đã hành động nghịch với chúng ta còn Đức Chúa Trời thì hành động vì có chúng ta, nhưng sự trở lại đạo lớn lao chỉ mới là bước khởi đầu mà thôi.

3. Việc làm của Đức Chúa Trời trong chúng ta (Eph 2:10a)

“Vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Chúa Giê-xu Christ.” Từ ngữ Hy Lạp được dịch là “việc” (workmanship) ở đây là chữ ποιημα, từ đó chúng ta có được chữ tiếng Anh “poem”. Nó có nghĩa là “việc được làm ra, một sản phẩm được tạo ra.” Nói cách khác, sự qui đạo của chúng ta không phải là sự kết thúc nó là sự khởi đầu. Chúng ta là một phần của “sự dựng nên mới” của Đức Chúa Trời (II Co 5:17), và Đức Chúa Trời tiếp tục hành động trong chúng ta để khiến chúng ta trở nên như điều Ngài mong muốn. Mục đích của Ngài là khiến chúng ta nên giống Đấng Christ hơn (Ro 8:29).

Nhưng Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta bằng cách nào? Bởi Thánh Linh Ngài, khiến chúng ta “vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phi 2:13). Đấng Christ đã hoàn tất công tác cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá, nhưng Ngài đã sống lại từ kẻ chết và về trời. Tại đó Ngài tiếp tục công tác còn dang dở của Ngài là khiến cho Hội Thánh được nên trọn vẹn (Eph 4:7-16 He 13:20-21). Đấng Christ đang trang bị cho chúng ta để sống và hầu việc Ngài trên đất này. Để thực hiện điều này, Ngài sử dụng ba công cụ đặc biệt: Lời Đức Chúa Trời (ITe 2:13), sự cầu nguyện (Eph 3:20-21), và sự chịu khổ (IPhi 4:11-14). Khi chúng ta đọc Lời Đức Chúa Trời, hiểu, suy ngẫm, và sống nương trên lời ấy, Lời Chúa hành động trong đời sống chúng ta để thanh tẩy chúng ta và nuôi dưỡng tâm linh chúng ta. Khi chúng ta cầu nguyện, Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta để ban phát năng quyền. Và khi chúng ta chịu khổ, Thánh Linh của Đức Chúa Trời nâng đỡ chúng ta. Việc chịu khổ đưa chúng ta trở về với Lời Chúa và sự cầu nguyện, và chu trình lại được lặp lại.

Có quá nhiều Cơ Đốc nhân cho rằng việc trở lại đạo là từng trải quan trọng duy nhất, và sau đó không còn gì cả. Nhưng điều này sai. Chúng ta có thể dùng sự sống lại của La-xa-rơ làm ví dụ. Sau khi Chúa Giê-xu kêu La-xa-rơ sống lại từ kẻ chết, Ngài phán, “Hãy mở cho người và để người đi” (Gi 11:44). Nói cách khác, “Người này hiện đã sống lại. Hãy tháo bỏ vải liệm khỏi người!” Phao-lô nghĩ đến ý tưởng này khi ông viết trong Eph 4:22-24, “anh em phải bỏ cách ăn nết ở ngày trước, thoát lột người cũ là người bị hư hỏng bởi tư dục dơ bẩn . . . và mặc lấy người mới, tức là người đã được dựng nên giống như Đức Chúa Trời, trong sự công bình và thánh sạch của chân lý.” Co 3:1 có sứ điệp tương tự: “Vậy (vì có) anh em đã được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm các sự ở trên trời.”

Cùng năng quyền phục sinh đã cứu bạn và đem bạn ra khỏi phần mộ của tội lỗi có thể giúp bạn mỗi ngày sống cho Đấng Christ và tôn vinh Ngài. Với giá phải trả thật đắt đối với Chính mình Ngài, Đức Chúa Trời đã hành động vì có chúng ta trên thập tự giá. Và ngày nay, trên nền tảng của giá phải trả tại đồi Gô-gô-tha đó, Ngài đang hành động trong chúng ta để khiến chúng ta thích hiệp với Đấng Christ. Đức Chúa Trời không thể nào hành động trong chúng ta nếu như Ngài đã không hành động vì có chúng ta trước hết, và chúng ta tin cậy Con Ngài. Cũng vậy, Ngài không thể nào hành động qua

chúng ta nếu như Ngài không hành động trong chúng ta. Đây là lý do vì sao bạn phải dành thời giờ mỗi ngày trong sự học Lời Chúa và cầu nguyện, và đầu phục Đấng Christ trong suốt những thời kỳ chịu khổ là quan trọng. Vì chính qua Lời Chúa và sự cầu nguyện, cùng sự chịu khổ mà Đức Chúa Trời hành động trong bạn.

Kinh Thánh cho thấy nhiều thí dụ của nguyên tắc này. Đức Chúa Trời để ra 40 năm hành động trong Môi-se trước khi Ngài có thể hành động qua ông. Vào buổi đầu của chức vụ ông, Môi-se thật hăng say và cậy vào sức lực riêng của mình. Việc ông đã giết chết một người Ai Cập và phải chạy trốn khỏi Ai Cập, hẳn không phải là một phương cách thành công để bắt đầu một chức vụ. Nhưng suốt 40 năm làm một gã chăn chiên khiêm tốn trong đồng vắng đó, Môi-se đã kinh nghiệm Đức Chúa Trời hành động trong đời sống ông, một sự hành động để chuẩn bị ông cho bốn mươi năm chức vụ lầy lừng sau đó.

Có nhiều thí dụ khác nữa. Giô-sép đã chịu khổ suốt mười ba năm trước khi Đức Chúa Trời đặt ông cai trị xứ Ai Cập, đứng thứ nhì sau Pha-ra-ôn. Đa-vít được xức dầu làm vua khi còn là một chàng trai trẻ, nhưng ông không có được ngôi vua cho đến khi đã phải chịu khổ nhiều năm trường trong cảnh tha hương. Cả Sứ đồ Phao-lô cũng đã trải qua ba năm trong đồng vắng A-ra-bi sau khi trở lại đạo, không nghi ngờ gì ông đã kinh nghiệm công việc sâu nhiệm hơn của Đức Chúa Trời để chuẩn bị ông cho chức vụ sau này. Đức Chúa Trời phải hành động trong chúng ta trước khi Ngài có thể hành động qua chúng ta và điều này dẫn tới việc làm thứ tư trong đoạn văn của chúng ta.

4. Việc làm của Đức Chúa Trời qua chúng ta (Eph 2:10b)

Chúng ta “đã được dựng nên trong Chúa Giê-xu Christ để làm những việc lành.” Không phải chúng ta được cứu bởi những việc lành, mà là được cứu để làm việc lành. Nhà thần đạo nổi tiếng John Calvin đã viết, “Chỉ một mình đức tin khiến chúng ta được xưng công bình, nhưng đức tin khiến chúng ta được xưng công bình đó không bao giờ có thể đứng một mình cả.” Chúng ta được cứu không phải bởi đức tin cộng với những việc lành, mà là bởi một đức tin hành động. Nền tảng Kinh Thánh về chủ đề này là thư Gia 2:14-26, trong đó ông viết rõ ràng đức tin cứu rỗi luôn dẫn đến một đời sống được đổi mới. Nói rằng chúng ta có đức tin không chưa đủ chúng ta phải bày tỏ đức tin này bằng những việc làm của mình.

Kinh Thánh nói đến nhiều loại việc làm khác nhau. Có “các việc của luật pháp” vốn không thể nào cứu chúng ta được (Ga 2:16 3:11). Cũng có “các việc làm của xác thịt” được liệt kê trong Ga 5:19-21. Phao-lô nói đến “những việc tối tăm” (Ro 13:12 Eph 5:11). “Các việc chết” trong He 6:1 dường như là “những việc làm dẫn đến sự chết,” vì “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Ro 6:23). “Những việc công bình” trong Tit 3:5 ám chỉ những công việc tôn giáo, hoặc những việc lành khác, mà tội nhân cố gắng thực hiện như một phương tiện đạt đến sự cứu rỗi. Ê sai tuyên bố rằng, “mọi việc công bình của chúng tôi như những chiếc áo rách nát nhớp nhúa trước mắt Ngài” (Es 64:6). Nếu mọi việc công bình của chúng ta đều nhớp nhúa, thì tội lỗi của chúng ta chắc hẳn sẽ đáng kinh tởm biết bao!

“Những việc làm” mà Phao-lô viết trong Eph 2:10 có hai đặc điểm. Trước tiên, đó là những việc “lành,” trái ngược với “những việc tối tăm” và “những việc làm gian ác.” Nếu bạn đối chiếu câu 10 với câu 2 bạn sẽ thấy người không tin Chúa có Sa-tan hành động trong người ấy và vì thế những việc làm của người không tốt lành được. Nhưng người tín đồ có Đức Chúa Trời hành động trong người ấy, và vì vậy những việc làm của người là tốt lành. Những việc làm của người tốt lành không vì có bản thân người ấy tốt đẹp, mà là vì người ấy có một bản tính mới từ Đức Chúa Trời, và vì có Đức Thánh Linh hành động trong người ấy và qua người ấy để tạo nên những việc lành này.

Thật là điều không hay khi có nhiều tín đồ quá xem nhẹ chỗ của các việc lành trong đời sống Cơ Đốc. Vì chúng ta không được cứu bởi các việc lành, chúng ta có ý tưởng là các việc lành thì xấu xa và đây là một sự nhầm lẫn. “Sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta như vậy, đừng họ thấy những việc lành của các ngươi, và ngợi khen Cha các ngươi ở trên trời” (Mat 5:16). Chúng ta không thực hiện các việc lành để tôn cao chính mình, mà để tôn vinh Đức Chúa Trời. Phao-lô ao ước rằng Đấng Christ sẽ được cả sáng trong thân thể ông, ngay cho dù điều đó có nghĩa là sự chết đi nữa (Phi 1:20-21). Chúng ta cần phải “có dư dật để làm các thứ việc lành” (ICo 9:8), và “nảy ra đủ các thứ việc

lành” (Co 1:10). Một kết quả của sự hiểu biết Kinh Thánh là người tín đồ “được sắm sẵn để làm mọi việc lành” (ITi 3:17). Là tín đồ, chúng ta sẽ phải “sốt sắng về các việc lành” (Tit 2:14). Các việc lành của chúng ta thực sự là “những tế lễ thuộc linh” mà chúng ta dâng lên cho Đức Chúa Trời (He 13:16).

Điều quan trọng cần lưu ý là chúng ta không tạo ra các việc lành này. Chúng là kết quả công tác của Đức Chúa Trời trong tâm lòng chúng ta. “Chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài” (Phi 2:13). Bí quyết của những việc lành của Phao-lô là “ân điển của Đức Chúa Trời” (ICo 15:10). Những việc lành của chúng ta là chứng cứ rằng chúng ta đã được sanh lại. “Chẳng phải hề những kẻ nói cùng ta rằng, ‘Lạy Chúa, Lạy Chúa,’ thì đều được vào nước thiên đàng đâu nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi” (Mat 7:21). Các việc lành của chúng ta cũng là những lời chứng trước mặt những kẻ hư mất (IPhi 2:12). Chúng giành lấy cho chúng ta quyền được họ lắng nghe.

Một người bạn mục sư kể cho tôi nghe về một phụ nữ Cơ Đốc thường viếng thăm một ngôi nhà dưỡng lão gần nhà bà. Một ngày nọ bà để ý đến một người đàn ông đơn độc đang ngồi nhìn chăm chăm vào khay thức ăn tối của mình. Bà hỏi cách ân cần, “Có chuyện gì không hay vậy ông?”

“Có chuyện gì không hay à!” người ấy đáp bằng một giọng nặng nề. “Vâng, đúng là có chuyện không hay! Tôi là một người Do Thái, và tôi không thể nào ăn thức ăn này!”

“Vậy ông muốn dùng gì?” bà hỏi.

“Tôi muốn ăn một chén súp nóng!”

Bà ấy về nhà chuẩn bị món súp và, sau khi xin phép những người có trách nhiệm, bà đem món súp đến cho người đàn ông nọ. Trong các tuần lễ kế tiếp, bà thường đến thăm ông ta và đem cho ông loại thức ăn ông ưa thích và cuối cùng bà đã đưa ông trở lại tin nhận Đấng Christ. Đúng vậy, việc chuẩn bị món súp có thể là một tế lễ thuộc linh, một việc lành để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Nhưng các việc làm này không chỉ tốt lành chúng cũng được “sắm sẵn.” “Những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo” (Eph 2:10). Lần khác duy nhất mà từ này được dùng trong Tân Ước là trong Ro 9:23: “những bình đáng thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển.” Người không tin Chúa làm “theo thói quen đời này” (Eph 2:2), nhưng người tín đồ làm theo các việc làm mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho mình.

Đây là một câu đáng kinh ngạc. Nó hàm ý rằng Đức Chúa Trời có một chương trình cho đời sống chúng ta và chúng ta cần phải bước đi theo ý muốn Ngài và làm trọn chương trình của Ngài. Phao-lô không đang nói về “số mệnh” – tức là một định mệnh khách quan điều khiển cuộc đời bạn dù cho bạn có thể làm điều gì đi nữa. Ông đang nói về kế hoạch đầy ân điển của một Người Cha thiên thượng đầy yêu thương Đấng định liệu điều tốt đẹp nhất cho chúng ta. Ý muốn của Đức Chúa Trời xuất phát từ tâm lòng của Đức Chúa Trời. “Muru của Đức Chúa Trời được vững lập đời đời, ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi 33:11). Chúng ta khám phá ý chỉ kỳ thú của Đức Chúa Trời cho đời sống mình khi Thánh Linh mạc khải cho chúng ta qua Lời Ngài (ICo 2:9-13).

Sẽ rất ích lợi nếu kết thúc chương này với một bản tóm tắt cá nhân. Bạn đang kinh nghiệm điều nào trong bốn việc làm này? Tội lỗi có đang hành động nghịch cùng bạn vì cơ bạn chưa tin nhận Đấng Christ không? Vậy thì hãy tin nhận Ngài ngay bây giờ! Bạn đã từng kinh nghiệm việc làm của Ngài vì cơ bạn – trong bạn – qua bạn chưa?

Bạn đang mặc “vải liệm” hay “chiếc áo ân điển”? Bạn đang tận hưởng sự tự do mình có được trong Đấng Christ, hay bạn vẫn còn đang bị trói buộc bởi các thói quen của đời sống cũ trong nghĩa trang của tội lỗi? Là một Cơ Đốc nhân, bạn đã được sống lại và đồng ngồi trên ngôi. Hãy thực hành địa vị của bạn trong Đấng Christ! Ngài đã hành động vì cơ bạn giờ đây hãy để Ngài hành động trong bạn và qua bạn, hầu cho Ngài có thể ban cho bạn một đời sống thú vị, đầy sáng tạo nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời.

4. SỰ MỆNH BÌNH AN VĨ ĐẠI (Eph 2:11-22)

“Hoà bình trong thời đại chúng ta! Hoà bình với danh dự!”

Một số người trong chúng ta vẫn còn nhớ những lời nói của Thủ Tướng Anh, Ngài Neville Chamberlain, khi ông từ những cuộc hội nghị ở Đức trở về vào tháng 9 năm 1938. Ông quả quyết rằng mình đã chặn đứng được Adolf Hitler. Thế nhưng một năm sau, Hitler lại xâm chiếm Ba Lan, và vào ngày 3 tháng 9 năm 1939, Anh Quốc tuyên chiến với Đức. Sứ mệnh hoà bình vĩ đại của Chamberlain đã thất bại.

Đường như là hầu hết các sứ mệnh hoà bình đều thất bại. Tôi đọc đâu đó rằng từ năm 1500 trước C.N. đến năm 850 sau C.N có 7.500 “hiệp ước vĩnh viễn” được ký kết giữa vòng nhiều quốc gia khác nhau với hy vọng mang lại hoà bình, nhưng không hiệp ước nào kéo dài hơn hai năm. “Hiệp ước vĩnh viễn” duy nhất đã tồn tại – và sẽ còn tồn tại – là hiệp ước được thực hiện bởi Đức Chúa Trời đời đời, được đóng ấn bởi huyết của Chúa Giê-xu Christ. Chính là sứ mệnh bình an của Đấng Christ mà Phao-lô giảng giải trong phần này, và ba từ rất quan trọng tóm tắt công tác vĩ đại này: sự phân rẽ, sự phục hoà, và sự hiệp nhất.

1. Sự phân rẽ: Dân ngoại là gì ? (Eph 2:11-12)

Trong 10 câu đầu của chương 2, Phao-lô đã bàn về sự cứu rỗi tội nhân nói chung, nhưng giờ đây ông trở lại với công tác của Đấng Christ đặc biệt đối với dân ngoại. Hầu hết những người trở lại đạo tại Hội Thánh Ê-phê-sô là những người ngoại, và họ biết rằng phần lớn chương trình của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước liên quan đến người Do Thái. Suốt nhiều thế kỷ, “những kẻ chịu cắt bì” (người Do Thái) đã khinh thường “những kẻ không chịu cắt bì” (những dân ngoại) với thái độ mà Đức Chúa Trời không hề định cho họ bày tỏ. Sự kiện một người Do Thái đã nhận lãnh dấu hiệu thuộc thể của giao ước không phải là chứng cứ rằng người ấy là một người có đức tin (Ro 2:25-29 Ga 5:6 6:15). Những ai đã tin nhận Đấng Christ đều đã nhận được một sự cắt bì thuộc linh “không bởi tay người ta làm ra” (Co 2:11).

Nhưng kể từ giây phút Đức Chúa Trời kêu gọi Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời phân biệt giữa người Do Thái và các dân ngoại. Ngài tạo sự phân biệt này, không phải để những người Do Thái có thể khoe khoang, mà để họ có thể là một nguồn phước và một sự giúp đỡ đối với các dân ngoại. Đức Chúa Trời biệt riêng họ ra để Ngài có thể dùng họ làm một ống dẫn sự mặc khải và sự nhân từ của Ngài cho các dân tộc vô thần. Tiếc thay, dân Y-sơ-ra-ên đã giữ sự khác biệt này về mặt dân tộc và lễ nghi, chớ không giữ về mặt đạo đức. Y-sơ-ra-ên trở nên giống như các quốc gia hư mất chung quanh mình. Vì lý do này, Đức Chúa Trời đã thường phải sửa phạt người Do Thái vì có họ không duy trì sự phân rẽ về thuộc linh của mình và giúp đỡ các dân tộc khác trong danh của Đức Chúa Trời chân thật.

Một từ mô tả các dân ngoại đúng nhất là từ không có. Họ ở ngoài trong nhiều lãnh vực.

Không có Đấng Christ – Người Ê-phê-sô thờ lạy nữ thần Đi-anh nổi tiếng của họ, và trước khi sứ điệp Phúc Âm đến thì họ chẳng biết gì về Đấng Christ. Những ai cho rằng các tôn giáo ngoại bang cũng có thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời như đức tin Cơ Đốc thì sẽ gặp một nan đề tại đây, vì Phao-lô trung dẫn tình trạng không có Đấng Christ của những người Ê-phê-sô như một điều bi thảm rõ rệt. Nhưng rồi, hãy ghi nhớ rằng mọi người chưa được cứu, người Do Thái lẫn các dân ngoại, đều “ở ngoài Đấng Christ” và điều đó có nghĩa là sự định tội.

Không có quyền công dân – Đức Chúa Trời đã kêu gọi người Do Thái và lập họ thành một dân tộc. Ngài ban cho họ các luật lệ Ngài và các phước hạnh của Ngài. Một người ngoại có thể gia nhập vào dân tộc Do Thái như một người qui đạo, nhưng người ấy không được sanh vào trong chính dân tộc đặc biệt này. Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, theo một cách thức không hề đúng đối với bất kỳ dân ngoại nào.

Không có giao ước – Trong khi sự chúc phước của các dân ngoại được bao gồm trong giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (Sa 12:1-13), Đức Chúa Trời không lập bất kỳ giao ước nào với các dân tộc ngoại bang. Các dân ngoại là “những người ngoại chủng” và là “những kẻ xa lạ” – và người Do Thái không bao giờ để cho họ quên điều đó. Nhiều người trong vòng những người Pha-ri-si đã cầu nguyện hàng ngày rằng, “Lạy Chúa, tôi cảm tạ Ngài vì tôi là một người Do Thái chớ không phải một người thuộc dân ngoại.”

Không có hy vọng – Các sử gia cho chúng ta biết rằng một đám mây vô vọng khổng lồ đang phủ che thế giới cổ xưa. Các triết lý thì rỗng tuếch các truyền thống đang biến mất tôn giáo thì vô quyền không thể giúp con người đối diện với sự sống hoặc sự chết. Người ta trông mong xuyên thấu được bức màn bí mật và nhận được một sứ điệp nào đó mang lại cho họ hy vọng từ phía bên kia, nhưng chẳng có gì cả (ITe 4:13-18).

Không có Đức Chúa Trời – Những người ngoại đạo có vô số thần như Phao-lô đã khám phá tại A then (Cong 17:16-23). Có người vào thời đó đã nói rằng tìm thấy một vị thần còn dễ hơn tìm ra một người đàn ông ở A then. Phao-lô đã viết, “họ thờ nhiều thần nhiều chúa” (ICo 8:5). Nhưng người ngoại giáo, dù cho có sùng kính hay đạo đức đến đâu đi nữa, cũng không nhận biết Đức Chúa Trời chân thật. Tác giả Thi 115:1-18 so sánh Đức Chúa Trời chân thật với các thần tượng của những người ngoại đạo.

Điều đáng lưu ý là nỗi khôn khổ về tâm linh của các dân ngoại không phải do Đức Chúa Trời tạo ra mà là do tội lỗi cố ý của chính họ. Phao-lô nói các dân ngoại biết Đức Chúa Trời chân thật nhưng cố tình không chịu tôn kính Ngài (Ro 1:18-23). Lịch sử tôn giáo không ghi lại rằng con người khởi sự thờ lạy nhiều thần (sự thờ lạy hình tượng) và dần dần khám phá Đức Chúa Trời là chân thần duy nhất. Đúng hơn, nó ký thuật lại câu chuyện đau buồn của con người nhận biết chân lý về Đức Chúa Trời và cố tình xoay khỏi điều đó! Đó là một câu chuyện của sự thoái hoá, chớ không phải của sự tiến hoá! 11 chương đầu của sách Sáng thế ký cho chúng ta biết câu chuyện về sự suy thoái của các dân ngoại và từ chương 12 trở đi (sự kêu gọi Áp-ra-ham), là chuyện tích của dân Do Thái. Đức Chúa Trời phân rẽ dân Do Thái khỏi các dân ngoại để Ngài có thể cứu cả những dân ngoại nữa. “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22).

Đức Chúa Trời đã kêu gọi dân Do Thái, bắt đầu với Áp-ra-ham, hầu cho qua họ Ngài có thể mạc khải Chính mình Ngài là Đức Chúa Trời có một và thật. Với dân Do Thái Ngài ban Lời của Ngài, và qua dân Do Thái Ngài ban cho thế giới Đấng Cứu Thế (Ro 9:1-15). Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải là một nguồn ánh sáng cho các dân ngoại hầu cho họ cũng có thể được cứu. Nhưng tiếc thay, dân Y-sơ-ra-ên lại trở nên giống các dân ngoại, và ánh sáng đã cháy nhưng rất mờ nhạt. Sự kiện này là một lời cảnh cáo đối với Hội Thánh ngày nay. Khi Hội Thánh ít giống thế gian nhất, Hội Thánh làm được nhiều điều nhất cho thế gian.

2. Sự phục hoà: Điều Đức Chúa Trời đã làm cho các dân ngoại (Eph 2:13-18)

Những từ “nhưng bây giờ” trong câu 13 tương đương với những từ “nhưng Đức Chúa Trời” trong câu 4. Cả hai đều nói đến sự can thiệp đầy ân điển của Đức Chúa Trời vì có những tội nhân hư mất. “Sự thù nghịch” là từ trọng tâm trong phần này (c.15-16) và bạn sẽ nhận thấy rằng đó là một sự thù nghịch gồm hai phần: giữa người Do Thái với các dân ngoại (c.13-15) và giữa tội nhân với Đức Chúa Trời (c.16-18). Phao-lô mô tả ở đây sứ mệnh giảng hoà vĩ đại nhất trong lịch sử: Chúa Giê-xu Christ không chỉ giải hoà người Do Thái với các dân ngoại, nhưng Ngài cũng giải hoà cả hai với Chính mình Ngài trong Một Thân Thể, là Hội Thánh.

Từ giải hoà có nghĩa là “mang trở lại với nhau.” Một người chồng quản trí muốn được làm hoà lại với người vợ đã bỏ ông ra đi một người mẹ đầy lo âu trông mong được làm hoà với đứa con gái đã đi hoang và tội nhân hư mất cần được phục hoà lại với Đức Chúa Trời. Tội lỗi là tác nhân gây ra sự phân rẽ kinh khiếp trong thế gian này. Nó đã từng chia cắt con người ngay từ buổi ban đầu của lịch sử nhân loại. Khi A-đam và Ê-va phạm tội, họ bị phân cách với Đức Chúa Trời. Chẳng bao lâu, con cái họ phân rẽ nhau và Ca-in đã giết A-bên. Thế gian đầy dẫy bạo lực (Sa 6:5-13) và phương cách chữa trị duy nhất dường như là sự đoán phạt. Nhưng thậm chí sau cơn Nước Lụt, con người vẫn phạm tội chống nghịch với Đức Chúa Trời và với nhau, và thậm chí cố gắng tạo nên sự hiệp nhất riêng của mình không cần sự vùa giúp của Đức Chúa Trời. Kết quả là một sự đoán phạt khác làm cho các dân bị tản lạc và các tiếng nói bị lộn xộn. Chính vào lúc đó mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi Áp-ra-ham, và qua dân tộc Y-sơ-ra-ên, Chúa Giê-xu Christ đã đến thế gian. Chính công tác của Ngài trên thập tự giá đã xoá bỏ sự thù nghịch giữa người Do Thái với các dân ngoại và giữa tội nhân với Đức Chúa Trời.

Sự thù nghịch giữa người Do Thái với các dân ngoại (2:13-15) – Đức Chúa Trời đã đặt một sự khác biệt giữa người Do Thái và các dân ngoại để các mục đích của Ngài trong sự cứu rỗi có thể được hoàn tất. Nhưng một khi các mục đích ấy đã được hoàn tất, không còn có sự khác biệt nữa. Thực ra, chính mục đích của Ngài là những sự khác biệt này sẽ được xoá bỏ vĩnh viễn, và chúng được xoá bỏ bởi công tác của Đấng Christ trong sự giảng hoà.

Đây chính là bài học quá khó để Hội Thánh ban đầu có thể hiểu được. Suốt nhiều thế kỷ, người Do Thái khác hẳn với các dân ngoại – về tôn giáo, trang phục, việc kiêng ăn, và các luật lệ. Cho đến khi Phi-e-ơ được sai đến cùng các dân ngoại (Cong 10:1-48), Hội Thánh không gặp vấn đề gì. Nhưng với sự cứu rỗi dành cho các dân ngoại dựa vào những điều kiện tương tự như đối với người Do Thái, vấn đề bắt đầu phát sinh. Các Cơ Đốc nhân người Do Thái quở trách Phi-e-ơ vì đã đi đến cùng các dân ngoại và ăn chung với họ (Cong 11:1-30), và đại diện các Hội Thánh đã nhóm nhau lại trong một hội nghị quan trọng bàn về vị trí của các dân ngoại trong Hội Thánh (Cong 15:1-33). Một người ngoại có phải trở thành một người Do Thái để trở nên một Cơ Đốc nhân không? Kết luận của họ là, “Không! Người Do Thái và các dân ngoại đều được cứu như nhau – bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ.” Sự thù nghịch không còn nữa!

Nguyên nhân của sự thù nghịch ấy là Luật pháp, vì Luật pháp tạo nên một sự khác biệt rõ rệt giữa người Do Thái và các dân ngoại. Các luật lệ về sự kiêng ăn nhắc nhở người Do Thái rằng Đức Chúa Trời đã đặt một sự khác biệt giữa những điều tinh sạch với những điều ô uế (Le 11:44-47). Nhưng các dân ngoại không vâng theo các luật lệ này vì thế họ không tinh sạch. Tiên tri Ê-xê-chi-ên nhắc nhở các thầy tế lễ rằng nhiệm vụ của họ là dạy dỗ người Do Thái “sự khác biệt giữa điều thánh khiết với điều phạm tục” (Exe 44:23). Các lễ nghi thiên thượng được Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên như một bức tường ngăn giữa người Do Thái và các dân tộc khác. Trên thực tế, có một bức tường trong đền thờ Do Thái giáo, chia cách Phần Sân của các dân ngoại với phần còn lại của khu vực đền thờ. Các nhà khảo cổ đã khám phá dòng chữ khắc tại đền thờ của vua Hê-rốt, và câu đó viết như vậy:

Không người ngoại quốc nào có thể bước vào phía trong bức rào cản bao bọc nơi tôn nghiêm và vòng đai vây quanh. Bất cứ người nào bị bắt gặp đang làm điều đó sẽ tự chịu trách nhiệm về việc gạt lấy cái chết cho chính mình.

Đây chính là bức tường mà người Do Thái cho rằng Phao-lô và các bạn hữu người ngoại của ông đã vượt qua khi những người Do Thái bắt giữ ông trong đền thờ và đe dọa giết chết ông (Cong 21:28-31).

Để người Do Thái và các dân ngoại có thể phục hoà lại, bức tường này phải được phá đổ và Chúa Giê-xu đã làm điều này trên thập tự giá. Giá phải trả để huỷ phá sự thù nghịch này là huyết của Đấng Christ. Khi Ngài chết, bức màn trong đền thờ thực sự đã bị xé làm hai, và bức tường ngăn cách (nghĩa bóng) đã bị phá đổ. Bởi việc làm trọn những đòi hỏi của luật pháp trong đời sống công nghĩa của Ngài và bởi việc mang lấy sự rủa sả của luật pháp trong sự chết hy sinh của Ngài (Ga 3:10-13), Chúa Giê-xu đã cất đi hàng rào luật pháp ngăn cách người Do Thái với người ngoại. Suốt nhiều thế kỷ, đã có một sự khác biệt giữa họ. Nhưng ngày nay, “giữa người Do Thái và người Hy Lạp không có sự phân biệt gì hết, vì họ có chung một Chúa, giàu ơn đối với mọi kẻ kêu xin Ngài. Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (Ro 10:12-13).

Trong Chúa Giê-xu Christ, người Do Thái và dân ngoại trở thành một. “Ngài là sự hoà hiệp của chúng ta” (Eph 2:14). Nhờ Đấng Christ, người ngoại là kẻ ở xa được kéo lại gần (c.13,17), và cả người Do Thái lẫn người ngoại đều được hiệp thành một thể. Vậy nên, kết quả công tác của Đấng Christ là việc huỷ phá sự thù nghịch bởi việc huỷ bỏ luật pháp, và việc dựng nên một người mới – tức là Hội Thánh, Thân thể của Đấng Christ. Từ huỷ bỏ chỉ có nghĩa là “làm cho vô hiệu.” Luật pháp không còn cai trị trên người Do Thái lẫn người ngoại nữa, vì trong Đấng Christ những kẻ tin không còn ở dưới luật pháp nhưng ở dưới ân điển. Sự công bình của luật pháp, bày tỏ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, vẫn là tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Nhưng điều này được làm trọn trong người tín đồ bởi Đức Thánh Linh (Ro 8:1-4). Hội Thánh ban đầu phải mất một thời gian dài để quen với việc “không có sự khác biệt!” Trên thực tế, một số nhóm tôn giáo vẫn chưa học được bài học này, vì họ đang cố gắng đem Cơ Đốc nhân trở lại phục dưới luật pháp (Ga 4:8-11 5:1 Co 2:13-23).

Đấng Christ “là sự hoà hiệp của chúng ta” (Eph 2:14) và Ngài làm cho “hoà nhau” (c. 15). Động từ làm cho trong câu 15 có nghĩa là “tạo nên.” Hội Thánh, Thân thể của Đấng Christ, là sự dựng nên mới của Đức Chúa Trời (II Co 5:15). Mọi thứ trong sự tạo dựng cũ đều đang sa ngã vì có tội lỗi, nhưng trong sự dựng nên mới có sự hiệp nhất vì có sự công bình. “Không còn người Do Thái hoặc người Hy Lạp, không còn người tôi mọi hoặc người tự chủ, không còn đờn ông hoặc đờn bà: vì trong Chúa Giê-xu Christ, anh em thầy đều làm một” (Ga 3:28). Bạn có thể đối chiếu địa vị cũ của các dân ngoại với địa vị mới của họ và thấy Đấng Christ đã hành động diệu kỳ biết bao vì có họ trên thập tự giá:

- ĐỊA VỊ CŨ

“không có Đấng Christ”

“người ngoại quốc”

“người xa lạ”

“không có sự trông cậy”

“không có Đức Chúa Trời” (Eph 2:12)

- ĐỊA VỊ MỚI

“trong Đấng Christ” (Eph 2:13)

“một dân thánh” (I Phi 2:9)

“không còn là người xa lạ nữa” (Eph 2:19)

“được gọi đến một sự trông cậy mà thôi” (Eph 4:4)

“Đức Chúa Trời, Cha Chúa Giê-xu Christ chúng ta” (Eph 1:3)

Sự thù nghịch giữa tội nhân với Đức Chúa Trời (2:16-18) – Không phải chỉ những dân ngoại mới cần được phục hoà với người Do Thái, mà cả người Do Thái và các dân ngoại đều cần được phục hoà với Đức Chúa Trời! Đây là kết luận các sứ đồ đã đạt đến tại Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem được ghi lại trong Cong 15:1-33. Phi-e-rơ nói rằng Đức Chúa Trời “chẳng phân biệt chúng ta (dân Do Thái) với họ (các dân ngoại) đâu, vì đã lấy đức tin khiến cho lòng họ tinh sạch . . . Nhưng chúng ta tin rằng nhờ ơn Chúa Giê-xu Christ, chúng ta được cứu cũng như người ngoại vậy” (Cong 15:9,11). Đây không phải là vấn đề của việc người ngoại trở thành một người Do Thái để trở nên một Cơ Đốc nhân, mà là người Do Thái nhìn nhận mình là một tội nhân giống như người ngoại vậy. “Vì chẳng có phân biệt chi hết: vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Ro 3:22-23). Cùng một luật pháp đã phân cách dân ngoại với dân Do Thái cũng đã phân cách con người với Đức Chúa Trời, và Đấng Christ đã mang lấy sự rủa sả của luật pháp.

Một ngày kia có một người đàn ông đến văn phòng của tôi và nói ông cần được giúp đỡ. “Vợ tôi và tôi cần một sự tái huỷ bỏ!” (re-cancellation) ông thốt lên. Tôi biết ông ấy muốn nói “sự hoà giải” (reconciliation). Nhưng về một nghĩa, “sự tái huỷ bỏ” lại là từ thích đáng. Họ đã phạm tội nghịch với nhau (và cả với Chúa), và không thể nào có sự hoà hiệp cho đến khi những tội lỗi của họ được huỷ bỏ. Một Đức Chúa Trời yêu thương mong muốn giải hoà tội nhân với Chính mình Ngài, nhưng một Đức Chúa Trời thánh khiết phải tìm cách để tội lỗi được đoán phạt. Đức Chúa Trời giải quyết vấn đề bằng cách sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội cho chúng ta, bởi đó bày tỏ tình yêu thương của Ngài và đáp ứng những đòi hỏi của sự công bình Ngài. Đó đích thực là một “sự tái huỷ bỏ” (Co 2:13-14).

Chúa Giê-xu Christ “là sự hoà hiệp của chúng ta” (Eph 2:14). Ngài “làm cho hoà nhau” (c.15), và Ngài “rao truyền sự hoà bình” (c.17). Với tư cách Đấng Phán xét, Ngài đã có thể đến để tuyên chiến. Nhưng bởi ân điển Ngài, Ngài đã đến với sứ điệp hoà bình (Lu 2:8-14 4:16-19). Dân Do Thái và dân ngoại được làm hoà với nhau trong Đấng Christ, và cả hai đều có con đường mở ra dẫn đến cùng Đức Chúa Trời (Ro 5:1-2). Điều này nhắc chúng ta nhớ đến bức màn vào thời điểm Đấng Christ tắt hơi (Mat 27:50-51 He 10:14-25). Sự phục hoà đã hoàn tất!

3. Sự hiệp nhất: Người Do Thái và các dân ngoại là gì trong Đấng Christ (Eph 2:19-22)

Phao-lô đã lặp lại từ “một” để nhấn mạnh công tác hiệp nhất của Đấng Christ: “hiệp cả hai lại làm một” (2:14) “một người mới” (2:15) “một thể” (2:16) “một Thánh Linh” (2:18). Mọi khoảng cách và sự chia rẽ về tâm linh đã được Đấng Christ khắc phục. Trong các câu kết của chương này, Phao-lô nêu lên ba bức tranh minh họa sự hiệp nhất của người Do Thái và các dân ngoại đã tin Chúa trong Hội Thánh.

Một dân tộc (Eph 2:19a) – Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, nhưng họ đã chối bỏ Đấng Cứu chuộc mình và gánh chịu những hậu quả. Nước Đức Chúa Trời bị cất khỏi họ và ban cho “một dân khác là dân sẽ có kết quả của nước đó” (Mat 21:43). “Dân tộc mới” này là Hội Thánh, “một dòng giống được lựa chọn . . . một dân thánh, một dân đặc biệt” (IPhi 2:9 Exe 19:6). Trong Cựu Ước, các dân tộc được tính theo nguồn gốc của mình từ Sem, Cham, hoặc Gia-phết (Sa 10:1-32). Trong sách Công vụ, chúng ta thấy ba gia đình này hiệp nhất trong Đấng Christ. Trong Cong 8:1-40, một hậu tự của Cham là tông giám đốc ngân khố Ê-thi-ô-bi đã được cứu trong Cong 9:1-30, một hậu tự của Sem là Sau-lơ thành Tạt-sơ đã trở thành sứ đồ Phao-lô và trong Cong 10:1-48, các hậu tự của Gia-phết là những người ngoại trong nhà của thầy đội La Mã tên là Cọt-nây đã trở lại đạo. Tội lỗi đã chia rẽ loài người, nhưng Đấng Christ hiệp nhất họ bởi Thánh Linh Ngài. Mọi tín đồ, bất kể thuộc nguồn gốc dân tộc nào, đều thuộc về “dân thánh” ấy với quyền công dân ở trên trời (Phi 3:20-21).

Một gia đình (Eph 2:19b) – Bởi đức tin trong Đấng Christ, chúng ta bước vào gia đình của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời trở nên Cha chúng ta. Gia đình kỳ diệu này của Đức Chúa Trời được tìm thấy ở hai nơi, “tại trên trời và dưới đất” (Eph 3:15). Các tín đồ đang sống hiện ở dưới đất các tín hữu đã qua đời hiện ở trên trời. Không con cái nào của Đức Chúa Trời là ở “bên dưới đất” (Phi 2:10) hay ở bất kỳ nơi nào khác trong cõi vũ trụ này. Chúng ta hết thấy đều là anh chị em trong cùng một gia đình, dù chúng ta có thể có những khác biệt về chủng tộc, dân tộc, hoặc về thể chất như thế nào đi nữa.

Một đền thờ (Eph 2:20-22) – Trong Sách Sáng thế ký, Đức Chúa Trời “đồng đi” với dân sự Ngài (Sa 5:22,24 6:9) nhưng trong Xuất Ê-díp-tô-ký, Ngài quyết định “ở” với dân sự Ngài (Xu 25:8). Đức Chúa Trời ngự trong đền tạm (Xu 40:34-38) cho đến khi tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên khiến cho “sự vinh hiển phải lìa khỏi” (ISa 4:1-22). Kế đó Đức Chúa Trời ngự trong đền thờ (IVua 8:1-11) nhưng, than ôi, một lần nữa dân Y-sơ-ra-ên lại phạm tội và sự vinh hiển lại lìa khỏi họ (Exe 10:18-19). Nơi ngự kế tiếp của Đức Chúa Trời là thân thể của Đấng Christ (Gi 1:14), mà con người đã đóng đinh trên một cây gỗ. Ngày nay, bởi Thánh Linh Ngài, Đức Chúa Trời ngự trong Hội Thánh, là đền thờ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không ngự trong các đền thờ do tay người làm ra, kể cả các toà nhà thờ (Cong 7:48-50). Ngài ngự trong lòng những ai tin nhận Đấng Christ (ICo 6:19-20), và trong Hội Thánh nói chung (Eph 2:20-22).

Nền tảng cho Hội Thánh này được lập bởi các sứ đồ và các tiên tri trong Tân Ước. Chúa Giê-xu Christ là cái nền (ICo 3:11) và là đá góc nhà (Thi 118:22 Es 8:14). Đá góc nhà liên kết toàn thể toà nhà lại với nhau Chúa Giê-xu Christ đã hiệp nhất người Do Thái và các dân ngoại trong Hội Thánh. Sự ám chỉ đến đền thờ này sẽ có ý nghĩa đối với cả người Do Thái lẫn các dân ngoại trong Hội Thánh Ê-phê-sô: người Do Thái thì nghĩ đến đền thờ của vua Hê-rôt tại Giê-ru-sa-lem, và các dân ngoại lại nghĩ đến đền thờ vĩ đại của nữ thần Đi-anh. Cả hai đền thờ đều chắc chắn sẽ bị huỷ phá, nhưng đền thờ Đấng Christ đang xây dựng sẽ còn đến đời đời. “Ta sẽ lập Hội Thánh Ta” (Mat 16:18). Đức Thánh Linh dựng nên đền thờ này bởi việc đem những hòn đá chét ra khỏi hàm gờm ghê của tội lỗi (Thi 40:2), ban cho chúng sự sống, và đặt chúng cách đẹp đẽ vào đền thờ của Đức Chúa Trời (IPhi 2:5). Đền thờ này được “sắp đặt cách hảnh hoai” như thân thể của Đấng Christ (Eph 2:21 4:16), hầu cho mỗi phần làm trọn mục đích Đức Chúa Trời đã định.

Khi bạn nhìn lại chương này, bạn không thể không ca ngợi Đức Chúa Trời về những điều Ngài đã làm cho tội nhân bởi ân điển Ngài. Nhờ Đấng Christ, Ngài đã khiến chúng ta được sống lại từ kẻ chết và đặt chúng ta trên ngai. Ngài đã phục hoà chúng ta và đặt chúng ta vào trong đền thờ Ngài. Cả

sự chết thuộc linh lẫn sự xa cách tâm linh không thể nào đánh bại được ân điển của Đức Chúa Trời! Nhưng Ngài không chỉ cứu chúng ta cách cá nhân, mà Ngài cũng khiến chúng ta thành một phần của Hội Thánh Ngài cách tập thể nữa. Thật là một đặc quyền to lớn biết bao được là một phần trong chương trình đời đời của Đức Chúa Trời!

Điều này đưa chúng ta đến hai sự ứng dụng thực tiễn khi chúng ta kết thúc bài học này.

Trước tiên, bạn đã kinh nghiệm cách riêng tư ân điển của Đức Chúa Trời chưa? Bạn có đang chết về tâm linh không? Bạn có đang xa cách Đức Chúa Trời không? Hay bạn đã tin Đấng Christ và nhận được sự sống đời đời mà chỉ một mình Ngài có thể ban cho chưa? Nếu bạn không biết chắc về địa vị thuộc linh của mình, tôi khuyên nài bạn trở lại với Đấng Christ bởi đức tin và tin nơi Ngài. Giống như dân tộc Y-sơ-ra-ên, bạn có thể đã được ban cho nhiều đặc quyền thuộc linh, nhưng lại chối bỏ chính Đức Chúa Trời là Đấng đã ban cho họ những đặc quyền đó. Hoặc, giống như các dân ngoại, có thể là bạn đã xoay khỏi Đức Chúa Trời và cố tình sống trong tội lỗi và sự bất tuân. Trong cả hai trường hợp, “chẳng có phân biệt chi hết, vì tất cả mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Ro 3:22-23). Hãy kêu cầu Đấng Christ – Ngài sẽ cứu bạn.

Kế đến, nếu bạn là một tín đồ thật trong Đấng Christ, bạn có đang giúp đỡ người khác tin nhận Ngài chẳng? Bạn đã được sống lại từ kẻ chết – bạn có “sống trong đời mới” không? (Ro 6:4). Bạn có chia sẻ tin tức tốt lành về sự sống đời đời với những người khác chẳng? Bạn không còn thù nghịch với Đức Chúa Trời nữa, nhưng bạn có đang truyền bá Tin Mừng của “sự hoà bình với Đức Chúa Trời” với những người đang còn chống nghịch Ngài không?

Chúa Giê-xu Christ đã chết để khiến cho sự phục hoà có thể thực hiện được. Bạn và tôi phải sống để đem sứ điệp phục hoà này đến với mỗi cá nhân. Đức Chúa Trời đã “giao chức vụ giảng hoà cho chúng ta” (II Co 5:18). Chúng ta là các sứ giả hoà bình của Ngài (II Co 5:20). Chân chúng ta cần phải mang giày của “sự sẵn sàng của Phúc Âm bình an” (Eph 6:15). “Phước cho những kẻ làm cho người hoà thuận, vì sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời!” (Mat 5:9).

Một nhà truyền giáo đang rao giảng tại một chợ làng quê nọ, và một số người đang chế nhạo ông vì ông không phải là một người đẹp trai lắm. Ông nín chịu một lúc, và rồi nói với đám đông, “Quả thật là tôi không có mái tóc đẹp, vì tôi gần như sỏi đầu. Tôi cũng không có hàm răng đẹp, vì thật ra chúng đều là răng giả do nha sĩ làm. Tôi không có một gương mặt đẹp, tôi cũng không có đủ tiền để mặc quần áo đẹp. Nhưng tôi biết điều này: Tôi có đôi chân xinh đẹp!” Và ông trích dẫn câu trong Ê sai: “Những kẻ đem tin tốt, rao sự bình an, chân của những kẻ ấy trên các núi xinh đẹp là đường nào!” (Es 52:7). Bạn có đôi chân xinh đẹp không?

5. TÔI BIẾT MỘT ĐIỀU BÍ ẨN (Eph 3:1-13)

Tôi đã có lần làm một nhân chứng tại một phiên toà liên hệ đến việc chăm sóc con cái. Tôi cảm thấy nhẹ nhàng khi vụ kiện đó được xét xử tại một toà án nhỏ của địa phương chứ không phải ở một thành phố lớn, vì đó là kinh nghiệm đầu tiên của tôi trên bục nhân chứng. Từ đó tôi học biết rằng địa điểm của toà án không tạo nên sự khác biệt bao nhiêu. Mọi phiên toà có thể đều khó khăn và không vui vẻ gì khi làm một nhân chứng tại bất kỳ phiên toà nào.

Câu hỏi đầu tiên của công tố viên bắt ngờ bắt lấy tôi, “Thưa Mục sư, ông có nghĩ rằng một người đàn ông đã từng ở tù thích hợp để nuôi dạy con không?”

Tôi có trách nhiệm phải trả lời “Có” hay “Không,” vì vậy câu trả lời của tôi đã không làm cho quan toà hài lòng lắm. “Thưa Quý toà,” tôi chậm chạp nói, đôi lúc né tránh, “Tôi cho rằng việc này tùy thuộc người đàn ông đó. Một số người rất tiếng tăm đã từng ngồi tù và đã khiến thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn vì những kinh nghiệm của họ – như John Bunyan chẳng hạn, và đại Sứ đồ Phao-lô.” Tôi đã có thể nêu những ví dụ khác từ Kinh Thánh, nhưng tôi nhận ra rằng câu trả lời của mình không thể chấp nhận đối với toà án.

Hai lần trong bức thư này, Phao-lô nhắc nhở độc giả của mình rằng ông là một tù nhân (Eph 3:1 4:1), và ở cuối thư ông tự gọi mình là một “sứ giả ở trong vòng xiềng xích” (6:20). Chắc chắn

những người Ê-phê-sô đang thắc mắc, “Tại sao Phao-lô lại là một tù nhân tại La Mã? Tại sao Đức Chúa Trời lại cho phép một điều như thế xảy ra?” Trong đoạn này, Phao-lô giải thích tình cảnh của mình và, khi làm như vậy, ông cũng giải thích một trong những chân lý lớn lao nhất trong bức thư này, là “lẽ màu nhiệm” của Hội Thánh. Trong Tân Ước, một điều màu nhiệm không phải là một việc gì đó kỳ bí hoặc khó hiểu, mà đúng hơn đó là “một chân lý được Đức Chúa Trời giấu kín trong các thời kỳ đã qua và hiện nay được bày tỏ cho những ai ở trong gia đình của Ngài.” Một điều màu nhiệm là “một điều bí ẩn thiêng liêng” không thể nào thông biết được đối với những kẻ vô tín, nhưng lại được dân sự của Đức Chúa Trời am hiểu và trân trọng.

Phao-lô giải thích lẽ màu nhiệm này – đó là những tín đồ gốc dân ngoại hiện nay đã được hiệp nhất với các tín đồ gốc Do Thái trong một Thân thể, tức là Hội Thánh (3:6). Ông đã đề cập đến công tác mới mẻ này của Đức Chúa Trời, vì thế các độc giả của ông đã quen thuộc với ý niệm này (1:10 2:11,12). Nhưng giờ đây Phao-lô giải thích ảnh hưởng to lớn của “điều bí ẩn thiêng liêng” này là điều đã chiếm mạnh mẽ đời sống và chức vụ của chính ông. Thực ra thì lời giải thích này gần như là một cái ngoặc đơn trong bức thư này, vì, Phao-lô bắt đầu phần này với ý định cầu thay cho các độc giả của mình. Hãy so sánh 3:1 với 3:14. Việc dùng các từ “tù nhân” và “các dân ngoại” đưa ông đến việc giải thích quan trọng này về “lẽ màu nhiệm của Hội Thánh,” và trong sự giải thích này, Phao-lô cho chúng ta thấy rằng “lẽ màu nhiệm” này thật quan trọng đối với bốn nhóm người khác nhau.

1. Nó quan trọng đối với Phao-lô (Eph 3:1-5)

Cách tốt nhất để hiểu thấu tầm quan trọng của “lẽ màu nhiệm này” trong đời sống Phao-lô là tập trung vào hai hình ảnh Phao-lô mô tả chính mình trong phần này. Ông bắt đầu bằng cách tự gọi mình là “một kẻ tù” (3:1), và rồi ông tự gọi mình là “một kẻ giúp việc Phúc Âm” (3:7). Phao-lô là một kẻ tù vì ông tin vào kế hoạch hiệp nhất mới mẻ của Đức Chúa Trời đối với các tín hữu gốc Do Thái và gốc dân ngoại vào một Thân thể, tức là Hội Thánh. Những người Do Thái chính thống trong thời của Phao-lô xem các dân ngoại là “loài chó,” nhưng một số người Do Thái theo Cơ Đốc giáo không có một thái độ tốt đẹp hơn bao nhiêu đối với các dân ngoại.

Phao-lô là một người lãnh đạo chính thống giáo Do Thái khi Đấng Christ cứu ông (Phi 3:1-11 Ga 1:11-24) tuy nhiên trong sự thần hựu của Đức Chúa Trời, ông khởi sự chức vụ ban đầu của mình tại một Hội Thánh địa phương ở An-ti-ốt bao gồm cả người Do Thái lẫn các dân ngoại (Cong 11:19-26). Khi hội đồng được tổ chức tại Giê-ru-sa-lem để quyết định địa vị của các tín đồ gốc dân ngoại, Phao-lô dạn dĩ biện hộ cho ân điển của Đức Chúa Trời và sự hiệp nhất của Hội Thánh (Cong 15:1-33 Ga 2:1-10).

Phao-lô biết ngay từ buổi đầu của đời sống Cơ Đốc của mình rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông đem Phúc Âm rao ra cho các dân ngoại (Cong 26:13-18 9:15), và ông đã vâng theo tiếng gọi ấy. Bất cứ nơi nào Phao-lô hầu việc Chúa, ông đều thiết lập các Hội Thánh địa phương bao gồm các tín hữu gốc Do Thái lẫn dân ngoại, tất cả “hiệp làm một trong Chúa Giê-xu Christ” (Ga 3:28).

Vì cơ Phao-lô là vị “sứ đồ của các dân ngoại” (Ro 11:13 15:15-16 ITi 2:7 Eph 3:8), nên ông bị tố cáo về việc có định kiến nghịch với người Do Thái, đặc biệt là những tín hữu gốc Do Thái tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đê. Tiền dâng đặc biệt Phao-lô quyên góp cho các tín hữu nghèo túng tại Giu-đê lẽ ra đã cho thấy lòng tốt giữa vòng các Hội Thánh này và các Hội Thánh mà Phao-lô thiết lập (Ro 15:25-33). Phao-lô đã đích thân phân phát tiền quyên góp này (Cong 21:17-19), và thật rõ rệt là các Cơ Đốc nhân ở Giu-đê đã vui mừng nhận lãnh sự giúp đỡ đó. Ngay cho dù Phao-lô đã có những biện pháp mạnh mẽ để làm xoa dịu các tín hữu gốc Do Thái, vẫn có một sự náo loạn trong đền thờ và Phao-lô đã bị bắt giữ (Cong 21:30-33). Phao-lô tự bênh vực bằng cách nêu lên lời chứng của cá nhân ông, và đám đông lắng nghe ông cho đến lúc ông nói đến chữ “các dân ngoại” thì họ lại náo loạn trở lại (Cong 22:22-23). Phần còn lại của Sách Công vụ giải thích cách nào Phao-lô đã từ thành Giê-ru-sa-lem đến thành Rô-ma, “vì anh em là dân ngoại mà làm kẻ tù của Chúa Giê-xu Christ” (Eph 3:11). Nếu Phao-lô đã thoả hiệp sứ điệp của mình và cổ vũ những định kiến vị kỷ của người Do Thái thì rất có thể ông đã được thả ra.

Phao-lô không chỉ là một “kẻ tù” vì có “lẽ mầu nhiệm,” nhưng ông cũng là một “người giúp việc Phúc Âm.” Đức Chúa Trời đã ban cho ông một “sự sắp xếp thiên thượng” (sự quản lý) để ông có thể đến cùng các dân ngoại, không chỉ với tin mừng cứu rỗi qua Đấng Christ, mà cũng với sứ điệp để người Do Thái và các dân ngoại hiện nay được hiệp một trong Đấng Christ. Từ ngữ sự sắp xếp ra từ hai chữ Hy Lạp: oikos, nghĩa là “nhà” và nomos, nghĩa là “luật pháp.” Từ “economy” trong tiếng Anh được rút ra trực tiếp từ chữ Hy Lạp oikonomia, “luật pháp của gia đình,” hay “một sự quản lý, một sự điều khiển.” Đức Chúa Trời có những cách thức khác nhau để điều khiển chương trình của Ngài từ thể hệ này sang thể hệ khác, và “những sự quản lý” khác nhau này sinh viên nghiên cứu Kinh Thánh đôi khi gọi là “những sự sắp xếp thiên thượng” (Eph 1:9-10). Các nguyên tắc của Đức Chúa Trời không thay đổi, nhưng các phương pháp liên quan tới con người của Ngài thật sự đã thay đổi trải qua dòng lịch sử. “Phân biệt các thời kỳ,” Thánh Augustine đã viết, “và Lời Thánh Kinh hoà hợp nhau.”

Phao-lô được Đức Chúa Trời lập làm một người quản lý “lẽ mầu nhiệm” với trách nhiệm san sẻ lẽ mầu nhiệm ấy với các dân ngoại. Quả là không đủ nếu chỉ giành lấy họ về với Đấng Christ và tổ chức họ thành những hội chúng địa phương. Ông cũng phải dạy dỗ họ địa vị diệu kỳ của họ trong Đấng Christ như các chi thể của Thân, cùng hưởng ân điển của Đức Chúa Trời tương đương với người Do Thái. Chân lý này không được bày tỏ trong Thánh Kinh Cựu Ước. Nó được bày tỏ cho các sứ đồ và các đấng tiên tri thời Tân Ước (xin xem 4:1) bởi Đức Thánh Linh. Đức Chúa Trời mạc khải điều này cách riêng tư cho Phao-lô, và trách nhiệm của ông là san sẻ nó với các Cơ Đốc nhân gốc dân ngoại. Đây là “sự sắp xếp thiên thượng” – hay cương vị quản lý – mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông. Và vì có Phao-lô là một người quản lý trung tín, nên giờ đây ông là một tù nhân tại Rô-ma. Giống như Giô-sép trong Cựu Ước, sự quản lý trung tín của ông đưa đến kết quả là sự bắt giữ và cầm tù sai trật. Nhưng, cuối cùng, điều đó lại mang vinh hiển lớn lao đến cho Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi cho cả người Do Thái và các dân ngoại.

2. Nó quan trọng đối với các dân ngoại (Eph 3:6-8)

Trong 2:11-22, chúng ta khám phá rằng công tác của Đấng Christ trên thập tự giá đã hoàn thành nhiều điều hơn là sự cứu rỗi của cá nhân các tội nhân. Nó giải hoà người Do Thái và các dân ngoại với nhau và với Đức Chúa Trời. Chính là chân lý này mà Phao-lô trình bày ở đây, và bạn có thể hình dung tin tức này sẽ thú vị biết bao! Chân lý của “điều mầu nhiệm” này bày tỏ cho các tín hữu gốc dân ngoại rằng họ có một mối quan hệ mới mẻ diệu kỳ qua Chúa Giê-xu Christ.

Trước tiên, họ là những kẻ đồng kẻ tự với người Do Thái và dự phần trong sự giàu có thuộc linh Đức Chúa Trời ban cho họ vì có giao ước của Ngài với Áp-ra-ham (Ga 3:29). Trong Đấng Christ, việc là một người Do Thái hoặc một người ngoại không phải là một bên có lợi, một bên bất lợi, vì họ cùng chung hưởng sự giàu có của Đấng Christ. Các dân ngoại cũng là những chi thể trong thân thể của Đấng Christ, tức Hội Thánh. “Chỉ có một thân thể” (Eph 4:4). Sự sanh ra thuộc thể của chúng ta xác định những sự khác biệt về chủng tộc của chúng ta, nhưng sự sanh ra thuộc linh của chúng ta hiệp nhất chúng ta lại như các chi thể của cùng một Thân (ICo 12:12-14). Đấng Christ là Đầu của Thân này (Eph 5:22-23), và mỗi chi thể riêng lẻ đều dự phần vào trong chức vụ (Eph 4:10-13). Cuối cùng, trong mối tương quan mới của họ, các dân ngoại là những kẻ cùng có phần trong những lời hứa của Đức Chúa Trời. Đã có lần họ ở ngoài giao ước, không có quyền đòi hỏi những lời hứa của Đức Chúa Trời (Eph 2:12) nhưng hiện nay, trong Đấng Christ, họ cùng được hưởng những lời hứa của Đức Chúa Trời với các tín hữu gốc Do Thái. Trong Ro 11:13-15, Phao-lô giải thích rằng các tín đồ gốc dân ngoại dự phần trong sự giàu có thuộc linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên. Nhưng trong Ro 11:1-12, Phao-lô giải thích rằng Đức Chúa Trời, vì có Hội Thánh Ngài, đã không phủ nhận các lời hứa của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên. Hội Thánh ngày nay dự phần trong sự giàu có thuộc linh của Y-sơ-ra-ên, nhưng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ phục hoà dân sự Ngài và làm trọn các lời hứa của Ngài liên quan đến xứ sở và vương quốc của họ.

“Lẽ mầu nhiệm” không chỉ ban cho các tín hữu gốc dân ngoại một mối tương quan mới mẻ, nó cũng bày tỏ rằng có một năng quyền mới sẵn ban cho họ (Eph 3:7). Năng quyền này được minh hoạ trong đời sống của Phao-lô. Đức Chúa Trời đã cứu ông bởi ân điển và ban cho ông một cương vị quản lý, một chức vụ đặc biệt đối với các dân ngoại. Nhưng Đức Chúa Trời cũng đã ban cho Phao-lô năng

quyền để hoàn thành chức vụ này. Từ “working” (dịch là ‘công hiệu’ trong bản dịch cũ, hay ‘tác động’ trong bản dịch mới) trong 3:7 là *energeia*, từ đó chúng ta có chữ “energy” tức là “năng lực”. Từ “power” là *dunamis* cho chúng ta những chữ “dynamic” (năng nổ, sôi động) và “dynamite”. Phao-lô cho chúng ta biết về năng lực mạnh mẽ này trong Eph 1:19-23, và ông sẽ đề cập đến nó một lần nữa trong 3:20 và 4:16. Quyền phép phục sinh mạnh mẽ của Đấng Christ được sẵn ban để chúng ta có thể sử dụng trong đời sống và sự phục vụ mỗi ngày.

Cuối cùng, có sự giàu có mới mẻ sẵn dành cho các dân ngoại: “sự giàu có không dò được của Đấng Christ” (3:8). Phao-lô đã gọi chúng là “sự giàu có vô hạn” (2:7) nhưng ở đây ông mô tả chúng là “không thể dò được.” Những từ này cũng có thể được dịch là “không thể theo dõi qua dấu vết,” có nghĩa là chúng quá bao la đến độ bạn không thể nào khám phá giới hạn của chúng. (Một số sinh viên gợi ý là “không thể theo dõi qua dấu vết” cũng có thể mang ý nghĩa là “lẽ mầu nhiệm” này không thể nào truy nguyên trong Cựu Ước được vì nó bị giấu kín bởi Đức Chúa Trời.)

Những sự giàu có này có dành sẵn cho mọi tín đồ không? Có! Trên thực tế, Phao-lô vạch rõ rằng chính mình ông không có quyền đòi hỏi đặc biệt nào đối với sự giàu có của Đức Chúa Trời, vì ông tự cho mình là “tầm thường hơn kẻ hèn mọn nhất trong mọi thánh đồ” (c. 8, dịch sát nghĩa). Cái tên Phao-lô (Paulus) có nghĩa là “bé nhỏ” trong tiếng La tinh, và có lẽ Phao-lô mang tên này vì ông nhận biết mình thật sự tầm thường biết bao (Cong 13:9). Ông tự gọi mình là “kẻ hèn mọn nhất trong các sứ đồ” (ICo 15:9), nhưng ít ra ông cũng là một sứ đồ, là điều trỗi vượt hơn chúng ta có thể tự nhận. Ở đây ông tự gọi mình, không phải là “kẻ hèn mọn nhất trong mọi thánh đồ,” mà là “tầm thường hơn kẻ hèn mọn nhất trong mọi thánh đồ” (c.8), và sau này ông tự gọi mình là “đầu tội nhân” (ITi 1:15). Việc am hiểu những chân lý sâu nhiệm của Lời Đức Chúa Trời không khiến một người thành kẻ tự phụ nó đem đến cho người ấy một tấm lòng tan vỡ và ăn năn.

3. Nó quan trọng đối với các thiên sứ (Eph 3:9-10)

Có lẽ tại điểm này, bạn đang tự hỏi, “Tại sao Đức Chúa Trời lại giữ kín điều bí ẩn của Ngài về Hội Thánh trong suốt nhiều thế kỷ như vậy?” Chắc hẳn Cựu Ước nêu rõ rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu các dân ngoại qua Y-sơ-ra-ên, nhưng không nơi nào chúng ta được cho biết rằng cả người Do Thái lẫn các dân ngoại sẽ hình thành một sự tạo dựng mới, tức Hội Thánh, là Thân thể của Đấng Christ. Đức Thánh Linh đã bày tỏ chính lẽ mầu nhiệm này cho Phao-lô và các nhà lãnh đạo khác trong Hội Thánh ban đầu, và điều đó thật khó để người Do Thái có thể chấp nhận.

Phao-lô cho chúng ta biết rằng “những kẻ cầm quyền và các thế lực” cũng được bao hàm trong điều bí ẩn vĩ đại này. Đức Chúa Trời “đang dạy dỗ” các thiên sứ bằng phương tiện của Hội Thánh! Qua những từ “những kẻ cầm quyền và các thế lực,” Phao-lô muốn nói đến các vị thiên sứ được Đức Chúa Trời dựng nên, cả tốt lẫn xấu (Eph 1:21 6:12 Co 1:16 2:15). Các thiên sứ là những vật thọ tạo và không toàn tri. Thực tế thì, Phi-e-rơ cho biết rằng trong suốt thời kỳ Cựu Ước, các thiên sứ muốn tìm biết về kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời lúc ấy đang được thực hiện trên đất (IPhi 1:10-12). Chắc hẳn là các thiên sứ vui mừng trước sự ăn năn của một tội nhân hư mất (Lu 15:10) và Phao-lô đưa ra giả thuyết là các thiên sứ theo dõi các hoạt động của Hội Thánh địa phương (ICo 11:10). “Chúng tôi bị làm trò cho thế gian, và cho các thiên sứ,” Phao-lô viết (ICo 4:9)

Vậy thì, các thiên sứ học được gì từ nơi Hội Thánh? “Sự thông sáng mọi đường của Đức Chúa Trời” (Eph 3:10). Chắc hẳn các thiên sứ biết về quyền năng của Đức Chúa Trời như được nhìn thấy trong công cuộc sáng tạo của Ngài. Nhưng sự thông sáng của Đức Chúa Trời như được nhìn thấy trong tạo vật mới của Ngài, tức Hội Thánh, là một điều gì đó mới mẻ đối với họ. Những người chưa được cứu, kể cả các triết gia khôn ngoan, nhìn vào kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời và xem đó là “sự ngu dại” (ICo 1:18-31). Nhưng các thiên sứ nhìn xem công việc cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và họ ngợi khen sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Phao-lô gọi điều đó là sự thông sáng mọi đường, và từ này mang ý nghĩa “có nhiều đốm màu khác nhau” hay “nhiều màu sắc.” Điều này ám chỉ về đẹp và sự thông sáng muôn màu muôn vẻ của Đức Chúa Trời trong kế hoạch cứu rỗi vĩ đại của Ngài.

Nhưng có một khía cạnh khác liên hệ chân lý này cần phải được khảo sát tỉ mỉ. Các thiên sứ ác đang học được gì từ “lẽ mầu nhiệm” của Đức Chúa Trời? Các thiên sứ này học được rằng người cầm

đầu của mình, tức Sa-tan, không có chút khôn ngoan nào! Sa-tan biết Kinh Thánh, và từ Thánh Kinh Cựu Ước nó hiểu rằng Đấng Cứu Thế sẽ đến, Ngài sẽ đến khi nào, Ngài sẽ đến như thế nào, và Ngài sẽ đến nơi đâu. Sa-tan cũng hiểu được tại sao Ngài sẽ đến, liên quan tới sự cứu chuộc. Nhưng không nơi nào trong Cựu Ước Sa-tan tìm thấy bất cứ lời tiên tri nào liên quan tới Hội Thánh, “lẽ màu nhiệm” của việc người Do Thái và các dân ngoại hiệp nhất trong một Thân thể! Sa-tan có thể nhìn thấy những người Do Thái vô tín chối bỏ Đấng Mê si, và nó có thể nhìn thấy các dân ngoại tin nhận Đấng Mê si, nhưng nó không thể nào nhìn thấy cả tín đồ gốc Do Thái lẫn gốc dân ngoại hiệp nhất trong một Thân, đồng ngò với Đấng Christ tại các nơi trên trời, và hoàn toàn chiến thắng đối với Sa-tan! Nếu Sa-tan đã biết những kết quả còn ảnh hưởng lâu dài của thập tự giá, chắc chắn nó sẽ đã thay đổi kế hoạch của mình cho phù hợp theo.

Đức Chúa Trời giấu kín kế hoạch vĩ đại này “từ buổi đầu của thế gian,” nhưng hiện giờ Ngài mong muốn “lẽ màu nhiệm” được Hội Thánh Ngài biết đến. Và đây là lý do vì sao Ngài đã lập Phao-lô làm một “người quản lý” của lẽ thật vĩ đại này. Câu 9 nên ghi là, “Và để khiến cho mọi người biết sự phân phát lẽ màu nhiệm là như thế nào.” Đây là một lẽ thật đáng ngạc nhiên. Giờ đây mọi tín hữu sẽ phải là những kẻ quản lý trung tín của lẽ thật vĩ đại này! “Điều bí ẩn thiêng liêng” này, vốn thật quan trọng đối với Phao-lô, đối với các dân ngoại, và đối với các thiên sứ, hiện đang ở trong tay của chúng ta!

4. Nó cần phải quan trọng đối với Cơ-Đốc nhân ngày nay (Eph 3:11-13)

Khi Đức Chúa Trời cứu Phao-lô, Ngài giao thác cho ông kho tàng quý giá của lẽ thật Phúc Âm (ITi 1:11). Phao-lô đến phiên mình đã giao phó những chân lý này cho những người khác, khuyên giục họ giao phó các chân lý ấy cho những người trung thành là những kẻ sẽ giữ gìn và truyền dạy cho người khác (II Ti 2:2). “Hỡi Ti-mô-thê, hãy giữ lấy sự giao phó đã nấy cho con!” (ITi 6:20). Vào lúc cuối đời mình, Phao-lô đã nói để ngợi khen vinh hiển của Đức Chúa Trời, “Ta đã giữ được đức tin” (II Ti 4:7). Trong suốt thời kỳ của các sứ đồ đó, các chân lý của Phúc Âm và “lẽ màu nhiệm” đã được giữ gìn, rao giảng, và truyền dạy lại cho những người trung thành.

Nhưng một sự nghiên cứu lịch sử Hội Thánh cho thấy rằng lần lượt nhiều điều trong các chân lý căn bản của Lời Đức Chúa Trời đã bị đánh mất trong suốt nhiều thế kỷ nối tiếp. Đức Chúa Trời có những con dân trung thành của Ngài – một thiểu số – vào mọi lúc, nhưng nhiều điều trong các chân lý vĩ đại của Lời Chúa đã bị chôn vùi dưới hệ thống thần học, truyền thống, và lễ nghi do con người đặt ra. Rồi, Đức Thánh Linh bắt đầu mở mắt cho những linh hồn khao khát, và những chân lý vĩ đại này một lần nữa lại được tỏ lộ ra. Martin Luther đấu tranh cho sự xưng nghĩa bởi đức tin. Các nhà lãnh đạo thuộc linh khác đã tái khám phá thân vị và công tác của Đức Thánh Linh, chân lý vinh hiển của sự trở lại của Chúa Giê-xu Christ, và sự vui mừng của đời sống Cơ Đốc đắc thắng. Trong những năm gần đây, chân lý về “điều màu nhiệm” một lần nữa đã kích động tâm lòng của dân sự Đức Chúa Trời. Chúng ta vui mừng là chúng ta “thấy đều là một trong Chúa Giê-xu Christ.”

Đa số chúng ta đều nhận biết Napoleon Bonapart là người thích trở thành kẻ chinh phục Âu Châu. Nhưng không bao nhiêu người gọi ông là một người đỡ đầu của các ngành nghệ thuật và khoa học. Thế nhưng ông thực sự là như thế. Vào tháng Bảy, 1798, Napoleon bắt đầu chiếm đóng Ai Cập, nhưng đến tháng Chín, 1801, ông lại bị buộc phải ra khỏi đó. Ba năm ấy có nghĩa là sự thất bại đối với các kế hoạch quân sự và chính trị của ông, nhưng chúng lại hàm ý sự thành công trong một lãnh vực vô cùng thu hút ông – khảo cổ học. Vì vào tháng Tám, 1799, một người Pháp tên Boussand đã khám phá ra Phiến đá Rosetta cách thành Alexandria khoảng ba mươi dặm. Sự khám phá này đem đến cho các nhà khảo cổ chìa khoá để hiểu được những chữ tượng hình Ai Cập. Nó mở cửa cho những sự nghiên cứu tiếng Ai Cập hiện đại.

“Lẽ màu nhiệm” là “Phiến đá Rosetta” của Đức Chúa Trời. Nó là chìa khoá cho những điều Ngài đã hứa trong Cựu Ước, những điều Đấng Christ đã thực hiện trong các sách Phúc Âm, những điều Hội Thánh ban đầu đã làm trong Sách Công vụ Các Sứ đồ, và những điều Đức Chúa Trời sẽ làm như được ký thuật trong Sách Khải Huyền. Chương trình của Đức Chúa Trời ngày nay không phải là “cương vị làm đầu của Y-sơ-ra-ên” (Phu 28:1-13), nhưng là cương vị đứng đầu của Đấng Christ đối

với Hội Thánh Ngài. Ngày nay chúng ta ở dưới một “sự quản lý” khác biệt với thời của Môi-se và các đấng tiên tri, và chúng ta phải cẩn thận chớ lẫn lộn những gì Đức Chúa Trời đã làm sáng tỏ.

Lý do nhiều Hội Thánh yếu đuối và không có hiệu quả là vì họ không hiểu những điều mà họ có trong Đấng Christ. Và nguyên nhân của điều này thường là những nhà lãnh đạo thuộc linh vốn không phải là “những người quản lý lẽ mầu nhiệm” giỏi. Vì họ không “lấy lòng ngay thẳng giảng dạy lời của lẽ thật” (II Ti 2:15), họ làm cho tín hữu của mình mập mờ về địa vị thuộc linh của mình trong Đấng Christ, và họ tước mất đi của cải thuộc linh mà tín hữu mình có trong Đấng Christ.

Chân lý vĩ đại liên quan đến Hội Thánh này không phải là một ý tưởng đến sau từ Đức Chúa Trời. Nó là một phần của mục đích đời đời của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Eph 3:11). Bỏ qua chân lý này là phạm tội nghịch lại cùng Đức Chúa Cha là Đấng đã hoạch định nó, cùng Đức Chúa Con là Đấng đã chết để khiến lẽ thật này được thực hiện, và cùng Đức Thánh Linh là Đấng hiện nay tìm cách để hành động trong đời sống chúng ta nhằm hoàn tất những gì Đức Chúa Trời đã hoạch định. Khi bạn hiểu chân lý này, nó đem đến cho bạn sự dạn dĩ và đức tin lớn lao (c.12). Khi bạn biết những điều Đức Chúa Trời đang làm trên thế giới, và bạn hành động với Ngài, bạn có thể chắc chắn rằng Ngài sẽ hành động trong bạn và vì bạn. Tất cả mọi nguồn từ thiên thượng đều sẵn dành cho những ai thật lòng mong muốn thực hiện ý chỉ của Ngài và giúp Ngài hoàn thành mục đích của Ngài trên đất.

Hội Thánh ban đầu cho rằng Phúc Âm thuộc về những người Do Thái vì nó đã đến qua họ và với họ trước tiên. Cho đến khi Phi-e-rơ, bởi sự dẫn dắt thiên thượng, đi đến cùng các dân ngoại trong Cong 10:1-48, các tín hữu gốc Do Thái cho rằng một người ngoại phải trở nên một người Do Thái trước khi người ấy có thể trở thành một Cơ Đốc nhân! Thánh Linh của Đức Chúa Trời dần dần mạc khải cho các Hội Thánh rằng Đức Chúa Trời đang làm một điều mới mẻ: Ngài đang kêu gọi một dân vì cơ danh Ngài từ cả người Do Thái lẫn các dân ngoại (Cong 15:14). Không có sự phân biệt về dân tộc, chủng tộc, chính trị, thể chất, hay xã hội trong Hội Thánh! “Tại đây không còn chia ra người Do Thái hoặc người Hy Lạp, không còn người tôi mọi hoặc người tự chủ, không còn đờn ông hoặc đờn bà, vì trong Chúa Giê-xu Christ, anh em thấy đều làm một” (Ga 3:28).

Nhưng sự am hiểu về chương trình của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay không chỉ đem đến cho người tín đồ sự dạn dĩ trước mặt Đức Chúa Trời. Nó cũng ban cho người ấy lòng can đảm trong những hoàn cảnh sống khó khăn. Những sự đau đớn của Phao-lô vì cơ các dân ngoại sẽ có nghĩa là sự vinh hiển cho các dân ngoại. Trong thời Cựu Ước, khi dân sự của Đức Chúa Trời vâng lời, Đức Chúa Trời ban phước cho họ về mặt vật chất, về mặt thể chất, lẫn về mặt quốc gia (Phục truyền 28) và nếu họ bất tuân, Ngài rút các phước hạnh này lại. Đây không phải là cách Ngài đối xử với Hội Thánh ngày nay. Các phước hạnh của chúng ta có tính cách thuộc linh, chớ không phải thuộc thể (Eph 1:3) hết thảy các phước hạnh ấy đã được ban cho chúng ta trọn vẹn trong Đấng Christ. Chúng ta có được chúng bởi đức tin nhưng nếu chúng ta không vâng theo Đức Chúa Trời, Ngài không rút chúng lại. Chúng ta chỉ mất đi sự vui thoả và sự phong phú do chúng đem đến. Phao-lô chắc hẳn là một người tận hiến, đây đây Đức Thánh Linh vậy mà ông lại đang chịu khổ như một kẻ tù. Phao-lô vạch rõ rằng các phước hạnh thuộc thể, vật chất không phải luôn là kinh nghiệm của Cơ Đốc nhân tận hiến (II Co 4:7-12 11:23-12:10).

Tôi đang lái xe đến một buổi hẹn truyền giảng, cố gắng đi theo một tấm bản đồ mà tôi đã tìm thấy trong ngăn đựng găng tay của xe hơi mình. (Tôi là một người hoa tiêu rất tồi, vì thế vợ tôi thường là vị hoa tiêu trong gia đình chúng tôi.) Vì một lý do nào đó, tôi không thể định được vị trí của xa lộ Liên bang mà mình cần đến, vì vậy tôi dừng lại để hỏi thăm đường tại một trạm đỗ xăng.

“Thưa ông, tấm bản đồ ông đang có xưa lắm rồi!” nhân viên phục vụ cho tôi biết. “Đây là tấm bản đồ mới nhất đây. Hãy đi theo nó thì ông sẽ đến được nơi mình muốn.” Anh ta nói đúng. Tôi đi theo tấm bản đồ mới và đến nơi vẫn còn thời gian để giảng.

Những người không hiểu biết “lẽ mầu nhiệm” của Đức Chúa Trời trong Hội Thánh Ngài đang cố gắng tạo ra sự tăng trưởng thuộc linh bằng tấm bản đồ sai trật. Hoặc nói theo một dạng khác, họ đang cố gắng xây dựng với những bản thiết kế sai trật. Các Hội Thánh của Đức Chúa Trời trên đất này – các chi hội địa phương – không phải là những phe nhóm văn hoá Ngoại bang hay những phe nhóm

văn hoá Do Thái. Đối với một Hội Thánh Đức việc không chịu thông công với một người Thuy Điền thì cũng không đúng lời Thánh Kinh y như đối với một hội chúng Do Thái khi không chấp nhận một người ngoại. Hội Thánh của Đức Chúa Trời không được để cho văn hoá, giai cấp, hoặc bất cứ sự khác biệt về thuộc thể nào làm cho ngăn cản sự hiệp một. Đó là một thực thể thuộc linh cần phải phục tùng Cương Vị Đứng Đầu của Chúa Giê-xu Christ trong năng quyền của Thánh Linh.

Vâng, Đức Chúa Trời có một “điều bí ẩn” – nhưng Đức Chúa Trời không muốn nó là một điều bí ẩn nữa! Nếu bạn hiểu địa vị diệu kỳ của mình trong Đấng Christ, thì hãy sống thích hiệp với địa vị ấy – và hãy chia sẻ hạnh phúc với những người khác. “Điều bí ẩn” này quan trọng đối với Phao-lô, đối với các dân ngoại, và đối với các thiên sứ – và nó cần phải quan trọng đối với bạn và tôi ngày hôm nay.

6. HÃY NHẬN SỰ GIÀU CÓ CỦA BẠN (Eph 3:14-21)

Đoạn này là lời cầu nguyện thứ hai trong hai lời cầu nguyện được ghi lại trong thư Ê-phê-sô, lời cầu xin thứ nhất là trong Eph 1:15-23. Lời cầu nguyện đầu tiên nhấn mạnh đến sự soi sáng nhưng trong lời cầu nguyện này, sự nhấn mạnh nhằm vào sự ban cho khả năng. Đây không chỉ là vấn đề hiểu biết mà còn là đưa tay nhận những gì. Đức Chúa Trời dành cho chúng ta và bởi đức tin khiến nó trở thành một phần quan trọng của đời sống chúng ta. Phao-lô đang nói rằng, “Tôi muốn anh em nhận lãnh sự giàu có của mình, nhận biết nó dư dật dường nào, và bắt đầu sử dụng nó.”

Đáng lưu ý là cả hai lời cầu nguyện này, cũng như những lời cầu nguyện trong tù khác (Phi 1:9-11 Co 1:9-12), đều đề cập đến tình trạng thuộc linh của con người bề trong, chứ không phải nhu cầu vật chất của thân thể. Hẳn nhiên cầu nguyện cho các nhu cầu vật chất và thuộc thể không phải là sai, nhưng điều nhấn mạnh trong những sự khẩn nguyện này là về lãnh vực tâm linh. Phao-lô biết rằng nếu người bề trong đạt đến mức độ nào đó người ấy cần phải có, thì người bề ngoài sẽ được chăm sóc đúng lúc. Quá nhiều lời cầu xin của chúng ta chỉ tập trung vào những nhu cầu vật chất và thuộc thể và không quan tâm đến việc nắm lấy những nhu cầu bên trong sâu xa của tâm lòng. Thật ích lợi cho chúng ta nếu sử dụng những lời cầu nguyện trong tù này như lời cầu xin của chính mình, và nhờ Đức Chúa Trời giúp đỡ chúng ta về con người bề trong của chúng ta. Đó là những nhu cầu lớn nhất của chúng ta.

1. Lời cầu khẩn (Eph 3:14-15)

Điều đầu tiên khiến chúng ta chú ý là tư thế của Phao-lô: “Tôi quì gối.” (Đây quả hẳn là một kinh nghiệm cho người lính La Mã đã xiềng chung Phao-lô!) Không nơi nào trong Kinh Thánh bắt phải có một tư thế đặc biệt nào khi cầu nguyện. Áp-ra-ham đứng chầu trước mặt Đức Giê-hô-va khi ông cầu thay cho Sô đôm (Sa 18:22), và Sa-lô-môn đứng khi ông cầu nguyện dâng hiến đền thờ (IVua 8:22). Đa-vít “ngồi trước mặt Đức Giê-hô-va” (ISu 17:16) khi ông cầu nguyện về tương lai của ngôi nước mình. Và Chúa Giê-xu “sấp mặt xuống đất” khi Ngài cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Mat 26:39).

Chắc chắn bạn đã lưu ý rằng sự nhấn mạnh đang nhằm vào tư thế thuộc linh của những người tại Ê-phê-sô. Là những tội nhân hư mất, chúng ta bị chôn tại nghĩa trang (Eph 2:1). Nhưng khi chúng ta tin Đấng Christ, Ngài khiến chúng ta sống lại từ kẻ chết và cho chúng ta đồng ngai với Đấng Christ tại các nơi trên trời (2:4-6). Vì chúng ta được đồng ngai với Đấng Christ, chúng ta có thể bước đi để làm đẹp lòng Ngài (4:1,17 5:2,8,15) và chúng ta có thể chống cự lại ma quỷ (6:10-13). Nhưng tư thế nổi kết “việc ngai” với “việc bước đi” và “việc đứng” là “quì gối.” Chính qua sự cầu nguyện mà chúng ta nắm chặt lấy sự giàu có của Đức Chúa Trời là điều giúp chúng ta có thể xử sự như những Cơ Đốc nhân và đánh trận như những Cơ Đốc nhân. Chúng ta có thực sự quì gối hay không điều đó không quan trọng vấn đề chính yếu là chúng ta có cúi lòng mình và ý muốn của mình trước mặt Chúa và cầu xin Ngài điều chúng ta cần.

Lời cầu xin của Phao-lô được dâng lên cho “Cha Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta.” Trong Kinh Thánh, lời cầu nguyện được dâng lên cho Đức Chúa Cha, qua Đức Chúa Con, và trong Đức Thánh Linh. Đây là mẫu mực thông thường, mặc dù bạn cũng tìm thấy những lời cầu khẩn dâng lên

cho Đức Chúa Con, và có thể cho Đức Thánh Linh nữa (ITe 3:12-13). Trong Eph 1:3, Phao-lô gọi Đức Chúa Cha là “Đức Chúa Trời, Cha Chúa Giê-xu Christ chúng ta.” Ngài là “Đức Chúa Trời . . . của Chúa Giê-xu Christ Chúa chúng ta” khi Chúa Giê-xu còn tại thế, vì là con người, Chúa Giê-xu đã sống trong sự lệ thuộc hoàn toàn vào Đức Chúa Trời. Danh xưng này nhắc nhở chúng ta về nhân tánh của Đấng Christ. Nhưng Đức Chúa Trời là “Cha Chúa Giê-xu Christ Chúa chúng ta” vì Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời đời đời vì thế danh xưng này nhắc nhở chúng ta về thân tánh của Ngài.

Tuy nhiên, có một ý nghĩa trong đó mọi người nói chung, và Cơ Đốc nhân nói riêng, dự phần trong mối liên hệ cha con của Đức Chúa Trời. Phao-lô nêu lên rằng “cả nhà trên trời và dưới đất đều được đặt tên” theo Cha thiên thượng. Từ gia đình (nhà) có thể được dịch là “mối liên hệ cha con”. Mọi mối liên hệ cha con trên trời và dưới đất đều có nguồn gốc và tên gọi từ Đức Chúa Cha. Ngài là Nguyên bản vĩ đại mọi mối liên hệ cha con khác đều chỉ là một sự sao chép. A-đam được gọi là “con Đức Chúa Trời” (Lu 3:38), ám chỉ sự tạo dựng A-đam. Tín đồ là “con của Đức Chúa Trời” bởi sự sanh lại (IGi 3:1-2 Gi 1:11-13). Mọi người không phải là con Đức Chúa Trời theo bản tính. Thay vào đó, họ đều là con cái của sự ban nghịch và con cái của sự thanh ngộ (Eph 2:2-3). Là Đấng Tạo hoá, Đức Chúa Trời là Cha của mỗi người nhưng là Đấng Cứu Chuộc, Ngài chỉ là Cha của những ai tin. Trong Kinh Thánh không có chỗ nào đề cập đến mối liên hệ cha con phổ thông của Đức Chúa Trời để cứu tất cả mọi người. “Các ngươi phải được sanh lại” (Gi 3:7).

2. Sự cầu xin (Eph 3:16-19)

Có bốn sự cầu xin trong lời cầu nguyện của Phao-lô, nhưng chúng không thể được xem như là những lời thỉnh cầu riêng lẻ, cô lập. Bốn sự cầu xin này giống như bốn phần của một kính viễn vọng hơn. Sự cầu xin này dẫn đến sự cầu xin kế tiếp và cứ tiếp tục như vậy. Ông cầu nguyện để người bẽ trong có thể có được sức mạnh thuộc linh, là điều, đến lượt nó, sẽ đưa đến một tầng trải sâu xa hơn với Đấng Christ. Tầng trải sâu xa này sẽ giúp họ có thể hiểu thấu (nắm vững) sự yêu thương lớn lao của Đức Chúa Trời, là việc sẽ dẫn đến kết quả là họ được “đầy dẫy mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời.” Thế nên, Phao-lô đang cầu xin để được sự mạnh mẽ, được đâm rễ vững bền, được sự hiểu thấu, và sự dư dật.

Sự mạnh mẽ (Eph 3:16). Sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong đời sống là bằng chứng của sự cứu rỗi (Ro 8:9) nhưng năng quyền của Thánh Linh sẽ ban quyền phép cho đời sống Cơ Đốc nhân, và chính năng quyền này là điều Phao-lô ước ao cho các độc giả của mình. “Khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép” (Cong 1:8). Chúa Giê-xu thi hành chức vụ của Ngài trên đất trong quyền năng của Thánh Linh (Lu 4:1,14 Cong 10:38), và đây là nguồn duy nhất chúng ta có được để sống đời sống Cơ Đốc ngày nay. Khi đọc Sách Công vụ các Sứ đồ, bạn thấy được tầm quan trọng của Đức Thánh Linh trong sự sống của Hội Thánh, vì có khoảng 59 lần nhắc đến Đức Thánh Linh trong sách này, hay một phần tư tổng số lần được tìm thấy trong Tân Ước. Có người đã nói, “Nếu Đức Chúa Trời cất Đức Thánh Linh ra khỏi thế giới này, hầu hết những điều Cơ Đốc nhân chúng ta đang thực hiện sẽ tiếp diễn bình thường – và không ai sẽ nhận biết sự khác biệt!” Thật đáng buồn, nhưng lại đúng như thế.

Quyền năng của Đức Thánh Linh được ban cho chúng ta “tùy theo sự giàu có của vinh hiển Ngài” (c.16). Đấng Christ trở lại sự vinh hiển và ban Đức Thánh Linh từ trời để ngự trong lòng và ban quyền năng cho dân sự Ngài. Chúng ta không cần phải “tạo nên một cái gì đó.” Quyền năng phải được ban xuống. Thật lạ lùng biết bao là Đức Chúa Trời không ban quyền năng Thánh Linh cho chúng ta “từ sự giàu có của Ngài” mà “tùy theo sự giàu có Ngài” – đó là một việc vĩ đại hơn nhiều. Nếu tôi là một tỉ phú và tôi cho bạn mười đô la, thì tôi đã cho bạn từ sự giàu có của tôi nhưng nếu tôi cho bạn một triệu đô la, tôi đã cho bạn tùy theo sự giàu có của tôi. Số tiền đầu tiên là một phần nhỏ, số tiền thứ hai là một sự cân xứng.

Quyền năng này sẵn sẵn cho “con người bẽ trong.” Điều này có nghĩa là phần tâm linh của con người nơi Đức Chúa Trời ngự trị và hành động. Người bẽ trong của tội nhân hư mất đã chết (Eph 2:1), nhưng nó trở nên sống động khi Đấng Christ được mời ngự vào. Người bẽ trong có thể nhìn thấy (Thi 119:18), nghe (Mat 13:9), ném (Thi 34:8), và rờ (Cong 17:27) và người bẽ trong đó phải được “tập

luyện” (ITi 4:7-8). Người ấy cũng cần phải được tẩy sạch (Thi 51:7) và nuôi dưỡng (Mat 4:4). Người bề ngoài đang hư nát, nhưng người bề trong có thể được đổi mới về mặt thuộc linh bất chấp sự hư nát về thể chất ở bên ngoài (IICo 4:16-18). Chính năng quyền bên trong này khiến cho người ấy được thành công.

Việc Đức Thánh Linh ban quyền năng cho người bề trong có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là những khả năng thuộc linh của chúng ta được Đức Chúa Trời điều khiển, và chúng ta đang sử dụng chúng và lớn lên trong Lời Chúa (He 5:12-14). Chỉ khi chúng ta đầu phục Đức Thánh Linh và để Ngài cai quản người bề trong thì chúng ta mới thành công trong việc sống để tôn vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là nuôi dưỡng người bề trong bằng Lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện và thờ phượng, giữ sự thanh sạch, và luyện tập các giác quan bởi việc yêu mến sự vâng lời.

Bề sâu (Eph 3:17-18). Phao-lô dùng ba hình ảnh ở đây để nói lên ý tưởng về chiều sâu thuộc linh, và cả ba hình ảnh này được tìm ẩn trong ba động từ: “ngự,” “đâm rễ,” và “vững nền.” Động từ ngự nghĩa đen có nghĩa là (ở đây tôi dựa theo Tiên sĩ Kenneth Wuest) “ổn định cuộc sống và cảm thấy thoải mái như ở nhà.” Dĩ nhiên Đấng Christ đã hoàn toàn cư trú trong tâm lòng của những người ở Ê-phê-sô, nếu không Phao-lô đã không gọi họ là “các thánh đồ” trong Eph 1:1. Điều Phao-lô đang cầu xin là một kinh nghiệm sâu xa hơn giữa Đấng Christ và dân sự Ngài. Ông ước ao Đấng Christ và cảm thấy thoải mái tự nhiên như ở nhà trong tâm lòng của họ – không phải một mối liên hệ hời hợt bề ngoài, mà là một sự tương giao ngày càng khẳng khái hơn.

Cuộc đời Áp-ra-ham là một minh họa của chân lý này. Đức Chúa Trời sắp ban phước cho Áp-ra-ham với một đứa con trai, khi Chính mình Đức Giê-hô-va đã ngự xuống và viếng thăm lều trại của Áp-ra-ham, và Ngài mang hai thiên sứ đi với Ngài. Họ đến trong trại, họ trò chuyện với Áp-ra-ham, và họ cũng đã dùng bữa với ông. Họ cảm thấy vô cùng thoải mái, vì Áp-ra-ham là một người của đức tin và vâng lời. Nhưng ba vị khách có một trọng trách khác. Họ phải điều tra về tội ác của Sô đôm vì Đức Chúa Trời định huỷ diệt các thành này. Lót, một người tin Chúa, đang sống tại Sô đôm, và Đức Chúa Trời muốn báo trước cho ông phải thoát khỏi đó trước khi cơn đoán phạt có thể trút xuống. Nhưng Chính mình Đức Giê-hô-va không đi đến thành Sô đôm. Ngài sai hai thiên sứ đi (Sa 18:1-19:38). Đức Giê-hô-va không cảm thấy thoải mái tại nhà của Lót theo như cách Ngài cảm thấy thoải mái tại lều trại của Áp-ra-ham.

Động từ đâm rễ đưa chúng ta vào thế giới cỏ cây. Cây phải bén rễ sâu xuống đất nếu nó muốn được bổ dưỡng và chắc chắn và Cơ Đốc nhân phải có rễ thuộc linh bén sâu vào sự yêu thương của Đức Chúa Trời. Thi 1:1-3 là một sự mô tả hoàn hảo của thế giới này, và Gie 17:5-8 là một lời dẫn giải về việc này. Một trong những câu hỏi quan trọng nhất một Cơ Đốc nhân có thể tự hỏi là, “Do đâu mà tâm linh tôi được nuôi dưỡng và vững vàng?” Nếu đời sống Cơ Đốc nhân cần phải có quyền năng, thì đời sống ấy hẳn phải có chiều sâu. Các gốc rễ phải bén ngày càng sâu hơn vào trong sự yêu thương của Đấng Christ.

Vững nền là một thuật ngữ thuộc ngành kiến trúc nó nói đến những nền móng trên đó chúng ta xây cất. Trong hai Hội Thánh đầu tiên tôi làm chủ toạ, chúng tôi được đặc ân xây dựng những toà nhà mới, và trong cả hai đề án dường như chúng tôi cứ phải luôn nặng lòng trong việc xây nền móng. Trong chương trình xây dựng thứ hai của tôi, chúng tôi đã phải chi ra nhiều ngàn mỹ kim để thử nghiệm đất vì chúng tôi đang xây cất trên một đáy hồ cũ. Suốt nhiều tuần lễ, các nhân công đang sắp đặt và đổ nền. Một ngày nọ tôi than phiền với vị kiến trúc sư, và ông ta đáp, “Thưa Mục sư, phần quan trọng nhất của toà nhà này là cái nền. Nếu ông không đào sâu xuống, thì ông không thể nào xây cao lên được.” Câu nói ấy đã là một bài giảng cho tôi kể từ đó.

Những thử thách của đời sống thử nghiệm chiều sâu của kinh nghiệm chúng ta. Nếu hai người bạn cùng phòng tại trường đại học có một sự bất hoà, họ có thể tìm những người bạn cùng phòng mới, vì cuối cùng thì, việc sống với một bạn cùng phòng chỉ là một từng trải ngắn ngủi thôi. Nhưng nếu một người chồng và người vợ yêu thương nhau lại có một sự bất đồng, sự thử thách chỉ càng làm cho tình yêu của họ gắn bó hơn khi họ tìm cách giải quyết các vấn đề. Con bão thổi qua cho thấy sức mạnh của rễ cây. Chúa Giê-xu kể một câu chuyện về hai người xây nhà, một trong hai người đã không đào móng sâu đủ (Mat 7:24-29). Phao-lô cầu xin để các tín hữu có thể có một từng trải sâu xa hơn với

Đấng Christ, vì chỉ một từng trái sâu xa mới có thể giữ họ trong suốt những thử thách cam go của cuộc sống.

Sự hiểu thấu (3:18-19a). Hai từ tiếng Anh “comprehend” và “apprehend” (đều có nghĩa là ‘hiểu thấu’) xuất phát từ chữ La tinh prehendere có nghĩa là “nắm được, hiểu thấu.” Chúng ta nói rằng một con khi có một “cái đuôi có thể cầm nắm được.” Điều đó có nghĩa là đuôi của nó có thể quán lấy một cành cây và bám vào. Từ comprehend mang ý tưởng của việc hiểu thấu một điều gì trong lý trí trong khi apprehend nói đến việc nhận lấy điều đó cho chính bạn. Nói cách khác, bạn có thể hiểu một điều nào đó nhưng không thực sự biến nó thành của riêng bạn. Mỗi quan tâm của Phao-lô là chúng ta hưởng được sự yêu thương vô lượng vô biên của Đức Chúa Trời. Ngài muốn chúng ta sống trong bốn chiều kích. Khi Đức Chúa Trời ban xức cho Áp-ra-ham, Ngài bảo ông “đi khắp xứ hết bề dài và bề ngang của nó” (Sa 13:17). Áp-ra-ham phải bước ra bởi đức tin và xác nhận cơ nghiệp của mình. Nhưng chúng ta ngày nay có một cơ nghiệp trong bốn chiều kích: bề rộng, bề dài, bề sâu, và bề cao. Chiều kích thứ tư của Đức Chúa Trời là sự yêu thương!

Nhưng có một điều nghịch lý ở đây. Phao-lô muốn chúng ta nhận biết cách cá nhân sự yêu thương của Đấng Christ “trỗi hơn mọi sự thông biết.” Có các chiều kích, nhưng chúng không thể nào đo lường được. “Sự yêu thương của Đấng Christ trỗi hơn mọi sự thông biết” tương đương với “sự giàu có không dò được của Đấng Christ” (Eph 3:8). Chúng ta thật giàu có trong Đấng Christ đến nỗi sự giàu có của chúng ta không thể nào tính được ngay cả với máy vi tính phức tạp nhất.

Có lẽ bạn nhìn thấy tranh biếm họa vẽ một người đàn ông đang trò chuyện với một người bán thuyền. Trong phòng trưng bày đẹp đẽ là những chiếc thuyền yat và những thuyền máy có chỗ ngủ, thật đẹp đẽ tao nhã. Trong hàng chữ chú thích, người bán hàng đang nói với khách hàng: “Thưa ông, nếu ông cần phải hỏi chúng giá bao nhiêu, thì chúng đắt vô cùng ông không mua nổi đâu!”

Không Cơ Đốc nhân nào từng phải lo âu về việc không có đủ nguồn tài nguyên thuộc linh để đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống. Nếu người ấy cầu xin sức mạnh thuộc linh và chiều sâu thuộc linh, người ấy sẽ có thể hiểu thấu (apprehend) – hay từng trải – tất cả những nguồn tài nguyên về sự yêu thương và ân điển của Đức Chúa Trời. “Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi” (Phi 4:13). Và kết quả của mọi sự này là gì?

Sự đầy đầy (Eph 3:19b). Người ta nói rằng thiên nhiên rất ghét một khoảng chân không. Điều này giải thích vì sao không khí hoặc nước sẽ tự động chảy vào một khoảng trống. Bản tánh thiên thượng ghét một sự trống không. Đức Chúa Trời muốn chúng ta kinh nghiệm sự đầy đầy của Ngài. Bản dịch chính xác hơn là “được đổ đầy mọi sự đầy đầy của Đức Chúa Trời.” Phương tiện của sự đầy đầy của chúng ta là Đức Thánh Linh (Eph 5:18), và thước đo của sự đầy đầy của chúng ta là Chính Đức Chúa Trời (4:11-16). Thật đáng buồn khi Cơ Đốc nhân dùng những thước đo sai trật trong việc tra xét đời sống thuộc linh của riêng họ. Chúng ta thích tự đo lường mình bằng những Cơ Đốc nhân yếu đuối nhất mà chúng ta biết, và rồi khoe, “Ồ, tôi tốt hơn họ.” Phao-lô cho chúng ta biết rằng thước đo là Đấng Christ, và chúng ta không thể nào khoe mình về bất cứ điều gì (và chúng ta cũng không nên khoe mình nữa). Khi chúng ta đã đạt đến sự đầy đầy của Ngài, lúc ấy chúng ta đã đạt đến giới hạn định ra.

Về một ý nghĩa, người Cơ Đốc đã được “làm cho đầy đầy trong Đấng Christ” (Co 2:9-10). Về địa vị, chúng ta đã hoàn toàn ở trong Ngài, nhưng về thực tế, chúng ta chỉ hưởng được ân điển mà mình thấu hiểu bởi đức tin thôi. Những nguồn tài nguyên đã có đó. Mọi điều chúng ta cần làm là tiếp nhận chúng và tận hưởng chúng. Phao-lô sẽ còn nhiều điều nữa để nói về sự đầy đầy này (Eph 5:18-21), vì thế chúng ta sẽ dành sự giải thích tận tường hơn cho đến khi chúng ta đến phần đó.

3. Sự chúc phước (Eph 3:20-21)

Sau khi chiêm ngắm một từng trái thuộc linh diệu kỳ như thế, chẳng ngạc nhiên gì Phao-lô lớn tiếng dâng lên một sự chúc phước thích hợp với một lời cầu nguyện như vậy trong một lời ca tụng Chúa. Một lần nữa hãy lưu ý sự nhấn mạnh về ba ngôi trong lời chúc phước này: Phao-lô cầu xin với

Đức Chúa Cha, liên quan đến quyền năng ngự trị trong chúng ta của Đức Chúa Thánh Linh, được sẵn sàng cho chúng ta qua Đức Chúa Con.

Có lẽ cách tốt nhất để chúng ta hiểu thấu phần nào sự vĩ đại của lời ca tụng này là nhìn vào lời ca tụng đó trong hình thức đã phát thảo sau đây:

Đức Chúa Trời là Đấng

có thể làm tất cả

trời hơn tất cả

trời hơn tất cả cách sự dật

hết sức trời hơn tất cả cách dư dật

Phao-lô dường như muốn sử dụng mọi từ ngữ có thể được để truyền đạt cho chúng ta tính chất lớn lao của quyền năng Đức Chúa Trời được tìm thấy trong Chúa Giê-xu Christ. Ông đã kết thúc mỗi phần trong hai chương đầu với sự ngợi khen dâng lên Đức Chúa Trời vì sự chiến thắng vĩ đại của Ngài trong Đấng Christ. Ông cho chúng ta biết rằng quyền năng của Đấng Christ quá lớn lao đến độ Ngài đã sống lại từ kẻ chết và được tôn cao hơn hết tất cả (1:19-23). Ông dạy chúng ta rằng quyền năng của Ngài quá vĩ đại đến độ Ngài đã giảng hoà người Do Thái và các dân ngoại lại với nhau, và với Đức Chúa Trời và Ngài hiện đang xây dựng một đền thờ để ngợi khen vinh hiển đời đời của Đức Chúa Trời (2:19-22). Nhưng trong đoạn văn trước mặt chúng ta, Phao-lô chia sẻ chân lý lý thú là quyền năng cao hơn hết tất cả này lại sẵn dành cho chúng ta! Thậm chí quyền năng này còn “trời hơn mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng.” Nói cách khác, quyền năng của Đấng Christ, giống như sự yêu thương của Đấng Christ, vượt hơn sự thông hiểu hoặc đo lường của con người. Và đây thật là loại quyền năng mà bạn và tôi cần nếu chúng ta sẽ phải bước đi và chiến đấu trong sự đắc thắng.

Từ “quyền năng” (bản dịch cũ là ‘quyền lực’) một lần nữa là từ *dunamis*, mà chúng ta đã gặp trong 3:7 và “tác động” (bản dịch cũ là ‘cảm động’) là từ *energeia* (*energy*) được tìm thấy trong 1:11,19 2:2 3:7 4:16. Một số quyền năng đang im lìm nó có sẵn, nhưng không được sử dụng, chẳng hạn như năng lượng chứa trong một cục pin. Nhưng năng lực của Đức Chúa Trời là quyền năng có hiệu lực – quyền năng hành động trong đời sống chúng ta. Quyền năng này hành động trong chúng ta, trong người bề trong (3:16). Thư Phi 2:12-13 là những câu tương đương, vì vậy đừng quên đọc những câu ấy. Chính Đức Thánh Linh là Đấng ban năng quyền phục sinh của Đấng Christ trong đời sống chúng ta.

Một ngày mùa đông nọ, tôi có một cuộc hẹn quan trọng tại Chicago, và tối hôm trước đó vùng ấy bị tràn ngập bởi một cơn bão tuyết dữ dội. Tôi không có ga ra, vì thế xe của tôi không chỉ bị tuyết phủ kín, nhưng những mảng băng nặng nề đã đóng lại bên dưới các lá chắn bùn và các vật hãm xung phía trước xe. Tôi chỉ lấy chân đá bật những mảng băng này ra khỏi xe sau khi đã quét tuyết phủ trên xe xuống hết. Tôi lái xe đến trạm xăng để đổ xăng. Khi tôi ấn cái nút trên bảng đồng hồ để mở nắp xăng, nó không chịu mở. Dù tôi đã ấn mạnh hay ấn liên tục đến đâu, cái nắp vẫn cứ đóng chặt. Nhân viên trạm xăng nhìn xuống phía dưới cái lá chắn và phát hiện vấn đề. Trong lúc đá mảng băng bật đi, tôi đã làm đứt sợi dây nối cái nắp với bình ắc qui.

Rõ ràng đây là điều đã xảy ra với nhiều Cơ Đốc nhân. Họ đã bị cắt đứt khỏi nguồn ban năng quyền của mình. Sự vô tín, tội lỗi không được xưng ra, lối sống cầu thả, tinh thần thế gian trong hành vi hay thái độ – tất cả những điều này có thể cướp mất năng quyền khỏi chúng ta. Và một Cơ Đốc nhân bị cướp mất năng quyền không thể nào được Đức Chúa Trời dùng đến. “Ngoài Ta, các người chẳng làm chi được” (Gi 15:5).

Vì sao Đức Chúa Trời lại san sẻ năng quyền của Ngài với chúng ta? Để chúng ta có thể xây dựng những Hội Thánh vĩ đại cho sự vinh hiển của riêng chúng ta phải không? Để chúng ta có thể khoe khoang về những thành đạt của chính mình chẳng? Không đâu! “Để Ngài được vinh hiển trong Hội Thánh!” Thánh Linh của Đức Chúa Trời được ban cho để tôn vinh Con Đức Chúa Trời (Gi 16:14). Hội Thánh trên đất đang ở đây để tôn vinh Con Đức Chúa Trời. Nếu động cơ của chúng ta là tôn vinh

Đức Chúa Trời bằng cách gây dựng Hội Thánh Ngài, thì Đức Chúa Trời sẽ san sẻ năng quyền của Ngài với chúng ta. Năng quyền của Thánh Linh không phải là một sự xa xỉ nó là một điều thiết yếu.

Nhưng điều đáng ngạc nhiên là những gì chúng ta làm trong năng quyền của Ngài ngày hôm nay sẽ tôn vinh Đấng Christ “trải các thời đại, đời đời vô cùng” (Eph 3:21). Chức vụ vĩ đại nhất của Hội Thánh vẫn còn nối tiếp. Những gì chúng ta làm ở đây và ngay bây giờ đang chuẩn bị chúng ta cho cả cõi đời đời, khi chúng ta sẽ tôn vinh Đấng Christ mãi mãi.

Ngài có thể làm tất cả – trôi hơn tất cả – trôi hơn tất cả cách dư dật – hết sức trôi hơn tất cả cách dư dật.!

Hãy nhận lãnh sự giàu có thuộc linh của bạn bằng cách mở lòng mình cho Đức Thánh Linh, và cùng với Phao-lô cầu xin để được sự mạnh mẽ cho người bề trong . . . để được một chiều sâu mới mẻ của sự yêu thương . . . để được sự hiểu thấu về thuộc linh . . . và để được sự dư dật về tâm linh.

“*Anh em chẳng được chi vì không cầu xin*” (Gia 4:2).

7. HÃY CÙNG BƯỚC ĐI VỚI NHAU (Eph 4:1-16)

Tất cả các thơ tín của Phao-lô đều chứa đựng một sự cân bằng đẹp đẽ giữa giáo lý và bổn phận, và thơ Ê-phê-sô là một ví dụ hoàn hảo. Ba chương đầu đề cập tới học thuyết, sự giàu có của chúng ta trong Đấng Christ, trong khi những chương cuối giải thích bổn phận, những trách nhiệm của chúng ta trong Đấng Christ. Từ trọng tâm trong nửa phần cuối của sách này là bước đi (hay ăn ở) (4:1,17 5:2,8,15), trong khi ý chính trong nửa phần đầu là sự giàu có. Trong ba chương cuối này, Phao-lô khuyên chúng ta nên bước đi trong sự hiệp một (4:1-16), sự thanh sạch (4:17-5:17), sự hài hoà (5:18-6:9), và đắc thắng (6:10-24).

Bản phát thảo sau đây bốn “sự bước đi” này hoàn toàn tương ứng với các giáo lý căn bản Phao-lô đã dạy dỗ chúng ta trong ba chương đầu.

- SỰ GIÀU CÓ CỦA CHÚNG TA:

được kêu gọi bởi ân điển để thuộc về thân Ngài 1:1-23

được làm cho sống lại từ cõi chết (2:1-10)

được phục hoà (2:11-22)

sự đắc thắng cách mà nhiệm của Đấng Christ đối với Sa-tan (3:1-21)

- SỰ BƯỚC ĐI CỦA CHÚNG TA:

Hãy bước đi cách xứng đáng với sự kêu gọi của anh em – sự hiệp một của thân thể (4:1-16)

Loại bỏ quần áo liêm (4:17-5:17)

Bước đi trong sự thánh khiết

Bước đi cách hài hoà (5:18-6:9)

Bước đi trong sự đắc thắng (6:10-24)

Trước khi chúng ta xem xét phần này cách chi tiết, chúng ta phải lưu ý hai từ quan trọng trong câu một: *Vậy ...* khuyên. Từ “*Vậy*” ám chỉ rằng Phao-lô đang dựa vào những giáo lý đã được dạy trong ba chương đầu để cổ vũ chúng ta về bổn phận. (Ro 12:1-2 là những câu tương đương.) Đòi sống Cơ Đốc nhân không dựa trên sự dốt nát mà trên sự hiểu biết, và càng am hiểu giáo lý Kinh Thánh hơn, thì chúng ta càng dễ vâng theo những bổn phận Kinh Thánh đòi hỏi hơn. Khi người ta nói, “Đừng nói với tôi về giáo lý – chỉ hãy để tôi sống đời sống Cơ Đốc nhân của mình!” tức họ đang bày tỏ sự ngu dốt của mình về cách thức Đức Thánh Linh hành động trong đời sống của người tín đồ. “Việc bạn tin gì không quan trọng, bạn chỉ cần sống đúng là được” là một sự phát biểu tương tự về sự ngu dốt. Việc bạn tin gì thực sự quan trọng, vì điều bạn tin quyết định cách cư xử của bạn!

Từ khuyên nài ám chỉ rằng Đức Chúa Trời, bởi tình yêu thương, thúc giục chúng ta sống vì có sự vinh hiển của Ngài. Ngài không phán, như Ngài đã phán với những người Do Thái thời Cựu Ước, “Nếu các ngươi vâng lời Ta, Ta sẽ ban phước cho các ngươi.” Đúng hơn, Ngài phán

“Ta đã ban phước cho các ngươi – giờ đây, để đáp lại sự yêu thương và ân điển của Ta, hãy vâng lời Ta.” Ngài đã ban cho chúng ta một sự kêu gọi thật diệu kỳ trong Đấng Christ giờ đây trách nhiệm chúng ta là phải sống đúng theo sự kêu gọi đó.

Ý chính trong 16 câu đầu này là sự hiệp nhất của các tín hữu trong Đấng Christ. Điều này đơn giản là sự áp dụng thực tế của giáo lý đã được dạy dỗ trong nửa phần đầu của thư tín: Đức Chúa Trời đang xây dựng một Thân thể, một Đền thờ. Ngài đã giảng hoà người Do Thái và các dân ngoại với Chính mình Ngài trong Đấng Christ. Sự hiệp làm một của tín đồ trong Đấng Christ đã là một sự kiện thuộc linh. Trách nhiệm của chúng ta là canh giữ, bảo vệ và giữ gìn sự hiệp nhất ấy. Để làm điều này, chúng ta phải hiểu bốn thực tế quan trọng.

1. Vẻ đẹp của sự hiệp một (Eph 4:1-3)

Sự hiệp một không phải là sự đồng nhất. Sự hiệp một xuất phát từ bên trong và là một vẻ đẹp thuộc linh, trong khi sự đồng nhất là kết quả của áp lực từ bên ngoài. Phao-lô dùng thân thể con người như một bức tranh về sự hiệp một của Cơ Đốc nhân (ICo 12:1-31), và ông dùng sự minh hoạ tương tự ở đây trong phần này (Eph 4:13-16). Mỗi phần của thân thể đều khác biệt với các phần khác, thế nhưng tất cả đều tạo nên một thân và hoạt động chung với nhau.

Nếu chúng ta đang giữ gìn “sự hiệp một của Thánh Linh,” thì chúng ta phải có được những vẻ đẹp thiết yếu của Cơ Đốc nhân, và có bảy điều trong đó được liệt kê ở đây. Điều đầu tiên là sự hạ mình, hay sự khiêm nhường. Có người đã nói rằng, “Sự khiêm nhường là vẻ đẹp mà, khi bạn biết mình có nó, thì bạn đã mất nó rồi.” Sự khiêm nhường có nghĩa là đặt Đấng Christ trước hết, những người khác thứ nhì, và bản ngã cuối cùng. Nó có nghĩa là biết chính mình, chấp nhận chính mình, và là chính mình vì có vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không lên án bạn khi bạn chấp nhận chính mình và những sự ban cho mà bạn có được (Ro 12:3). Ngài chỉ không muốn chúng ta nghĩ về chính mình cao hơn – hay thấp kém hơn giá trị đích thực của mình.

Sự nhu mì (mềm mại) không phải là sự yếu đuối. Đó là sức mạnh được kiểm soát. Mô-i-se là một người khiêm hoà (Dan 12:3), tuy nhiên hãy nhìn xem năng quyền lớn lao mà ông đã thi thố. Chúa Giê-xu Christ “có lòng nhu mì và khiêm nhường” (Mat 11:29), thế nhưng Ngài đã đuổi những kẻ đổi bạc ra khỏi đền thờ. Trong ngôn ngữ Hy Lạp, từ này được dùng cho một loại thuốc giảm đau, một roi thùng đã bị đứt, và một làn gió nhẹ. Trong mỗi trường hợp bạn đều có sức mạnh, nhưng sức mạnh đó được kiểm soát.

Gắn liền với sự nhu mì là việc nhịn nhục, theo nghĩa đen có nghĩa là “trầm tĩnh,” khả năng chịu đựng điều bực dọc mà không kháng cự lại. Điều này dẫn đến việc đề cập tới sự nín chịu, một vẻ đẹp không thể nào từng trải nếu tách rời khỏi tình yêu thương. “Tình yêu thương hay nhịn nhục, hay nhân từ” (ICo 13:4). Thực ra, Phao-lô đang mô tả một số “bông trái của Thánh Linh” (Ga 5:22-23) vì “sự hiệp một của Thánh Linh” (Eph 4:3) là kết quả của việc người tín hữu “bước đi trong Thánh Linh” (Ga 5:16).

Vẻ đẹp kế tiếp góp phần vào sự hiệp một của Thánh Linh là sự nỗ lực. Nghĩa đen từ này là “hăng hái duy trì, hay giữ gìn, sự hiệp một của Thánh Linh.” Có lần tôi được nghe một thánh đồ dày dặn nói với một cặp vợ chồng mới cưới, “Thật tuyệt là hai bạn yêu thương nhau, nhưng nếu hai bạn muốn được hạnh phúc trong hôn nhân, hai bạn phải tích cực góp phần vào đó!” Động từ được dùng ở đây là một hiện tại phân từ, có nghĩa là chúng ta phải thường xuyên nỗ lực để duy trì sự hiệp một này. Trên thực tế, khi chúng ta cho rằng hoàn cảnh thuận lợi nhất, thì Sa-tan sẽ xen vào để phá vỡ nó đi. Sự hiệp một về tâm linh của một gia đình, một lớp học Trường Chúa nhật, hay một Hội Thánh là trách nhiệm của mỗi người có liên quan tới, và việc làm này không bao giờ chấm dứt.

Vẻ đẹp cuối cùng là sự hoà bình – “dây hoà bình.” Xin xem Gia 3:13-4:10 để biết cách đối xử sống động nhất đối với chiến tranh và hoà bình trong Tân Ước. Xin lưu ý là lý do của sự tranh chiến ở bên

ngoài là sự tranh chiến ở bên trong. Nếu một tín đồ không thể hoà thuận với Đức Chúa Trời, thì người ấy không thể hoà thuận với các tín đồ khác. Khi “sự bình an của Đức Chúa Trời” cai trị trong lòng chúng ta, thì chúng ta mới gây dựng sự hiệp một được (Co 3:15).

2. Nền tảng của sự hiệp một (Eph 4:4-6)

Nhiều người ngày nay cố gắng liên kết các Cơ Đốc nhân theo một cách thức không như Kinh Thánh dạy. Chẳng hạn như, họ sẽ nói: “Chúng ta không quan tâm đến các giáo lý, nhưng quan tâm đến tình yêu thương. Giờ đây, chúng ta hãy quên đi các giáo lý và chỉ hãy yêu thương nhau!” Nhưng Phao-lô không bàn về sự hiệp một thuộc linh trong ba chương đầu ông chờ cho đến khi ông đã đặt nền tảng của giáo lý. Trong khi không phải mọi Cơ Đốc nhân đều đồng ý về một số vấn đề thứ yếu của giáo lý Cơ Đốc, hết thảy họ đều đồng ý về những chân lý nền tảng của đức tin. Sự hiệp một xây dựng trên bất cứ điều gì khác hơn chân lý trong Kinh Thánh là đang đứng trên một cái nền rất lung lay. Phao-lô liệt kê ở đây bảy thực tế thuộc linh căn bản khiến hiệp nhất tất cả mọi Cơ Đốc nhân chân thật.

Một Thân thể – Dĩ nhiên, đây là Thân thể của Đấng Christ trong đó mỗi tín hữu là một chi thể, được đặt vào thân thể Ngài lúc trở lại đạo bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời (ICo 12:12-31). Một Thân thể là khuôn mẫu cho nhiều thân thể địa phương mà Đức Chúa Trời đã thiết lập khắp thế giới. Sự kiện một người là một chi thể của Một Thân thể không miễn trừ cho người ấy khỏi thuộc về một thân thể địa phương, vì chính tại nơi đó người ấy sử dụng các ân tứ thuộc linh của mình và giúp đỡ những người khác lớn lên.

Một Thánh Linh – Cùng một Đức Thánh Linh ngự trong mọi tín đồ, hầu cho chúng ta thuộc về nhau trong Chúa. Có ít nhất hàng chục lần Đức Thánh Linh được nhắc đến trong thư Ê-phê-sô, vì Ngài quan trọng đối với chúng ta để sống đời sống Cơ Đốc.

Một sự hy vọng về sự kêu gọi của bạn – Điều này ám chỉ sự trở lại của Chúa để cất Hội Thánh Ngài về trời. Đức Thánh Linh ở trong lòng là sự xác quyết của lời hứa vĩ đại này (Eph 1:13-14). Phao-lô đang ám chỉ ở đây rằng người tín đồ vốn nhận biết sự hiện hữu của Một Thân thể, vốn bước đi trong Thánh Linh, vốn trông mong sự trở lại của Chúa, sẽ là một người giảng hoà chứ không phải là một người gây phiến toái.

Một Chúa – Đây là Chúa Giê-xu Christ Chúa chúng ta Đấng đã chết vì có chúng ta, sống vì có chúng ta, và một ngày kia sẽ hiện đến vì có chúng ta. Khó mà tin được rằng hai tín hữu có thể tự xưng là vâng theo cùng một Chúa, mà lại không thể nào cùng bước đi trong sự hiệp một được. Có người đã hỏi Ghandi, vị lãnh tụ thuộc linh của Ấn độ, “Trở lực lớn nhất đối với Cơ Đốc giáo tại Ấn độ là gì?” Ông đáp, “Các Cơ Đốc nhân.” Việc thừa nhận uy quyền của Đấng Christ là một bước vĩ đại tiến tới sự hiệp một thuộc linh giữa vòng dân sự Ngài

Một đức tin – Có một phần không thay đổi của chân lý được Đấng Christ đặt trong Hội Thánh của Ngài, và đó là “đức tin.” Giu đê gọi đó là “đức tin đã truyền cho các thánh một lần đủ cả” (Giu 1:3). Các Cơ Đốc nhân ban đầu nhận biết phần quan trọng của giáo lý căn bản mà họ dạy dỗ, giữ gìn, và giao phó cho những kẻ khác (ITi 2:2). Cơ Đốc nhân có thể khác nhau trong một số vấn đề về cách hiểu và thực hành của Hội Thánh nhưng tất cả mọi Cơ Đốc nhân chân thật đều đồng ý về “đức tin” – và tách rời khỏi “đức tin” là đem đến sự mất hiệp một trong Thân thể của Đấng Christ.

Một phép báp têm – Vì tại đây Phao-lô đang thảo luận về Một Thân thể, nên “một phép báp têm” này có lẽ là phép báp têm của Thánh Linh, là việc làm của Thánh Linh khi Ngài đặt tội nhân tin nhận Chúa vào trong Thân thể của Đấng Christ lúc trở lại đạo (ICo 12:13). Đây không phải là một kinh nghiệm sau khi trở lại đạo, mà cũng không phải là một từng trải người tín đồ cần phải cầu xin hay tìm kiếm. Chúng ta được ra lệnh là phải đầy đầy Đức Thánh Linh (Eph 5:18), nhưng chúng ta không hề được ra lệnh là phải được báp têm bằng Thánh Linh, vì chúng ta đã được báp têm bởi Thánh Linh lúc trở lại đạo rồi. Khi nói đến Một Thân thể, thì có một phép báp têm – phép báp têm của Thánh Linh. Nhưng khi nói đến các thân thể địa phương của các tín hữu, thì có hai phép báp têm: phép báp têm bởi Thánh Linh, và phép báp têm bằng nước.

Một Đức Chúa Trời và một Cha – Phao-lô thích nhấn mạnh Đức Chúa Trời là Cha (Eph 1:3,17 2:18 3:14 5:20). Sự hiệp một diệu kỳ của các tín đồ trong gia đình của Đức Chúa Trời thật rõ rệt ở đây, vì Đức Chúa Trời là trên hết mọi người, và đang hành động qua mọi người, và trong mọi người. Chúng ta là con cái trong cùng một gia đình, yêu mến và hầu việc cùng một Cha, vì thế chúng ta cần phải có thể bước đi với nhau trong sự hiệp một. Giống y như một gia đình trên đất này, các thành viên khác nhau phải ban cho và nhận lãnh để giữ sự hiệp một yêu thương trong gia đình. Gia đình trên trời của Đức Chúa Trời phải làm tương tự. “Lời cầu nguyện của Chúa” mở đầu với câu “Lạy Cha chúng con” – chứ không phải “Lạy Cha của con.”

Điều Phao-lô thật sự quan tâm là Cơ Đốc nhân không được phá vỡ sự hiệp một của Thánh Linh bằng cách tán đồng với triết thuyết giả dối (Ro 16:17-20), và Sứ đồ Giăng lặp lại lời cảnh cáo này (IIGi 1:6-11). Hội Thánh địa phương không thể nào tin vào sự bình an với bất cứ giá nào, vì sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời “trước hết là thánh sạch, sau lại hoà thuận” (Gia 3:17). Sự thánh sạch của giáo lý tự nó không tạo nên sự hiệp một thuộc linh, vì có những Hội Thánh mạnh mẽ về đức tin, nhưng không mạnh mẽ khi nói đến tình yêu thương. Đây là lý do vì sao Phao-lô liên kết cả hai lại: “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15).

3. Các ân tứ hướng đến sự hiệp một (Eph 4:7-11)

Giờ đây Phao-lô chuyển từ những điều mọi Cơ Đốc nhân có chung nhau đến cách thức họ khác biệt với nhau. Ông đang bàn cãi về trạng thái không như nhau và tính chất cá nhân trong sự hiệp một của Thánh Linh. Đức Chúa Trời đã ban cho mỗi tín đồ ít nhất một ân tứ thuộc linh (ICo 12:1-12), và ân tứ này sẽ phải được dùng cho sự hiệp nhất và việc soi sáng (gây dựng) của Thân thể Đấng Christ. Chúng ta phải phân biệt giữa “các ân tứ thuộc linh” và các khả năng thiên nhiên. Khi bạn được sinh ra trong thế gian này Đức Chúa Trời ban cho bạn những khả năng thiên nhiên nào đó, có lẽ về cơ khí, nghệ thuật, thể thao, hay âm nhạc. Trong cái nhìn này, mọi người không được dựng nên đồng đều nhau, vì một số thì thông minh lanh lợi hơn, hoặc mạnh mẽ hơn, hoặc tài năng hơn những người khác. Nhưng trong lãnh vực tâm linh, mọi tín đồ đều có ít nhất một ân tứ thuộc linh dù cho người ấy có thể hoặc không thể có những khả năng thiên nhiên nào khác. Một ân tứ thuộc linh là một khả năng do Đức Chúa Trời ban cho để hầu việc Đức Chúa Trời và các Cơ Đốc nhân khác sao cho Đấng Christ được tôn vinh và các tín đồ được gây dựng.

Làm thế nào người tín đồ khám phá và phát triển những ân tứ của mình? Bằng cách thông công với các Cơ Đốc nhân khác trong hội chúng địa phương. Các ân tứ không phải là đồ chơi dùng để chơi đùa. Đó là những công cụ để gây dựng. Và nếu chúng không được sử dụng trong sự yêu thương, chúng trở thành những vũ khí để chống lại nhau, vốn là điều đã xảy ra tại Hội Thánh Cô-rinh-tô (ICo 12:1-14:40). Cơ Đốc nhân không được sống trong sự cô lập, vì cuối cùng thì họ là các chi thể của cùng một Thân.

Phao-lô dạy rằng Đấng Christ là Đấng ban các ân tứ này, qua Đức Thánh Linh (Eph 4:8-10). Ngài đã lên trời như Đấng Chiến thắng đời đời. Hình ảnh ở đây là của một nhà quân sự chiến thắng đưa các tù nhân về và chia chiến lợi phẩm với những kẻ theo mình. Chỉ trong trường hợp này, “những kẻ bị bắt” không phải là kẻ thù của Ngài, mà là những kẻ thuộc riêng về Ngài. Tội nhân đã từng bị tội lỗi và Sa-tan chiếm hữu giờ đây đã được Đấng Christ chiếm hữu. Ngay chính sự chết cũng là một kẻ thù đã bị đánh bại! Khi Đấng Christ đến thế gian, Ngài đã từng trải sự hạ mình thật sâu xa (Phi 2:5-11), nhưng khi Ngài lên trời, Ngài kinh nghiệm sự tôn cao tột bậc. Phao-lô trích dẫn Thi 68:18, là một bài ca chiến thắng áp dụng cho Chúa Giê-xu Christ do Đa-vít sáng tác (Eph 4:8).

Có ba bản liệt kê các ân tứ thuộc linh được nêu trong Tân Ước: ICo 12:4-11,27-31 Ro 12:3-8 Eph 4:11. Vì những bản liệt kê này không giống hệt nhau, nên có thể là do Phao-lô đã không kể tên tất cả các ân tứ dành sẵn cho tín đồ. Phao-lô đã viết rằng một số ân tứ thì quan trọng hơn những ân tứ khác, nhưng tất cả mọi tín đồ đều được cần đến nếu Thân thể muốn hoạt động cách bình thường (ICo 14:5,39). Phao-lô đã kể tên “vài ân tứ” của một số người có ân tứ mà Đức Chúa Trời đã đặt trong Hội Thánh, và có bốn nhóm người trong số họ.

Các sứ đồ – Từ này có nghĩa là “một người được sai đi với một sự uỷ thác.” Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ, nhưng Ngài chọn mười hai sứ đồ (Mat 10:1-4). Một môn đệ là một “người đi theo” hay “một người học trò,” nhưng một sứ đồ là “một người đại diện được chỉ định từ thiên thượng.” Các sứ đồ sẽ phải làm chứng về sự phục sinh (Cong 1:15-22), và vì vậy họ phải được chứng kiến Đấng Christ sống lại cách cá nhân (ICo 9:1-2). Ngày nay không có sứ đồ theo nghĩa đúng nhất trong Tân Ước. Những người này giúp đặt nền tảng của Hội Thánh – “được dựng trên nền của các sứ đồ cùng các đấng tiên tri” (Eph 2:20), và một khi nền tảng đã được thiết lập, thì họ không còn cần đến nữa. Đức Chúa Trời chúng thực chức vụ của họ với các phép lạ đặc biệt (He 2:1-4), vì vậy chúng ta không được đòi hỏi những phép lạ tương tự ngày hôm nay. Dĩ nhiên, theo một nghĩa rộng, mọi Cơ Đốc nhân đều có chức vụ của một sứ đồ. “Nhu Cha đã sai Ta thể nào, Ta cũng sai các người thể ấy” (Gi 20:21). Nhưng chúng ta không được tự xưng là sứ đồ.

Các đấng tiên tri – Chúng ta thường liên kết một đấng tiên tri với những sự tiên đoán về các biến cố trong tương lai, nhưng đây không phải là chức năng chính của người ấy. Một tiên tri trong Tân Ước là một người công bố Lời của Đức Chúa Trời (Cong 11:28 Eph 3:5). Tín hữu trong các Hội Thánh thời Tân Ước không có Kinh Thánh, và Tân Ước cũng chưa được viết ra hay hoàn tất. Thế thì, làm thế nào các hội chúng địa phương khám phá ý muốn của Đức Chúa Trời? Thánh Linh Ngài sẽ bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời với những ai có ơn nói tiên tri. Phao-lô đề nghị là ơn nói tiên tri phải có liên hệ đến việc thông hiểu “đủ các sự mầu nhiệm và mọi sự hay biết” (ICo 13:2), dĩ nhiên ông muốn nói đến những chân lý thuộc linh. Mục đích của lời tiên tri là “soi sáng, khích lệ, và an ủi” (ICo 14:3, dịch theo nghĩa đen). Cơ Đốc nhân ngày nay không nhận được tri thức thuộc linh trực tiếp từ Đức Thánh Linh, nhưng gián tiếp qua việc Thánh Linh dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời. Với các sứ đồ, các đấng tiên tri có một chức vụ nền tảng trong Hội Thánh ban đầu và ngày nay các tiên tri không còn cần đến nữa (Eph 2:20).

Những người giảng Phúc Âm – “Những người mang Tin Mừng.” Những người này đi từ nơi này đến nơi khác để rao giảng Phúc Âm và chinh phục những linh hồn hư mất (Cong 8:26-40 21:28). Tất cả những người hầu việc cần phải “làm công việc của một người giảng Phúc Âm,” nhưng điều này không có nghĩa là tất cả những người hầu việc đều là những thầy giảng Phúc Âm (II Ti 4:5). Các sứ đồ và các đấng tiên tri lập nền của Hội Thánh, và các thầy giảng Phúc Âm xây dựng trên đó bằng cách chinh phục những người hư mất về cho Đấng Christ. Dĩ nhiên, trong Hội Thánh ban đầu, mỗi tín đồ là một chứng nhân (Cong 2:41-47 11:19-21), và vì vậy chúng ta cũng cần phải là những chứng nhân hôm nay. Nhưng cũng có những người ngày hôm nay có ơn rao giảng Phúc Âm. Sự kiện một tín đồ có thể không có ân tứ này không miễn trừ cho người ấy khỏi việc mang gánh nặng về những linh hồn hư mất hoặc làm chứng cho họ.

Các mục sư và giáo sư – Sự kiện từ “kẻ khác” không được lặp lại cho thấy là chúng ta có ở đây một trách nhiệm với hai chức vụ. Mục sư có nghĩa là “người chăn chiên,” ám chỉ rằng Hội Thánh địa phương là một bầy chiên (Cong 20:28), và trách nhiệm của mục sư là nuôi dưỡng và dẫn dắt bầy chiên (trong I Phi 5:1-4, từ “trưởng lão” là một tên gọi khác dành cho “mục sư”). Mục sư làm điều này nhờ Lời Đức Chúa Trời, là thức ăn để nuôi dưỡng bầy chiên. Lời Chúa là cây gậy dùng dẫn dắt và sửa phạt chiên. Lời Đức Chúa Trời là sự che chở và sự chu cấp của Hội Thánh địa phương, và không mức độ vui thú nào, sự thông công tốt đẹp nào, hay những sự thay thế về tôn giáo nào có thể thế chỗ của Lời Chúa được.

4. Sự tăng trưởng của sự hiệp một (Eph 4:12-16)

Phao-lô đang nhìn vào Hội Thánh trên hai mức độ trong phần này. Ông nhìn thấy Thân thể của Đấng Christ, được hình thành bởi tất cả những tín đồ chân thật, đang lớn lên dần cho đến khi nó đạt đến sự trưởng thành thuộc linh, “tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Christ.” Nhưng ông cũng nhìn thấy thân thể địa phương của các tín đồ đang giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau lớn lên, và do đó đang kinh nghiệm sự hiệp một về mặt tâm linh.

Một nhà truyền giáo độc lập đến thăm một người bạn mục sư của tôi xin được hỗ trợ về tài chánh. Bạn tôi hỏi “Ông liên kết với nhóm nào?”

Người ấy đáp, “Tôi thuộc về Hội Thánh Vô hình.”

Bạn tôi lại hỏi, “VẬY, ông là thuộc viên của Hội Thánh nào?”

Một lần nữa ông nhận được câu trả lời, “Tôi thuộc về Hội Thánh Vô hình!”

Hơi nghi ngờ, bạn tôi hỏi, “Hội Thánh vô hình này nhóm lại khi nào? Ai chủ tọa Hội Thánh đó?”

Nhà truyền giáo liền nổi giận và nói, “Thôi được, Hội Thánh của ông ở đây không phải là Hội Thánh thật. Tôi thuộc về Hội Thánh Vô hình!”

Bạn tôi đáp, “Được rồi, đây là một số tiền vô hình để giúp ông hầu việc với Hội Thánh Vô hình!”

Bây giờ, người bạn mục sư của tôi không phủ nhận sự hiện hữu của Một Thân thể. Đúng hơn, ông đang xác nhận thực tế là Hội Thánh vô hình (không phải là một thuật ngữ trong Thánh Kinh, nhưng tôi sẽ dùng nó) hầu việc qua Hội Thánh hữu hình.

Các nhà lãnh đạo được ban ân tứ có bốn phận “trang bị các thánh đồ vào công việc của chức vụ, vào việc gây dựng thân thể của Đấng Christ.” Các thánh đồ không mời một mục sư và trả lương cho ông để làm công việc. Họ mời ông và tuân theo sự lãnh đạo của ông khi ông, nhờ Lời Đức Chúa Trời, trang bị họ để làm công việc của chức vụ (IITi 3:13-17). Các thành viên trong Hội Thánh tăng trưởng bằng cách sống nhờ Lời Đức Chúa Trời và giúp đỡ lẫn nhau. Chứng cứ đầu tiên của sự trưởng thành thuộc linh là việc giống Đấng Christ.

Chúng có thứ nhì là sự vững vàng. Cơ Đốc nhân trưởng thành không bị day động và đòi hỏi bởi mọi thứ đạo lạ chung quanh. Có nhiều kẻ lừa đảo về tôn giáo đang chờ đợi bắt cóc con cái Đức Chúa Trời và đưa họ vào những tà giáo của mình, nhưng người tín đồ trưởng thành nhận biết triết thuyết giả dối và tránh xa nó đi. Những người theo tà giáo không cố gắng giành lấy những linh hồn hư mất về với Đấng Christ. Họ không thành lập những trụ sở truyền giáo cứu người tại những khu nhà ổ chuột của các thành phố, vì họ không có tin mừng cho những người sống nơi đó. Thay vào đó, các giáo sư giả này cố gắng bắt lấy những Cơ Đốc nhân còn non nớt, và vì lý do này, hầu hết các thành viên của các tà giáo ra từ các Hội Thánh địa phương, đặc biệt là các Hội Thánh không nuôi tín hữu của mình bằng Lời của Đức Chúa Trời.

Chúng có thứ ba của sự trưởng thành là lẽ thật kết hợp với tình yêu thương: “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15). Có người đã từng nói cách sâu sắc rằng lẽ thật mà không có tình yêu thương là điều hung ác, nhưng tình yêu thương mà không có chân lý là sự giả hình. Các con trẻ không biết làm thế nào để kết hợp chân lý với tình yêu thương. Họ cho rằng nếu bạn yêu một người nào đó, bạn phải che đậy không cho người đó biết sự thật nếu việc biết sự thật sẽ làm tổn thương người đó. Một dấu hiệu của sự trưởng thành là bạn có thể san sẻ chân lý với các anh em trong Chúa của mình, và làm điều đó trong tình yêu thương. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín Còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giả nguy” (Ch 27:6).

Chúng có sau cùng của sự trưởng thành là sự hợp tác (c.16). Chúng ta nhận biết rằng, là các chi thể của Một Thân, và một thân thể địa phương, chúng ta thuộc về nhau, chúng ta ảnh hưởng lẫn nhau, và chúng ta cần nhau. Mỗi một tín đồ, dù cho người đó có thể có vẻ tầm thường đến đâu đi nữa, đều có một chức vụ đối với các tín đồ khác. Thân thể tăng trưởng khi các chi thể riêng biệt tăng trưởng, và các chi thể tăng trưởng khi chúng sống nương vào Lời Chúa và giúp đỡ lẫn nhau. Một lần nữa hãy lưu ý sự nhấn mạnh vào tình yêu thương: “lấy lòng yêu thương mà chịu nhau” (Eph 4:2) “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (4:15) “tự gây dựng trong sự yêu thương” (4:16). Sự yêu thương là hệ thống tuần hoàn của Thân thể. Người ta khám phá rằng những đứa bé bị cô lập, bỏ bê không tăng trưởng cách đúng đắn và đặc biệt dễ mắc bệnh, trong khi những đứa bé được yêu thương và vượt vẻ tăng trưởng bình thường và mạnh mẽ hơn. Đối với con cái Đức Chúa Trời cũng vậy. Một Cơ Đốc nhân bị cô lập không thể nào giúp đỡ những người khác, và những người khác cũng không thể giúp đỡ người ấy được, và các ân tứ cũng không thể nào được phát triển cách kết quả.

Thế thì, sự hiệp một thuộc linh không phải là một điều gì đó chúng ta tạo ra. Nó là một điều gì đó chúng ta đã có sẵn trong Đấng Christ và chúng ta phải bảo vệ và duy trì nó. Chân lý đem lại sự hiệp một, còn những sự giả dối gây chia rẽ. Tình yêu thương khiến hiệp nhất, nhưng sự ích kỷ làm chia rẽ.

Vì vậy, “hãy lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật,” chúng ta hãy trang bị cho nhau và gây dựng lẫn nhau, hầu cho tất cả chúng ta có thể trưởng thành trở nên giống Đấng Christ hơn.

8. HÃY LỘT BỎ VẢI LIỆM! (Eph 4:17-32)

Kinh Thánh được viết ra để mọi người làm theo, chớ không phải chỉ để nghiên cứu, và đây là lý do vì sao những chữ “vậy” và “như vậy” được lặp lại thật thường xuyên trong nửa phần sau của thư Ê-phê-sô (4:1,17,25 5:1,7,14,17,24). Phao-lô đang nói, “Đây là điều Đấng Christ đã làm cho anh em. Giờ đây, trong ánh sáng của điều này, đây là điều chúng ta cần phải làm cho Đấng Christ.” Chúng ta sẽ phải là những người làm theo Lời Đức Chúa Trời, chớ không phải chỉ là những kẻ nghe mà thôi (Gia 1:22). Sự kiện chúng ta đã được kêu gọi trong Đấng Christ (Eph 1:18) cần phải thúc giục chúng ta bước đi trong sự hiệp một (4:1-16). Và sự kiện chúng ta đã được sống lại từ kẻ chết (2:10) cần phải giục giã chúng ta bước đi trong sự thánh khiết (4:17-5:17), hay, như Phao-lô đã nói với những tín hữu tại Rô-ma “sống trong đời mới” (Ro 6:4). Chúng ta được sống trong Đấng Christ, chớ không phải chết trong tội lỗi vì vậy “hãy thoát lột người cũ . . . và mặc lấy người mới” (Eph 4:22,24). Hãy lột bỏ những vải liệm và mặc chiếc áo ân điển vào!

1. Lời khuyên răn (Eph 4:17-19)

Có một số điều cảm đoán trong đời sống Cơ Đốc nhân và đây là một trong những điều ấy: “Chớ nên ăn ở như người ngoại đạo nữa.” Cơ Đốc nhân không được bắt chước đời sống của những người chưa được cứu chung quanh mình. Họ đã “chết vì làm lỗi và tội ác mình” (2:1), trong khi Cơ Đốc nhân đã được sống lại từ kẻ chết và được ban cho sự sống đời đời trong Đấng Christ. Phao-lô giải thích sự khác biệt giữa những người được cứu và những kẻ chưa được cứu.

Trước tiên, Cơ Đốc nhân suy nghĩ khác với những người chưa được cứu. Hãy lưu ý ở đây Phao-lô nhấn mạnh vào việc suy nghĩ: ý tưởng, tâm trí (4:17,23), trí khôn (c.18), sự ngu muội (c.18), “học cho biết Đấng Christ” (4:20). Sự cứu rỗi bắt đầu với sự ăn năn, tức một sự thay đổi của tâm trí, ý tưởng. Toàn thể quan điểm của một người thay đổi khi người ấy tin Đấng Christ, bao gồm các giá trị, mục tiêu, và cách hiểu của người ấy về cuộc sống. Có gì sai trật với tâm trí của người chưa được cứu? Về một phương diện, cách nghĩ của người ấy là “hư không” (vô ích). Nó không hướng đến một mục đích lớn lao nào cả. Vì có người ấy không biết Đức Chúa Trời, người ấy không thể nào thực sự hiểu được thế gian chung quanh mình, người ấy cũng không thể hiểu được chính mình. Câu chuyện buồn thảm được thuật lại trong Ro 1:21-25. Thế giới ngày nay có sự tri thức rất lớn, nhưng có rất ít sự khôn ngoan thông sáng. Thoreau mô tả rất hay khi ông nói rằng chúng ta có “những phương tiện được cải tiến nhằm hướng đến những cứu cánh không được cải tiến.”

Cách suy nghĩ của người chưa được cứu thì hư không vì nó bị làm cho tối tăm. Người ấy cho rằng mình được soi sáng vì đã khước từ Kinh Thánh và tin những triết lý mới nhất, khi trong thực tế người ấy còn ở trong sự tối tăm. “Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại” (Ro 1:22). Nhưng họ cho rằng mình khôn ngoan. Sa-tan đã làm mù lòng những kẻ chưa được cứu (II Co 4:3-6) vì nó không muốn họ nhìn thấy chân lý trong Chúa Giê-xu Christ. Không phải đơn thuần là mắt họ bị làm cho mù đi để họ không thể nhìn thấy được, mà là ý tưởng họ bị làm cho tối tăm để họ không thể suy nghĩ đúng đắn về những vấn đề về tâm linh.

Dĩ nhiên, người chưa được cứu đã chết vì có sự ngu muội thuộc linh này. Chân lý và sự sống đi đôi với nhau. Nếu bạn tin chân lý của Đức Chúa Trời, thì bạn nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Nhưng bạn sẽ cho rằng người vô tín sẽ làm hết sức mình để thoát ra khỏi nỗi tuyệt vọng kinh khiếp về phần tâm linh. Than ôi, sự cứng cõi của lòng người ấy trói buộc mình. Người ấy “không còn cảm xúc nữa” vì đã nộp mình cho tội lỗi đến mức tội lỗi cai trị người ấy. Xin hãy xem Ro 1:18-32 để hiểu thấu đáo hơn ba câu ngắn ngủi này.

Cơ Đốc nhân không thể lấy người chưa được cứu làm khuôn mẫu cho chính mình, vì Cơ Đốc nhân đã từng trải phép lạ của việc được sống lại từ kẻ chết. Đời sống của người ấy không hư không, nhưng đầy ý nghĩa. Tâm trí người ấy đầy ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời, và tấm lòng người ấy dư dật sự sống của Đức Chúa Trời. Người ấy dâng thân thể mình cho Đức Chúa Trời như một đồ

dùng của sự công bình (Ro 6:13), chớ không phải cho tội lỗi để thoả mãn những ham muốn vị kỷ của riêng mình. Về mọi mặt, người tín đồ khác hẳn với người vô tín, và vì vậy lời khuyên răn ở đây là: “Chớ nên ăn ở như người ngoại đạo!”

2. Lập luận (Eph 4:20-24)

Phao-lô làm cho lời khuyên răn của mình thêm mạnh mẽ với một lập luận từ từng trải thuộc linh của độc giả ông. Một lần nữa ông nhấn mạnh đến tâm trí, hay cách nhìn, về người tín đồ. “Nhưng anh em học cho biết Đấng Christ thì chẳng phải như vậy” (c.20). Ông không nói “học về Đấng Christ,” vì có thể học về Đấng Christ và rồi chẳng bao giờ được cứu cả. “Học cho biết Đấng Christ” có nghĩa là có một mối quan hệ cá nhân với Đấng Christ hầu cho bạn đạt đến chỗ biết Ngài càng nhiều hơn mỗi ngày. Tôi có thể học về Ngài Winston Churchill vì tôi có nhiều sách của ông ta và có thể tìm được sách vở về cuộc đời ông ta. Nhưng tôi không bao giờ có thể học cho biết ông ấy, vì ông đã chết rồi. Chúa Giê-xu Christ vẫn đang sống! Vì vậy, tôi có thể “học cho biết Đấng Christ” qua một mối tương giao riêng tư với Ngài.

Mối tương giao này dựa trên Lời của Đức Chúa Trời. Tôi có thể được dạy dỗ “chân lý” vì nó ở trong Chúa Giê-xu Christ. Càng hiểu Lời Đức Chúa Trời hơn, tôi càng hiểu biết Con Đức Chúa Trời hơn, vì cả Kinh Thánh là một sự mạc khải về Chúa Giê-xu Christ (Lu 24:27 Gi 5:39). Người chưa được cứu ngu muội về phần tâm linh, trong khi Cơ Đốc nhân thì thông sáng trong những điều thuộc Lời Đức Chúa Trời. Và người chưa được cứu không biết Đấng Christ, trong khi người tín đồ lớn lên trong sự thông biết Đấng Christ cách riêng tư mỗi ngày. Chúng ta đã tin chân lý chúng ta đã nhận được sự sống vì vậy, chúng ta sẽ bước đi “trong đường lối chân thật” chớ không sống theo mẫu mực của thế gian chưa được cứu.

Nhưng kinh nghiệm cứu rỗi này diễn biến sâu xa hơn điều này nhiều, vì nó đưa đến kết quả là một địa vị hoàn toàn mới trước mặt Đức Chúa Trời. Con người cũ (đời sống trước đây) đã được lột bỏ, và chúng ta giờ đây có thể bước đi trong đời sống mới qua Đấng Christ. Các câu 22-24 là phần tóm ý của Ro 5:1-8:39, nơi mà Phao-lô giải bày sự đồng nhất hoá của người tín đồ với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn, và sự sống lại. Ông cũng đề cập đến điều này trong Eph 2:4-6, cũng như trong Co 3:1-25. Là những Cơ Đốc nhân, chúng ta không chỉ biến đổi tâm trí của mình. Chúng ta đã thay đổi hoàn toàn quyền công dân của mình. Chúng ta là “người dựng nên mới” của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (II Co 5:17), và như vậy, những ý tưởng và ước muốn của con người cũ không còn cai trị đời sống chúng ta nữa.

Hình ảnh minh hoạ đơn giản nhất của chân lý vĩ đại này được ghi lại trong Gi 11:1-46, đó là sự sống lại của La-xa-rô. La-xa-rô, bạn hữu của Cứu Chúa chúng ta, đã ở trong phần mộ bốn ngày khi Chúa Giê-xu và các môn đệ Ngài đến làng Bê tha ni, và ngay cả Ma thê cũng thừa nhận rằng, cho đến bây giờ, thân xác đang hư nát sẽ có mùi (Gi 11:39). Nhưng Chúa Giê-xu phán Lời Đức Chúa Trời và La-xa-rô sống lại bước ra, một hình ảnh minh hoạ của Gi 5:24. Hãy lưu ý câu nói tiếp theo của Chúa chúng ta, “Hãy mở cho người, và để người đi” (11:44). Hãy lột bỏ những vải liệm! La-xa-rô không còn thuộc về sự thống trị cũ của sự chết, vì giờ đây ông đã sống lại. Tại sao lại đi khắp nơi trong những tấm vải liệm? Hãy cởi bỏ lột người cũ và mặc lấy người mới!

Đây là lập luận của Phao-lô – bạn không còn thuộc về sự hư hoại của tội lỗi trước đây, bạn đã là người dựng nên mới trong Đấng Christ! Hãy lột bỏ những tấm vải liệm! Chúng ta làm điều này như thế nào? “Phải làm nên mới trong tâm trí mình” (c.23). Sự trở lại đạo là một bước quyết định dẫn đến một tiến trình. Qua Đấng Christ, một lần đủ cả, chúng ta đã được ban cho một địa vị mới trong sự tạo dựng mới của Ngài, nhưng mỗi ngày, chúng ta phải bởi đức tin mà chiếm lấy những gì Ngài đã ban cho chúng ta. Lời của Đức Chúa Trời đổi mới tâm trí khi chúng ta dâng tất cả mọi điều mình có cho Ngài (Ro 12:1-2). “Xin Cha lấy chân lý khiến họ nên thánh lời Cha tức là chân lý” (Gi 17:17). Khi tâm trí hiểu chân lý của Lời Đức Chúa Trời, nó được biến đổi dần bởi Đức Thánh Linh, và sự làm nên mới này dẫn đến một đời sống được thay đổi. Về thể chất, những thứ bạn ăn tạo nên con người bạn, nhưng về tâm linh, những gì bạn suy nghĩ tạo nên con người bạn. “Vì hấn tưởng trong lòng thế nào,

thì hấn thể ấy” (Ch 23:7). Đây là lý do vì sao đối với chúng ta là những Cơ Đốc nhân việc dành thời giờ mỗi ngày suy ngẫm Lời Chúa, cầu nguyện, và tương giao với Đấng Christ thật quan trọng.

3. Sự ứng dụng (Eph 4:25-32)

Phao-lô không hài lòng khi chỉ giải bày một nguyên tắc và rồi bỏ mặc nó. Ông luôn áp dụng nguyên tắc đó vào những lãnh vực khác nhau của đời sống vốn cần cảm nhận năng quyền của nó. Phao-lô thậm chí dám kê tên các tội lỗi ra. Năm tội khác nhau được kể ra trong phần này, và Phao-lô bảo chúng ta tránh xa chúng và ông giải thích vì sao.

Sự nói dối (4:25) – Một lời nói dối là một câu phát biểu trái ngược với sự thật, được nói ra nhằm để dối gạt. Nếu tôi nói với bạn bây giờ là giữa trưa, và rồi khám phá rằng đồng hồ của mình đi sai, thì tôi đã không nói dối. Nhưng nếu tôi nói giờ sai để rồi bạn bị trễ một cuộc họp và tôi sẽ được lợi qua việc đó, đó sẽ là một lời nói dối. Sa-tan là một kẻ nói dối (Gi 8:44) và nó muốn chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời là một kẻ nói dối. “Mà chi, Đức Chúa Trời há có phán?” (Sa 3:1). Bất cứ khi nào chúng ta nói ra sự thật Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động, nhưng hễ khi nào chúng ta nói một lời giả dối, Sa-tan sẽ hành động. Chúng ta thích tin rằng chúng ta giúp đỡ người khác bằng cách nói dối với họ, nhưng không phải như vậy. Chúng ta không thể nhìn thấy những hậu quả đau buồn ngay tức khắc, nhưng cuối cùng chúng sẽ xảy đến. “Các con biết rằng chẳng có sự dối trá nào bởi chân lý mà ra” (IGi 2:21). Địa ngục dành cho “những kẻ ưa thích cùng làm sự giả dối” (Kh 22:15). Điều này không có nghĩa là bất cứ ai từng nói một lời giả dối đều sẽ đi xuống địa ngục, nhưng đúng hơn là những ai có đời sống bị những sự dối trá thống trị – họ ưa thích những sự dối trá và họ tạo ra những sự dối trá – thì bị hư mất đời đời. Đời sống của Cơ Đốc nhân được cai trị bởi chân lý.

Hãy chú ý lý do Phao-lô nêu lên cho việc nói ra lẽ chân thật: Chúng ta thuộc về nhau trong Đấng Christ. Ông khuyên nài chúng ta gây dựng Thân thể trong sự yêu thương (Eph 4:16) và ông khuyên nài chúng ta gây dựng Thân thể trong chân lý. “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (4:15). Làm “chi thể cho nhau” chúng ta ảnh hưởng lẫn nhau, và tách rời khỏi chân lý chúng ta không thể nào gây dựng lẫn nhau. Tội lỗi đầu tiên bị phán xét trong Hội Thánh ban đầu là tội nói dối (Cong 5:1-11).

Sự giận dữ (4:26-27) là một sự khơi dậy của cảm xúc do một điều gì đó khiến chúng ta không hài lòng gây ra. Tự nó, giận không phải là một tội lỗi, vì ngay đến Đức Chúa Trời cũng có thể giận dữ (Phu 9:8,20 Thi 2:12). Nhiều lần trong Cựu Ước câu này xuất hiện, “con giận của Đức Giê-hô-va” (Dan 25:4 Gie 4:8 12:13). Con giận thánh khiết của Đức Chúa Trời là một phần của sự đoán phạt Ngài nghịch với tội lỗi, như được minh họa trong cơn giận của Chúa chúng ta khi Ngài dẹp sạch đền thờ (Mat 21:12-13). Kinh Thánh thường nói đến cơn giận “được khơi lên” (Sa 30:2 Phu 6:15), như thể cơn giận có thể được ví sánh với lửa. Đôi lúc cơn giận của một người nung nấu, và điều này chúng ta sẽ gọi là sự hiểm độc nhưng cùng cơn giận đó có thể bất ngờ bộc phát và thiêu đốt, và điều này chúng ta sẽ gọi là sự thịnh nộ.

Thật khó mà chúng ta có được một sự giận dữ thực sự thánh khiết hoặc một sự phẫn nộ công bình vì những cảm xúc của chúng ta bị tội lỗi làm cho ô nhiễm đi, và chúng ta không có sự hiểu biết giống như Đức Chúa Trời trong mọi vấn đề. Đức Chúa Trời nhìn thấy mọi việc cách rõ ràng và biết mọi sự cách trọn vẹn, còn chúng ta thì không. Nguyên tắc của Tân Ước dường như là người tín đồ cần phải nổi giận trước tội lỗi nhưng yêu thương đối với tội nhân. “*Hỡi những kẻ yêu mến Đức Giê-hô-va, hãy ghét sự ác*” (Thi 97:10).

Có thể chúng ta giận dữ trước nhiều điều mà chẳng phạm tội, nhưng nếu chúng ta có phạm tội, thì chúng ta phải giải quyết vấn đề nhanh chóng và chớ căm giận cho đến khi mặt trời lặn. “Hãy lập tức làm hoà với kẻ thù nghịch mình” (Mat 5:25). “Hãy trách người khi chỉ có người với một mình người” (Mat 18:15). Ngọn lửa giận dữ, nếu không được dập tắt bởi sự tha thứ đầy yêu thương, sẽ lan rộng và làm ô uế và huỷ phá công việc của Đức Chúa Trời. Theo Chúa Giê-xu, sự giận dữ là bước đầu tiên đưa đến tội sát nhân (Mat 5:21-26), vì sự giận dữ cho ma quỷ một chỗ đứng trong đời sống chúng ta, và Sa-tan là một kẻ giết người (Gi 8:44). Sa-tan ghét Đức Chúa Trời và con cái Ngài, và khi nó tìm thấy một tín đồ có những tia giận dữ trong lòng, nó quạt những tia ấy lên, thêm dầu vào ngọn

lừa, và gây ra vô số thiệt hại cho dân sự Đức Chúa Trời và Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Cả việc nói dối lẫn sự giận dữ “đều đem lại dịp tiện cho ma quỷ” (c.27).

Tôi được biết là cứ mỗi 35 cái chết tại thành phố Chicago thì có một vụ là giết người, và đa số những vụ giết người này liên quan tới họ hàng và bạn hữu. Chúng là điều mà pháp luật gọi là “những tội ác của sự giận dữ.” Hai người bạn sinh ra cãi cọ (thường là khi bài bạc), và một trong hai người nổi giận, rút súng hoặc dao ra, và giết chết bạn mình. Horace thật đúng khi ông nói, “Con giận là sự điên dại trong nhất thời.”

Một phụ nữ cố biện hộ cho tánh xấu của mình bằng cách nói, “Tôi nổi giận đùng đùng và rồi mọi sự đều qua đi thôi.”

“Vâng,” một người bạn đáp, “y hết như một cây súng lục vậy – nhưng hãy nhìn vào sự thiệt hại còn để lại phía sau.”

“Bất cứ ai cũng có thể nổi giận,” Aristote đã viết. “Nhưng giận đúng người, đúng mức độ, đúng lúc, đúng lý do, và đúng cách – điều này quả không dễ.”

Sa-lô-môn có một kết luận hay: “*Lời đáp êm nhẹ làm người con giận Còn lời xẵng xỏm trên thanh nô thêm*” (Ch 15:1).

Việc trộm cắp (4:28) – “Các người chớ trộm cắp” là một trong Mười Điều Răn, và khi Đức Chúa Trời ban điều răn ấy, Ngài thiết lập quyền tư hữu đối với tài sản. Một người có quyền dùng sức lực mình để kiếm thu nhập, giữ sự thu nhập đó và sử dụng nó theo như người ấy thấy là đúng. Đức Chúa Trời ban bố vô số luật lệ cho người Do Thái để bảo vệ tài sản của họ, và các nguyên tắc này đã trở thành một phần của luật pháp chúng ta ngày nay. Việc trộm cắp đặc biệt là một tội của các nô lệ trong thời của Phao-lô. Thường thì họ không được chăm sóc chu đáo và luôn luôn thiếu thốn, và luật pháp hầu như không dành cho họ sự bảo vệ nào cả. Khi Phao-lô viết thư cho Tít, ông khuyên nài Tít hãy răn dạy các nô lệ chớ “trộm cắp” nhưng hãy trung thành với chủ mình (Tit 2:10). Nhưng không phải chỉ các nô lệ thôi, mà mọi công dân nói chung, là những người đã quen thói trộm cắp, vì Phao-lô viết cho những người tại Hội Thánh Ê-phê-sô đã có nghề lương thiện để kiếm sống (Eph 4:28).

Giống y như Sa-tan là một kẻ nói dối và một kẻ giết người, nó cũng là một kẻ trộm. “Kẻ trộm chỉ đến để cướp giết và huỷ diệt” (Gi 10:10). Nó biến Giu-đa thành một tên trộm cắp (Gi 12:6) và nó sẽ làm điều tương tự đối với chúng ta nếu có thể được. Khi nó cám dỗ bà Ê-va, nó làm cho bà trở thành một kẻ trộm, vì bà đã hái trái cấm ăn. Và đến phiên bà, bà lại khiến A-đam thành một tên trộm. A-đam thứ nhất là một tên trộm và bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng, nhưng A-đam sau cùng, tức Đấng Christ, đã quay sang một tên trộm cướp và phán, “Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Ba ra đi” (Lu 23:43).

Phao-lô thêm lý do vào lời khuyên răn này. Chúng ta cần phải nói ra lẽ chân thật vì chúng ta “làm chi thể cho nhau.” Chúng ta cần phải kiềm chế cơn giận của mình kéo chúng ta “để cho ma quỷ nhân dịp.” Chúng ta cần phải làm việc, chớ không được trộm cắp, hầu cho chúng ta có thể “giúp cho kẻ thiếu thốn.” Bạn sẽ mong đợi Phao-lô nói rằng, “Hãy để người làm việc hầu cho người có thể chăm lo cho chính mình và không bị cám dỗ đi trộm cắp.” Thay vào đó, Phao-lô nâng việc lao động của con người lên một mức độ cao hơn nhiều. Chúng ta làm việc để có thể giúp đỡ kẻ khác. Nếu chúng ta trộm cắp, chúng ta làm thương tổn những người khác vì vậy, chúng ta cần phải làm việc để chúng ta có thể giúp đỡ người khác. Ngay cả sự lao động lương thiện cũng có thể trở nên một việc vị kỷ, và điều này Phao-lô cố tìm cách ngăn ngừa. Dĩ nhiên, chính quy tắc cơ bản trong Hội Thánh ban đầu là “nếu ai không khứng làm việc, thì cũng không nên ăn nữa” (ITe 3:10). Một Cơ Đốc nhân biếng nhác ăn trộm của chính mình, của những người khác, và của Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, Phao-lô không đang đề cập đến những tín đồ không thể làm việc vì có tật nguyên, mà đề cập đến những người không muốn làm việc.

Chính mình Phao-lô là một gương mẫu của sự chuyên cần làm việc, vì trong khi ông đang thiết lập các Hội Thánh địa phương, ông cũng đang làm nghề may trại. Mỗi thầy dạy luật Do Thái đều được dạy một nghề, vì, các thầy dạy luật nói, “Nếu các anh không dạy cho con mình một nghề, tức

là các anh dạy nó trở thành một kẻ trộm.” Những người Đức Chúa Trời kêu gọi trong Thánh Kinh đều đang bận rộn làm việc khi Chúa kêu gọi họ. Môi-se đang chăn chiên Ghê-đê-ôn đang đập lúa mì Đa-vít đang canh giữ bầy súc vật của cha mình và bốn môn đệ đầu tiên đều hoặc đang thả lưới hoặc đang vá lưới mình. Chính mình Chúa Giê-xu cũng là một người thợ mộc.

Lời nói bại hoại (4:29) – Môi miệng và tâm lòng có liên quan nhau. “Bởi vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng mới nói ra” (Mat 12:34). Chúng ta trông mong một sự đổi mới trong cách nói năng khi một người trở thành một Cơ Đốc nhân. Thật thú vị khi truy nguyên từ môi miệng qua Sách Rô-ma và thấy được thế nào Đấng Christ tạo nên một sự khác biệt trong lời nói của một người. Môi miệng của một người có tội thì “đầy những lời nguyên rủa và cay đắng” (Rô 3:14) nhưng khi người ấy tin Đấng Christ, môi miệng người ấy vui mừng xưng “Chúa Giê-xu Christ là Chúa” (Rô 10:9-10). Là một tội nhân bị kết án, miệng người ấy ngậm lại trước ngôi của Đức Chúa Trời (Rô 3:19) nhưng là một tín đồ, miệng người ấy được mở ra để ngợi khen Đức Chúa Trời (Rô 15:6). Hãy đổi mới tâm lòng và rồi bạn sẽ đổi mới cách nói năng của mình. Phao-lô chắc hẳn biết sự khác biệt, vì khi ông còn là một thầy dạy luật chưa được cứu, ông “hằng ngăm đe và chém giết môn đệ của Chúa” (Cong 9:1). Nhưng khi ông tin Đấng Christ, một sự thay đổi đã xảy ra: “Vì này, người đương cầu nguyện” (Cong 9:11). Từ “làm hại” (preying) đến “cầu nguyện” (praying) chỉ có một bước của đức tin!

Từ xấu (hay bại hoại, hư hỏng, thối nát), được dùng trong Mat 7:17-18, ám chỉ trái cây bị hư thối. Nó có nghĩa là “vật không có giá trị, xấu, hoặc hư thối.” Lời nói của chúng ta không cần phải “bản thủ” mới xem là không có giá trị. Đôi lúc chúng ta đi cùng với đám đông người và cố tạo ấn tượng nơi người khác với sự kiện rằng mình không quá nghiêm khắc như họ nghĩ. Phi-e-rơ có thể đã có lý do này trong đầu khi ông bị người tớ gái tố giác mình là một trong các môn đệ của Đấng Christ. “Người bèn rủa mà thề rằng: Ta không biết người đó đâu” (Mat 26:74). Những sự ham muốn của đời sống cũ thỉnh thoảng lộ ra khi chúng ta cho phép “lời nói tục tĩu” ra từ miệng mình (Co 3:8). Hãy nhớ, trước khi được cứu, chúng ta sống trong sự chết về tâm linh (Eph 2:1-3), và, giống như La-xa-rơ, sự hư nát của con người chúng ta toát ra một thứ mùi khiến Đức Chúa Trời không đẹp lòng. Không có gì lạ khi Phao-lô đã viết, “Họng chúng nó như huyết mả mở ra” (Rô 3:13).

Phương cách chữa trị là bạn phải biết chắc rằng lòng mình đầy sự chúc phước. Vậy hãy để sự yêu thương của Đấng Christ đổ đầy trong lòng hầu cho môi miệng mình chỉ có thể nói ra lẽ chân thật và sự thánh sạch mà thôi Không bao giờ cần phải nói. “Nào hãy nhận lấy điều này với một chút muối”. Phao-lô khuyên chúng ta thêm muối của ân điển Đức Chúa Trời vào mọi điều mình nói. “Lời nói anh em phải có ân hậu theo luôn, và nêm thêm muối” (Co 4:6). Và hãy ghi nhớ rằng lời nói của chúng ta có sức mạnh, hoặc hướng đến điều thiện hoặc nhằm vào điều ác. Phao-lô khuyên chúng ta phải nói năng sao cho những gì chúng ta nói sẽ gây dựng người nghe chứ không làm tổn thương họ. Lời nói của chúng ta cần phải bày tỏ ân điển và giúp kéo những người khác đến gần Đấng Christ hơn. Sa-tan, dĩ nhiên, cố vũ lời nói sẽ làm tổn thương người khác và huỷ phá công việc của Đấng Christ. Nếu bạn cần được nhắc nhở về năng quyền của lưỡi, xin đọc chương thứ ba của sách Gia cơ.

Sự cay đắng (4:30-32) – Những câu này cảnh cáo chúng ta trước tội lỗi của thái độ và bàn rộng thêm những điều Phao-lô viết về sự giận dữ. Sự cay đắng đề cập tới thái độ thù địch cố hữu làm thiệt hại cho người bề trong. Một người nào đó làm một điều gì đó chúng ta không ưa thích, vì vậy chúng ta chưa chấp ý muốn xấu nghịch cùng người ấy. “Hỡi kẻ làm chồng, hãy yêu vợ mình, chớ hề ở cay nghiệt với người” (Co 3:19). Sự cay đắng dẫn đến thanh nộ, vốn là sự bùng nổ bên ngoài của những cảm xúc bên trong. Sự thanh nộ và giận dữ thường đưa đến việc cãi lẫy âm ỉ (làm ồn ào to tiếng) hoặc những lời nói báng bổ (lời nói xấu, ác ý, hiểm độc). Việc đầu tiên là đánh đấm nhau, việc thứ hai là chửi rủa nhau. Thật khó mà tin được rằng Cơ Đốc nhân sẽ hành động như thế, nhưng họ lại làm, và đây là lý do vì sao Phao-lô cảnh cáo chúng ta. “Kìa, anh em ăn ở hoà thuận nhau, thật tốt đẹp thay!” (Thi 133:1).

Một hôm nọ có một ông đứng tuổi đẹp lão bước vào phòng làm việc của tôi và hỏi xin tôi cử hành hôn lễ cho ông ta. Tôi đề nghị là ông đưa cô dâu đến để chúng tôi có thể trò chuyện với nhau và hiểu rõ nhau hơn, vì tôi ngần ngại khi phải làm lễ hôn phối cho những người lạ. Ông ấy nói, “Trước khi bà ấy đến, tôi xin được giải thích lễ cưới này với ông. Cả hai chúng tôi đều đã kết hôn trước đây –

với nhau! Hơn ba mươi năm trước, chúng tôi có lần gây gổ với nhau, tôi nổi giận, và chúng tôi ly thân. Rồi chúng tôi đã làm một việc ngu xuẩn là ly dị. Tôi cho rằng cả hai chúng tôi đều quá kiêu ngạo không chịu xin lỗi nhau. Thế là, trong suốt những năm tháng này chúng tôi đã sống một mình, và giờ đây chúng tôi thấy mình đã dại dột biết bao. Sự cay đắng của chúng tôi đã cướp đi những sự vui mừng trong đời sống, và giờ đây chúng tôi muốn tái kết hôn và xem thử liệu Chúa sẽ ban cho chúng tôi một vài năm hạnh phúc trước khi chúng tôi qua đời chẳng.” Lòng cay đắng và giận dữ, thường vì những điều nhỏ nhặt tầm thường, tàn phá gia đình, Hội Thánh, và tình bè bạn.

Phao-lô nêu lên ba lý do vì sao chúng ta phải tránh sự cay đắng. Trước tiên, nó làm buồn lòng Đức Thánh Linh. Ngài sống trong Cơ Đốc nhân, và khi tâm lòng người ấy đầy cay đắng và giận dữ, Thánh Linh đau buồn. Bậc cha mẹ chúng ta biết chỉ một ít về cảm xúc này khi con cái chúng ta trong gia đình kinh chống nhau. Đức Thánh Linh sung sướng nhất trong một bầu không khí đầy yêu thương, vui mừng, và bình an, vì những điều này là “trái của Thánh Linh” mà Ngài tạo nên trong đời sống chúng ta khi chúng ta vâng lời Ngài. Đức Thánh Linh không thể lia bỏ chúng ta, vì Ngài đã đóng ấn chúng ta cho đến ngày mà Đấng Christ trở lại để đem chúng ta về với Ngài. Chúng ta không mất sự cứu rỗi của mình vì có những thái độ tội lỗi của chúng ta, nhưng chắc chắn chúng ta đánh mất sự vui mừng của sự cứu rỗi và sự đầy tràn của phước hạnh từ nơi Đức Thánh Linh.

Thứ nhì, tội lỗi của chúng ta làm buồn lòng Đức Chúa Con, Đấng đã chết vì có chúng ta. Thứ ba, nó làm buồn lòng Đức Chúa Cha Đấng đã tha thứ chúng ta khi chúng ta tin Đấng Christ. Tại đây Phao-lô vạch đúng nguyên nhân căn bản của một thái độ cay đắng: Chúng ta không thể tha thứ người khác. Một tinh thần không tha thứ là sân chơi của ma quỷ, và chẳng bao lâu nó trở thành bãi chiến trường của Cơ Đốc nhân. Nếu một người nào đó làm tổn thương chúng ta, hoặc cố ý hay vô tình, và chúng ta không tha thứ cho người ấy, thì chúng ta bắt đầu phát triển sự cay đắng bên trong, sẽ làm lòng chúng ta cứng cõi hơn. Chúng ta cần phải có lòng mềm mại và nhân từ, nhưng thay vào đó chúng ta lại cứng lòng và cay đắng. Thực ra, chúng ta không đang làm tổn thương người gây thương tổn cho mình đâu chúng ta chỉ đang làm thương tổn chính mình thôi. Sự cay đắng trong lòng khiến chúng ta đối xử với người khác theo cách Sa-tan đối xử với họ, trong khi chúng ta cần phải đối xử với người khác theo cách Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta. Bởi lòng nhân từ đầy ân điển của Ngài, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho chúng ta, và chúng ta cần phải tha thứ cho nhau. Chúng ta không tha thứ vì có lợi ích của chính mình, mặc dù chúng ta thật sự nhận được phước từ điều đó, hay thậm chí vì lợi ích của họ, mà là vì có Chúa Giê-xu. Học biết làm thế nào để tha thứ và quên là một trong những bí quyết của một đời sống Cơ Đốc phước hạnh.

Một lần nữa hãy xem xét lại những lý do của việc “bước đi trong sự thánh sạch”: Chúng ta là các chi thể của nhau Sa-tan muốn có được một chỗ đứng trong đời sống chúng ta chúng ta cần phải san sẻ với những người khác chúng ta cần phải gây dựng lẫn nhau và chúng ta không nên làm buồn lòng Đức Chúa Trời. Và, rốt lại thì, chúng ta đã được sống lại từ kẻ chết – vì vậy tại sao lại mặc những vài liệm? Chúa Giê-xu phán về bạn như Ngài đã phán về La-xa- rô: “Hãy mở cho người, và để người đi!”

8. BẮT CHƯỚC CHA CHÚNG TA (Eph 5:1-17)

Từ “những kẻ làm theo” trong câu 1 (bản K.J.V.) cũng có nghĩa là những kẻ bắt chước vì vậy câu này có thể dịch là: “Anh em hãy trở nên kẻ bắt chước Đức Chúa Trời như con cái rất yêu dấu của Ngài.” Điều này nêu lên chủ đề của phần này. Phao-lô chỉ đang vạch rõ rằng con cái thì giống cha mẹ, là một thực tế có thể vừa khích lệ vừa gây bối rối cho những ai trong chúng ta có con cái. Bạn có bao giờ nhìn thấy một đứa bé ngồi ở ghế trước của một chiếc xe hơi, thử lái xe như cha của nó! Hoặc đi phía sau ông, giả bộ cắt cỏ chưa? Hoặc, tiếc thay, bắt chước Bố hút một điếu thuốc hay uống một ngụm rượu? Con cái có lẽ học biết bằng cách theo dõi và bắt chước nhiều hơn bất cứ cách nào khác.

Nếu chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, thì chúng ta cần phải bắt chước Cha mình. Đây là nền tảng của ba lời khuyên răn trong phần này. Đức Chúa Trời là sự yêu thương (IGi 4:8), vì vậy, “hãy bước đi trong sự yêu thương” (Eph 5:1-2). Đức Chúa Trời là sự sáng (IGi 1:5) vì thế, hãy bước đi như các con cái sáng láng (Eph 5:8). Đức Chúa Trời là chân lý (IGi 5:6) thế nên hãy bước đi trong sự khôn

ngoan (Eph 5:15-17). Dĩ nhiên, mỗi điều trong những sự “bước đi” này là một phần trong lời cổ vũ của Phao-lô để bước đi trong sự thánh sạch.

1. Hãy bước đi trong sự yêu thương (Eph 5:1-2)

Lời khuyên răn này nối kết với hai câu cuối của chương trước nơi Phao-lô cảnh cáo chúng ta đối với sự cay đắng và giận dữ. Thật đau buồn khi những thái độ này xuất hiện trong gia đình của Đức Chúa Trời. Là một mục sư, tôi đã chứng kiến sự hiềm độc và cay đắng trong đời sống của nhiều người khi tôi cử hành tang lễ và cả đến hôn lễ nữa. Bạn sẽ nghĩ rằng việc chia sẻ nỗi đau buồn của việc mất mát một người thân yêu, hay chia sẻ niềm vui của một cuộc hôn nhân, sẽ giúp người ta có thể tha thứ những điều sai trật trong quá khứ và cố gắng hoà thuận lại với nhau. Nhưng vấn đề không phải như vậy. Nó đòi hỏi một tình yêu thật sự trong tâm lòng, vì “tình yêu thương sẽ che đậy vô số tội lỗi” (IPhi 4:8).

Phao-lô nêu ra nhiều lý do vì sao Cơ Đốc nhân cần phải bước đi trong sự yêu thương.

Người ấy là con cái Đức Chúa Trời. Đã được sinh lại bởi đức tin trong Đấng Christ, vậy nên người ấy là một “kẻ dự phần bản tính thiên thượng” (IPhi 1:4) và vì “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” nên con cái Đức Chúa Trời sẽ bước đi trong sự yêu thương là điều phải lẽ. Khi Phao-lô khích lệ độc giả mình “hãy bước đi trong sự yêu thương,” ông không đang yêu cầu họ làm một điều gì đó xa lạ đối với đời sống Cơ Đốc vì chúng ta đã nhận lãnh một bản tính mới và bản tính này mong muốn được tự biểu lộ bằng tình yêu thương. Bản tánh cũ về cơ bản thì ích kỷ, và vì lý do này xây lên những bức tường và tuyên bố chiến tranh. Nhưng bản tính mới thì đầy yêu thương, và vì thế xây nên những chiếc cầu và công bố sự hoà bình.

Người ấy là con cái yêu dấu của Đức Chúa Trời. “Anh em hãy trở nên kẻ bắt chước Đức Chúa Trời như con cái rất yêu dấu của Ngài.” Hãy tưởng tượng, Đức Chúa Trời phán với chúng ta như cách Ngài đã phán với Chúa Giê-xu Christ: “Đây là con yêu dấu của Ta” (Mat 3:17). Trên thực tế, Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta như Ngài yêu thương Con Ngài (Gi 17:23). Chúng ta được đặt vào trong mối quan hệ đầy yêu thương với Cha thiên thượng và kết quả của điều này là chúng ta phải bày tỏ lòng yêu mến đối với Ngài qua cách sống của mình. Đức Chúa Cha cũng đã có thể làm gì nữa để biểu lộ sự yêu thương của Ngài đối với chúng ta? Việc “bước đi trong sự yêu thương” để làm đẹp lòng Ngài có phải là đòi hỏi quá nhiều đối với chúng ta không?

Người ấy đã được chuộc với một giá cao. “Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình” (Gi 15:13). Nhưng Ngài đã phó sự sống mình vì có những kẻ thù nghịch với Ngài (Ro 5:10). Tình yêu thương của chúng ta dành cho Ngài là cách để chúng ta đáp lại sự yêu thương của Ngài đối với chúng ta. Phao-lô so sánh sự hy sinh của Đấng Christ trên thập tự giá với những của tế lễ “có mùi thơm” được dâng nơi bàn thờ của đền thờ (Le 1:9,13,17 2:9). Từ “có mùi thơm” bao hàm ý tưởng đơn giản là của lễ được đẹp lòng Đức Chúa Trời. Điều này không ám chỉ rằng Đức Chúa Trời hải lòng về việc tội lỗi đòi hỏi sự chết, hoặc việc Con Ngài phải chết để cứu những tội nhân hư mất. Đúng hơn, nó cho thấy rằng sự chết của Đấng Christ thoả mãn luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời và vì vậy có thể chấp nhận được và đẹp lòng đối với Đức Chúa Cha. Những của lễ có mùi thơm được mô tả trong Le 1:1-3:17 của lễ thiêu, của lễ chay, và của lễ thù ân. Của lễ thiêu làm hình bóng về sự phó dâng hoàn toàn của Đấng Christ cho Đức Chúa Trời của lễ chay, nói lên sự trọn vẹn của tính cách Ngài và của lễ thù ân, Ngài đem đến sự giảng hoà giữa tội nhân và Đức Chúa Trời. Vì của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi (Le 4:1-5:19) làm hình bóng về việc Đấng Christ thế chỗ của tội nhân, chúng không được xem là những của lễ “có mùi thơm.” Chắc hẳn chẳng có gì tốt đẹp về tội lỗi cả!

Phao-lô bắt đầu với việc “hãy bước đi trong sự yêu thương” vì tình yêu thương là yếu tố căn bản trong đời sống Cơ Đốc nhân. Nếu chúng ta bước đi trong sự yêu thương, chúng ta sẽ không bắt tuân Đức Chúa Trời hay làm tổn thương người khác vì “ai yêu kẻ lân cận mình ấy là đã làm trọn luật pháp” (Ro 13:8). Đức Thánh Linh đặt tình yêu thương này vào lòng chúng ta (Ro 5:5).

2. Hãy bước đi như các con cái sáng láng (Eph 5:3-14)

Vì “Đức Chúa Trời là sự sáng” và chúng ta đang bắt chước Cha chúng ta, vậy nên chúng ta cần phải bước đi trong sự sáng và không nên can dự gì với sự tối tăm của tội lỗi. Phao-lô nêu ba hình ảnh mô tả các tín đồ để chứng minh quan điểm của mình.

Chúng ta là các thánh đồ (Eph 5:3-4). Điều đó có nghĩa là, chúng ta là “những người được biệt riêng” và không còn thuộc về thế giới tối tăm chung quanh mình. Chúng ta đã được “gọi ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài” (IPhi 2:9). Thật không xứng đáng với phẩm cách của một thánh đồ khi ham mê những tội lỗi thuộc về thế gian tối tăm, một số trong những tội đó được Phao-lô kể tên ở đây. Ông cảnh cáo chúng ta trước những tội lỗi về tình dục (gian dâm, ô uế) rất phổ biến thời bấy giờ – và phổ biến ngày nay nữa. Tiếc thay, những tội lỗi này đã xâm nhập vào gia đình các Cơ Đốc nhân và đem lại sự đau đớn cho cả các Hội Thánh địa phương nữa. “Sự tham lam” có thể dường như không đứng chỗ khi đặt kế bên sự gian dâm, nhưng hai tội này chỉ là những từ khác nhau mô tả sự yếu đuối giống nhau về căn bản của bản tính sa ngã – sự ham muốn không được kiềm chế. Kẻ gian dâm và người tham lam thấy đều mong muốn thỏa mãn sự thèm khát bằng cách chiếm hữu những gì không thuộc về họ. “Sự mê tham của xác thịt và sự mê tham của mắt” (IGi 2:16) mô tả hai tội lỗi này. Phao-lô đã nói, “Chớ có phạm dù một chút xíu nào trong những tội lỗi này.”

Trong câu 4 ông cảnh cáo chúng ta trước những tội lỗi của lưỡi, hẳn nhiên là những tội lỗi từ tâm lòng mà ra. Để thấy được mối quan hệ giữa những tội lỗi kể tên trong câu 3 và những tội trong câu 4 thật không khó. Những người có những sự ham muốn thấp hèn thường nuôi dưỡng một loại lời nói và ý thích thấp hèn, và thường thì những người muốn phạm những tội về tình dục, hoặc đã phạm những tội đó, ưa thích giễu cợt về chúng. Hai điều biểu lộ tính cách của một người là những gì làm người ấy cười và những gì khiến người ấy khóc. Thánh đồ của Đức Chúa Trời chẳng thấy có điều gì khôi hài trong ngôn ngữ tục tĩu hay những lời giễu cợt. “Việc giả ngô tâm phào” không có nghĩa là sự khôi hài vô hại mà đúng hơn là sự nói chuyện vô nghĩa làm hạ thấp con người và không chiếu sáng hay bày tỏ ân điển cho những kẻ nghe (Eph 4:29). Phao-lô không đang lên án chuyện phiếm bởi lẽ việc nói nhiều rơi vào sự phân loại đó. Ông đang lên án việc giả ngô tâm phào là việc không đạt tới mục đích tốt đẹp nào cả.

Việc giễu cợt dịch từ một chữ có nghĩa là “có thể xoay chuyển dễ dàng.” Điều này ám chỉ một loại người nào đó có tài nói chuyện có thể xoay chuyển bất cứ câu nói nào thành ra một lời giễu cợt thô tục. Có khả năng nói dí dỏm là một phước hạnh, nhưng khi nó gắn liền với một đầu óc bản thiù hoặc một động cơ thấp hèn thì nó trở thành một sự rửa sả. Có những người nhạy dí dỏm có thể làm vẩn đục bất cứ cuộc nói chuyện nào bằng những lời giễu cợt luôn luôn gây phiền phức (không đúng lúc). Thật tốt đẹp hơn biết đường nào khi chúng ta mau mắn trong sự cảm tạ! Đây chắc chắn là cách tốt nhất để tôn vinh Đức Chúa Trời và giữ cho cuộc trò chuyện được thánh sạch.

Một phụ nữ Cơ Đốc dự một bữa ăn tối kỷ niệm để tỏ lòng tôn kính đối với một người bạn, không hay biết rằng sẽ có một chương trình hài kịch rẻ tiền tiếp theo sau bữa ăn. Người được mệnh danh là diễn viên hài cố gắng làm cho đám đông giải khuây bằng sự hài hước thô tục làm hạ giá trị mọi điều mà vị khách Cơ Đốc cho là thiêng liêng và đáng tôn kính. Vào một lúc nọ trong chương trình, diễn viên hài bị khô cổ. Anh ta gọi một bồi bàn đến nói, “Làm ơn đem cho tôi một ly nước.”

Vào lúc đó người phụ nữ Cơ Đốc nói thêm, “Và mang cả một cái bàn chải đánh răng với một cục xà phòng nữa!” Hẳn nhiên, xà phòng trong miệng sẽ không bao giờ tẩy sạch câu chuyện được, nhưng bà nêu rõ quan điểm của mình.

Cơ Đốc nhân có Lời Đức Chúa Trời trong lòng (Co 3:16) sẽ luôn nêm thêm muối vào lời nói của mình (Co 4:6) vì ân hậu trong lòng có nghĩa là ân hậu trên môi miệng.

Chúng ta là vua (Eph 5:5-6). Khi chúng ta tin nhận Đấng Christ, chúng ta bước vào trong nước của Đức Chúa Trời (Gi 3:3) nhưng chúng ta cũng đang đợi chờ sự mạc khải đầy trọn của nước Ngài khi Ngài trở lại (II Ti 4:1). Phao-lô vạch rõ rằng những người cố tình và cứ miệt mài sống trong tội lỗi sẽ không được dự phần trong nước Đức Chúa Trời. “Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời” (Ga 5:21). Từ ngữ Hy Lạp pornos cho chúng ta chữ pornography có nghĩa là “một người thực hành sự gian dâm – tình dục trái phép.” Những kẻ ô uế và tham lam về phương

diện luân lý sẽ nhập chung với những kẻ gian dân trong sự phán xét. Phao-lô đặt sự tham lam ngang hàng với sự thờ hình tượng, vì đó là sự thờ lạy một điều gì khác hơn Đức Chúa Trời. Những lời cảnh cáo này liên quan tới việc thường xuyên phạm tội, chớ không phải hành vi phạm tội thỉnh thoảng xảy ra. Đa-vít phạm tội tà dâm, thế nhưng Đức Chúa Trời tha thứ cho ông và một ngày kia đã đem ông về thiên đàng. Chắc hẳn Đa-vít bị sửa phạt vì có tội mình, nhưng ông không bị Đức Chúa Trời khước từ.

Vào thời của Phao-lô, có những Cơ Đốc nhân giả dối tranh cãi rằng tín đồ có thể sống trong tội lỗi và thoát khỏi hình phạt của nó. Những kẻ phỉnh gạt này có nhiều lý lẽ để thuyết phục các Cơ Đốc nhân không hiểu biết rằng họ có thể phạm tội lặp đi lặp lại nhiều lần và vẫn được vào nước Đức Chúa Trời. “Anh em được cứu bởi ân điển!” họ biện luận. “Vì thế cứ phạm tội đi hầu cho ân điển Đức Chúa Trời được dư dật!” Phao-lô trả lời sự biện luận ngu dại đó trong Ro 6:1-23. “Tội lỗi trong đời sống một tín đồ khác hẳn với tội lỗi trong đời sống của một người chưa được cứu!” Đúng vậy – nó còn xấu xa hơn nữa! Đức Chúa Trời đoán phạt tội lỗi dù cho Ngài tìm thấy tội ấy nơi đâu, và Ngài không muốn tìm thấy nó trong đời sống của một trong các con cái của chính Ngài. Cá nhân tôi tin rằng không một Cơ Đốc nhân chân thật nào có thể bị hư mất cả, nhưng người ấy sẽ chứng tỏ sự thực hữu của đức tin mình bằng một đời sống vâng lời.

Có nhiều giáo sư không phải là những sở hữu chủ (Mat 7:21-23). Một Cơ Đốc nhân không phải là không có tội (sinless), nhưng người ấy thực sự phạm tội ít hơn (sin less) – và ngày càng ít hơn – và càng ít hơn! Cơ Đốc nhân là một vị vua, và thật không xứng đáng với phẩm cách của người ấy khi ham mê những lễ thói của thế gian hư mất vốn ở ngoài vương quốc của Đức Chúa Trời.

Chúng ta là sự sáng (Eph 5:7-14). Hình ảnh này là sự đột phá chính yếu của đoạn này, vì Phao-lô đang khuyên răn độc giả của ông “hãy bước đi trong sự sáng.” Bạn sẽ mong muốn đọc IICo 6:14-7:1 để có một đoạn văn tương đương giải thích sự trái ngược hiện hữu giữa con cái Đức Chúa Trời với người chưa được cứu. Phao-lô không nói rằng chúng ta “ở trong sự tối tăm,” mà là chúng ta “đương còn tối tăm.” Giờ thì chúng ta đã được cứu, “Sự sáng với sự tối tăm có thông đồng gì với nhau được chẳng?” Rốt lại thì, sự sáng sinh ra bông trái, nhưng những việc làm của sự tối tăm thì không kết quả đối với những điều thuộc linh. “Vì trái của Thánh Linh (hoặc “sự sáng láng”) ở tại mọi điều nhân từ, công bình và thành thật.” Không thể nào cùng một lúc lại vừa ở trong sự tối tăm cũng vừa ở trong sự sáng được!

Sự sáng sinh ra “sự nhân từ,” là một biểu hiện của trái Thánh Linh (Ga 5:22). Nhơn từ là “yêu thương bằng hành động.” Công bình nghĩa là có đặc tính ngay thẳng, phải lẽ trước mặt Đức Chúa Trời và có những hành vi đúng đắn, phải lẽ đối với con người. Cả hai phẩm chất này đều dựa trên lẽ thật, là điều phù hợp với Lời Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài.

Chúa Giê-xu phán dạy nhiều điều về sự sáng và sự tối tăm. “Sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta như vậy, đặng họ thấy những việc lành của các ngươi, và ngợi khen Cha các ngươi ở trên trời” (Mat 5:16). “Bởi vì phạm ai làm ác thì ghét sự sáng và không đến cùng sự sáng, e rằng công việc của mình phải trách móc chẳng. Nhưng kẻ nào làm theo chân lý thì đến cùng sự sáng, hầu cho các việc của mình được bày tỏ ra, vì đã làm trong Đức Chúa Trời.” (Gi 3:20-21).

“Bước đi trong sự sáng” có nghĩa là sống trước mặt Đức Chúa Trời, không giấu giếm chi cả. Tương đối dễ khi che giấu mọi sự với những người khác vì họ không thể nhìn thấy được tâm lòng và tâm trí của chúng ta nhưng tất cả mọi sự thầy đều trần trụi và lộ ra trước mặt Đấng mà chúng ta phải thưa lại” (He 4:13). Mỗi lần tôi đáp máy bay đi dự một cuộc hội họp, tôi phải để bộ phận kiểm tra rà soát lại trên người tôi và hành lý, và tôi vui mừng khi làm điều này, vì sự kiểm tra này giúp phát hiện ra bom. Tôi không hề e sợ khi đi qua “hệ thống thăm dò” hay đưa hành lý mình qua hệ thống x quang, vì tôi không có gì để giấu giếm cả.

Một tác giả nọ xin phép Charles Spurgeon để viết tiểu sử cuộc đời ông, và nhà truyền đạo vĩ đại đáp, “Ông có thể viết cuộc đời tôi trên các tầng trời – tôi không có gì để giấu kín cả!”

Nhưng việc bước đi “như các con cái sáng láng” cũng có nghĩa là bày tỏ sự sáng của Đức Chúa Trời trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Qua tính cách và lối cư xử của chúng ta, chúng ta đem

sự sáng của Đức Chúa Trời vào một thế giới tối tăm. Là những ngọn đèn của Đức Chúa Trời, chúng ta giúp đỡ người khác tìm ra con đường dẫn đến cùng Đấng Christ. Tâm trí của người chưa được cứu bị Sa-tan làm cho mù loà đi (II Co 4:3-4) và bị tội tối làm cho tối tăm (Eph 4:17-19). Chỉ khi chúng ta làm chứng và chia sẻ Đấng Christ thì sự sáng mới có thể chiếu rọi vào. Y như một người mạnh khoẻ có thể giúp đỡ cho người đau yếu, cũng vậy một con cái Đức Chúa Trời có thể dẫn dắt những kẻ hư mất ra khỏi nơi tối tăm vào trong sự sáng lạ lùng của Đức Chúa Trời.

Sự sáng bày tỏ Đức Chúa Trời sự sáng sinh ra bông trái nhưng sự sáng cũng phơi bày điều sai trật. Không nhà phẫu thuật nào ưa thích giải phẫu trong bóng tối e rằng mình sơ suất lỡ tay thì sẽ mất một mạng người. Làm thế nào một họa sĩ có thể vẽ một bức tranh xác thực trong bóng tối được? Sự sáng bày tỏ chân lý và phơi bày đặc tính trung thực của mọi vật. Điều này giải thích vì sao người chưa được cứu tránh xa Hội Thánh và Kinh Thánh. Sự sáng của Đức Chúa Trời bày tỏ đặc tính thật của người ấy, và sự phơi bày đó không có gì đáng phải ngợi khen cả. Khi Cơ Đốc nhân chúng ta bước đi trong sự sáng, chúng ta khước từ thông công với sự tối tăm, và chúng ta phơi bày những việc tối tăm của tội lỗi đúng với thực chất của chúng.

“Ta là sự sáng đã đến thế gian,” Chúa Giê-xu phán (Gi 12:46). Ngài cũng phán cùng các môn đệ, “Các ngươi là sự sáng của thế gian” (Mat 5:14). Khi Ngài còn tại thế, sự trọn vẹn của tính chất và đạo đức của Ngài phơi bày tình trạng tội lỗi của những người chung quanh Ngài. Đây là một nguyên do vì sao những nhà lãnh đạo tôn giáo ghen ghét Ngài và tìm cách tiêu diệt Ngài. “Nếu Ta không đến và không phán dạy họ, thì họ chẳng có tội lỗi gì nhưng bây giờ họ không có thể chữa chối được tội lỗi mình” (Gi 15:22). Giống y như một người khoẻ mạnh vô tình phơi bày những sự tật nguyên và bệnh hoạn của những người mình đến thăm tại một bệnh viện, cũng vậy Cơ Đốc nhân phơi bày sự tối tăm và tội lỗi chung quanh mình chỉ bởi việc sống như một Cơ Đốc nhân. Phao-lô khuyên chúng ta sống đời sống có sự cân bằng – về mặt tích cực, bước đi trong sự sáng, về mặt tiêu cực, tố cáo và phơi bày tình trạng xấu xa của những kẻ sống trong tối tăm. Chỉ phơi bày tình trạng xấu xa của những người ở trong sự tối tăm thì không đủ. Chỉ phơi bày tội lỗi cũng không đủ. Chúng ta phải kết quả nữa.

Nhưng câu 12 cho chúng ta một sự thận trọng. Hãy cẩn thận cách bạn đối phó với “những công việc vô ích của sự tối tăm.” Khẩu hiệu ngày nay dường như là “Hãy diễn đạt nó cách trung thực!” Thế nhưng đó có thể là một cách xử sự nguy hiểm khi nó tiến đến chỗ phơi bày những điều ô uế của sự tối tăm, e rằng chúng ta vô tình quảng cáo và đề cao tội lỗi. Phao-lô nói, “vì dầu nói đến điều mà những người đó làm cách kín giấu, cũng đã là hở thẹn rồi” (Eph 6:12). Một số nhà truyền đạo ưa thích say sưa với những điều tạo nên cảm xúc mạnh nơi người nghe, thật nhiều để các bài giảng của họ khơi dậy những sự ham muốn và đem đến cho những người đơn sơ nhiều kiến thức hơn điều họ cần. “Nhưng tôi mong rằng anh em khôn ngoan về điều lành, và thanh sạch đối với điều dữ” (Ro 16:19).

Tôi nhớ lại một người bạn trong công tác thanh niên. Người bạn này cảm thấy cần thiết phải đọc tất cả những gì lứa tuổi thiếu niên đang đọc “để có thể hiểu rõ chúng hơn,” và nó đã làm vẩn đục tâm trí ông ta đến nỗi bản thân ông đã rơi vào tội lỗi. Người tín đồ không cần thiết phải thực hiện một cuộc xét nghiệm tử thi đang mục rữa để phơi bày sự mục nát của nó. Tất cả điều người ấy phải làm là bật đèn lên! “Phàm điều chi đã tỏ ra thì trở nên sự sáng vậy” (Eph 5:13).

Khi bạn nghĩ đến sự sáng, bạn nghĩ đến việc thức dậy vào một ngày mới, và Phao-lô mô tả bức tranh này (c.14), diễn giải Es 60:1. Bạn có hình ảnh tương tự trong Ro 13:11-13 và ITe 5:1-10. Buổi sáng Phục sinh ấy, khi Đấng Christ sống lại từ kẻ chết, là buổi bình minh của một ngày mới cho thế giới. Cơ Đốc nhân không đang ngủ trong tội lỗi và sự chết. Chúng ta đã được sống lại từ kẻ chết bởi đức tin nơi Ngài. Sự tối tăm của phần mộ đã qua rồi, và giờ đây chúng ta đang bước đi trong ánh sáng của sự cứu rỗi. Sự cứu rỗi là khởi đầu của một ngày mới, và chúng ta cần phải sống như những kẻ thuộc về sự sáng, chớ không thuộc về sự tối tăm. “Hỡi La-xa-rơ, hãy bước ra!”

Người tín đồ không có phần gì trong sự tối tăm. Người ấy là một thánh đồ, có nghĩa là người ấy là một người dự phần “cơ nghiệp của các thánh trong sự sáng” (Co 1:12). Người ấy là một vị vua, vì người ấy đã được giải thoát “quyền của sự tối tăm” và đã được dời “qua nước của Con rất yêu dấu Ngài” (Co 1:13). Người ấy là “người sáng láng trong Chúa” (Eph 5:8).

3. Hãy bước đi trong sự khôn ngoan (Eph 5:15-17)

Từ *circumspect* (thận trọng) ra từ hai từ ngữ La tinh có nghĩa là “nhìn quanh.” Từ Hy Lạp mang ý tưởng của sự đúng đắn và tính chính xác. Ý nghĩa của câu này là “Hãy chắc chắn là bạn bước đi cách cẩn trọng, với sự chính xác.” Điều ngược lại là bước đi cách cầu thả và không có sự dẫn dắt và đắn đo cân nhắc đúng đắn. Chúng ta không thể bỏ mặc đời sống Cơ Đốc cho số phận. Chúng ta phải có những quyết định khôn ngoan và cố gắng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời.

Các câu 14,15 có liên hệ nhau. Phao-lô hình như muốn nói, “Đừng bước đi khi bạn đang ngủ! Hãy thức dậy! Hãy mở mắt ra! Hãy lợi dụng thì giờ!” Thật đáng buồn khi nhìn thấy nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân “lênh đênh” trong biển đời, như những người mộng du, chưa bao giờ lợi dụng các cơ hội để sống cho Đấng Christ và hầu việc Ngài. Phao-lô trình bày nhiều nguyên do vì sao chúng ta cần phải đúng đắn và cẩn trọng trong cuộc sống mình.

Đó là một dấu hiệu của sự khôn ngoan (5:15). Chỉ có kẻ ngu dại mới bị sóng gió cuốn trôi đi. Một người khôn ngoan vạch ra đường đi của mình, giương buồm lên, và điều khiển bánh lái cho tới khi người ấy đến được nơi mình muốn đến. Khi một người muốn xây một ngôi nhà, người ấy trước hết vẽ các đồ án để biết được mình sẽ làm gì. Thế nhưng, có bao nhiêu Cơ Đốc nhân hoạch định các ngày của mình để tận dụng các cơ hội mình có cách khôn ngoan? Đúng vậy, chúng ta không thể biết một ngày có thể đem lại điều gì (Gia 4:13-17). Cũng đúng là một đời sống có hoạch định có thể xử lý những biến cố bất ngờ tốt đẹp hơn. Có người đã nói, “Khi viên hoa tiêu không biết mình đang hướng đến cảng nào, thì không luồng gió nào là luồng gió thích hợp cả.”

Đời sống ngắn ngủi (5:16). “Lợi dụng cơ hội – tận dụng nó.” Một câu ngôn ngữ xưa của Trung Hoa nói rằng, “Khi gặp cơ hội bạn có thể nắm bắt lấy nó. Một khi nó đã qua đi thì bạn không thể nào bắt lấy nó một lần nữa được.” Từ cơ hội (opportunity) trong tiếng Anh ra từ tiếng La tinh và có nghĩa là “hướng đến cảng.” Nó ám chỉ một con tàu lợi dụng gió và thủy triều để đến cảng an toàn. Sự ngắn ngủi của đời sống là một lý lẽ mạnh mẽ để chúng ta tận dụng những dịp tiện Đức Chúa Trời ban cho mình.

Những ngày là xấu (5:16). Vào thời của Phao-lô, điều này có nghĩa là sự bắt bớ của người La Mã đang diễn ra (I Phi 4:12-19). Thật dại dột biết bao khi để lỡ những cơ hội giành lấy những linh hồn hư mất vì chẳng bao lâu khi tội lỗi trong xã hội càng gia tăng thì những cơ hội này có thể sẽ không còn nữa! Nếu những ngày là xấu khi Phao-lô viết bức thư này thì tình trạng của những ngày hiện nay sẽ ra sao?

Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một tâm trí (5:17). “Hiểu rõ” ám chỉ việc sử dụng tâm trí của chúng ta để khám phá và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Quá nhiều Cơ Đốc nhân cho rằng việc khám phá ý muốn Đức Chúa Trời là một tảng đá bí ẩn khiến loại trừ sự suy nghĩ rõ ràng để hiểu. Nhưng ý tưởng này sai trật – và nguy hiểm. Chúng ta khám phá ý muốn Đức Chúa Trời khi Ngài đổi mới tâm trí chúng ta (Ro 12:1-2) và sự đổi mới này là kết quả của Lời Đức Chúa Trời, sự cầu nguyện, sự suy ngẫm, và sự thờ phượng. Nếu Đức Chúa Trời ban cho bạn một tâm trí, tức Ngài mong bạn sử dụng nó. Điều này có nghĩa là việc học biết ý muốn Đức Chúa Trời bao gồm việc thu thập các dữ kiện, xem xét chúng, cân nhắc chúng, và cầu xin sự khôn ngoan của Ngài (Gia 1:5). Đức Chúa Trời không muốn chúng ta chỉ biết ý muốn của Ngài thôi Ngài muốn chúng ta hiểu rõ ý muốn của Ngài nữa.

Đức Chúa Trời có một chương trình cho đời sống chúng ta (5:17). Phao-lô đã nói đến chương trình này (Eph 2:10). Nếu Đức Chúa Trời cứu tôi, thì Ngài có một mục đích cho đời sống của tôi, và tôi cần phải khám phá mục đích đó và rời lèo lái cuộc đời mình theo mục đích đó. Ngài bày tỏ chương trình của Ngài qua Lời Ngài (Co 1:9-10), qua Thánh Linh Ngài trong lòng chúng ta (Co 3:15), và việc tác động của hoàn cảnh (Ro 8:28). Cơ Đốc nhân có thể bước đi cách cẩn trọng và đúng đắn vì người ấy biết Đức Chúa Trời muốn mình làm gì. Giống như người thợ xây làm theo bản thiết kế, người ấy thực hiện những gì viên kiến trúc sư đã vạch ra.

Điều này hoàn tất phần chúng ta gọi là “Hãy bước đi trong sự Thanh sạch.” Điểm cần nhấn mạnh là đời sống mới tương phản với đời sống cũ, bắt chước Đức Chúa Trời chứ không làm theo thế gian xấu xa chung quanh chúng ta. Trong phần kế tiếp “Hãy bước đi trong sự Hoà thuận,” Phao-lô đề cập tới những mối quan hệ trong cuộc sống và cho thấy đời sống trong Đấng Christ có thể đem thiên đàng đến với gia đình chúng ta ra sao.

9. THIÊN ĐÀNG TRONG GIA ĐÌNH BẠN (Eph 5:18-33)

Charles Haddon Spurgeon đã nói, “Khi gia đình được dạy dỗ theo Lời Đức Chúa Trời, thì các thiên sứ có thể được mời ở lại với chúng ta, và họ sẽ không thấy chính mình bị lạc lõng trong môi trường đó.”

Vấn đề là nhiều gia đình không được cai quản bởi Lời Đức Chúa Trời – kể cả những gia đình mà các thành viên đang tự xưng là những Cơ Đốc nhân – và hậu quả thật thảm hại. Thay vì các thiên sứ là những vị khách mời trong một số gia đình, thì dường như ma quỷ đang làm chủ. Cứ ba cuộc hôn nhân là có một cuộc kết thúc tại toà án ly hôn, và không ai biết bao nhiêu cặp vợ chồng về mặt tình cảm đã ly dị nhau mặc dù họ vẫn ở chung một địa chỉ. Nhà thơ William Cowper gọi gia đình là “niềm hạnh phúc duy nhất của Thiên đàng còn tồn tại sau khi loài người Sa ngã,” nhưng quá nhiều gia đình là một tiền đồn của Địa ngục thay vì là một vùng đất của Thiên đàng.

Lời giải đáp là Thánh Linh của Đức Chúa Trời! Chỉ bởi năng quyền của Đức Thánh Linh chúng ta mới có thể bước đi trong sự hoà thuận giữa vợ với chồng (Eph 5:22-23), cha mẹ với con cái (6:1-4), và chủ với tớ (6:5-9). Sự hiệp nhất của con cái Đức Chúa Trời mà Phao-lô mô tả (4:1-16) phải được đem vào nếp sống hàng ngày nếu chúng ta muốn tận hưởng sự hoà thuận vốn là một sự ném trước của thiên đàng trên đất.

1. Đầy đầy Đức thánh Linh (Eph 5:18)

C.18 “Hãy đầy đầy Đức Thánh Linh” là mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và Ngài mong đợi chúng ta vâng theo. Mệnh lệnh này ở số nhiều, vì thế nó áp dụng cho mọi Cơ Đốc nhân chứ không chỉ dành riêng cho một số ít người được lựa chọn. Động từ ở thì hiện tại – “hãy tiếp tục đầy đầy Đức Thánh Linh” – và vì thế đó là một từng trải chúng ta cần phải tận hưởng mỗi ngày chứ không phải chỉ vào những dịp đặc biệt. Và, động từ ở thể thụ động. Chúng ta không tự đổ đầy chính mình nhưng để Đức Thánh Linh đổ đầy chúng ta. Động từ “đổ đầy” không liên quan gì đến nội dung hay số lượng, như thể chúng ta là những chiếc thuyền khô cạn cần một số lượng nhiên liệu thuộc linh cần thiết để tiếp tục chạy. Trong Kinh Thánh, được đổ đầy có nghĩa là “được điều khiển (làm chủ, kiểm soát) bởi.” “Họ . . . đầy sự tức giận” (Lu 4:28) có nghĩa là “họ bị sự tức giận điều khiển” và vì lý do đó đã cố gắng giết Chúa Giê-xu. “Những người Giu-đa đầy lòng ghen ghét” (Cong 13:45) có nghĩa là những người Giu-đa bị điều khiển bởi sự ghen ghét và chống nghịch lại chức vụ của Phao-lô và Ba-na-ba. Được “đổ đầy Đức Thánh Linh” có nghĩa là thường xuyên được Đức Thánh Linh làm chủ trong tâm trí, tình cảm, và ước muốn của chúng ta.

Khi một người tin nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình, người ấy lập tức được Đức Thánh Linh báp têm vào trong Thân thể Đấng Christ (ICo 12:13). Không nơi nào trong Tân Ước chúng ta được truyền dạy là phải được báp têm bởi Thánh Linh, vì đây là một kinh nghiệm một lần đủ cả diễn ra khi tiếp nhận Chúa. Khi Đức Thánh Linh giáng lâm vào ngày lễ Ngũ Tuần, các môn đệ được báp têm bằng Đức Thánh Linh và do đó Thân thể Đấng Christ được hình thành (Cong 1:4-5). Nhưng họ cũng được “đổ đầy bởi Đức Thánh Linh” (Cong 2:4), và chính việc đổ đầy này đã ban cho họ năng quyền họ cần đến để làm chứng cho Đấng Christ (Cong 1:8). Trong Cong 2:1-47, các tín đồ người Do Thái được báp têm bởi Thánh Linh, và trong Cong 10:1-48 các tín đồ gốc dân ngoại có kinh nghiệm tương tự (Cong 10:44-48 11:15-17). Vì thế Thân thể Đấng Christ đã được lập nên bởi cả người Do Thái lẫn các dân ngoại (Eph 2:11-22). Phép báp têm có tính cách lịch sử đó, trong hai giai đoạn, không hề được lặp lại nữa cũng như biến cố Thập tự giá không hề được lặp lại. Nhưng phép báp têm đó được làm cách cá nhân khi tội nhân tin nhận Đấng Christ và Thánh Linh ngự vào lòng để khiến người ấy trở nên một chi thể trong Thân Đấng Christ. Phép báp têm bởi Đức Thánh Linh có nghĩa là tội thuộc

về Thân thể của Đấng Christ. Việc đầy đầy Đức Thánh Linh có nghĩa là thân thể tôi thuộc về Đấng Christ.

Chúng ta thường nghĩ đến năng quyền của Thánh Linh là cần thiết cho việc giảng dạy và làm chứng, và điều này đúng. (Cong 4:8,31 6:3,5 7:55 13:9. Các sứ đồ đã từng trải những việc đồ đầy nhiều lần sau kinh nghiệm ban đầu vào ngày lễ Ngũ Tuần đó. Nhưng Phao-lô đã viết rằng sự đầy đầy Thánh Linh cũng cần thiết tại gia đình nữa. Nếu gia đình chúng ta muốn là một thiên đàng trên đất, thì chúng ta phải được Đức Thánh Linh làm chủ. Nhưng làm thế nào một người có thể nói rằng mình được đầy đầy Thánh Linh hay không? Phao-lô nêu lên rằng có ba bằng chứng của sự đầy đầy Thánh Linh trong đời sống của người tín đồ: người ấy đầy sự vui mừng (c.19), đầy lòng tạ ơn (c.20), và biết vâng phục (c.21-23). Phao-lô không nói gì về phép lạ hay tiếng lạ, hay những biểu lộ đặc biệt nào khác. Ông nêu rằng gia đình có thể là một thiên đàng trên đất nếu mỗi thành viên trong gia đình được Thánh Linh làm chủ, và đầy sự vui mừng, lòng tạ ơn, và biết vâng phục.

2. Đầy sự vui mừng (Eph 5:19)

Sự vui mừng là một bông trái của Thánh Linh (Ga 5:22). Sự vui mừng của Cơ Đốc nhân không phải là một cảm xúc hơi hợt, giống như một hàn thử biểu, lên xuống với bầu không khí hay thay đổi của gia đình. Đúng hơn, sự vui mừng của Cơ Đốc nhân là một từng trải sâu xa của sự đầy đủ và tin cậy bất chấp hoàn cảnh chung quanh chúng ta ra sao. Cơ Đốc nhân có thể vui mừng ngay cả trong lúc đau đớn và chịu khổ. Loại vui mừng này không phải là một hàn thử biểu mà là một máy điều nhiệt. Thay vì lên xuống với hoàn cảnh, nó quyết định nhiệt độ thuộc linh của hoàn cảnh. Phao-lô diễn tả rất hay khi ông viết, “Tôi đã tập hễ gặp cảnh ngộ nào, cũng thoả lòng ở vậy” (Phi 4:11).

Để minh họa sự vui mừng này, Phao-lô dùng từng trải quen thuộc của sự say rượu: “Đừng say rượu . . . nhưng hãy đầy đầy Đức Thánh Linh” (c.18). Khi các tín đồ vào ngày lễ Ngũ Tuần được đầy đầy Thánh Linh, đoàn dân đông lên án họ là bị say rượu mới (Cong 2:13-15). Họ thật sự vui mừng đến độ những kẻ vô tín không thể nghĩ đến sự so sánh nào hay hơn nữa. Nhưng một số bài học thực tiễn có thể được rút ra từ sự so sánh này. Đầu tiên, kẻ say rượu ở dưới sự điều khiển của một thế lực khác, vì rượu thực ra là một thứ thuốc giảm đau. Người ấy có cảm giác được giải thoát rất mạnh mẽ – tất cả những phiền muộn của người ấy đều tan biến đi. Người ấy có thể “gây sự với bất cứ ai ở trong nhà!” Kẻ say rượu không xấu hổ khi bộc lộ chính mình (mặc dầu những gì người ấy nói và làm đều đáng hổ thẹn), người ấy cũng không thể che giấu những gì đang diễn ra trong đời sống mình.

Hãy chuyển bức tranh này sang người tín đồ được đầy đầy Thánh Linh. Đức Chúa Trời làm chủ đời sống người ấy, và người ấy kinh nghiệm một sự vui mừng sâu xa mà người ấy không ngần ngại biểu lộ để tôn vinh Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, kẻ say rượu quả thật là không tự kiểm soát được, vì rượu ảnh hưởng đầu óc người ấy, trong khi người tín đồ kinh nghiệm một sự tiết độ tốt đẹp vốn thực sự là Đức Chúa Trời đang làm chủ. Sự tiết độ là bông trái của Thánh Linh (Ga 5:23). “Tâm thần của các đấng tiên tri suy phục các đấng tiên tri” (ICo 14:32). Kẻ say rượu làm cho mình ra ngu dại, nhưng Cơ Đốc nhân đầy đầy Thánh Linh tôn vinh Đức Chúa Trời và sẵn lòng trở nên một “kẻ ngu dại vì cố Đấng Christ” (ICo 4:10). Kẻ say rượu khiến người khác chú ý đến chính mình, trong khi người tín đồ đầy đầy Thánh Linh là một chứng nhân cho Đấng Christ.

Hẳn nhiên không khó khi sống hay làm việc với một người được đầy đầy Thánh Linh và sự vui mừng. Người ấy có một bài ca trong lòng mình và trên môi miệng mình. Kẻ say rượu thường ca hát, nhưng những bài hát của người ấy chỉ bộc lộ sự bại hoại trong lòng người ấy. Bài hát của Cơ Đốc nhân đầy đầy Thánh Linh đến từ Đức Chúa Trời, một bài hát người ấy không bao giờ có thể hát nếu không bởi năng quyền của Thánh Linh. Đức Chúa Trời cũng ban cho chúng ta những bài ca trong ban đêm (Thi 42:8). Bất chấp sự đau đớn và tủ nhục, Phao-lô và Si la đã có thể hát những lời ngợi khen dâng lên Đức Chúa Trời trong ngục tù ở thành Phi líp (Cong 16:25), và kết quả là sự trở lại đạo của người cai ngục và gia đình ông. Tất cả họ đã có được một thì giờ vui sướng biết bao vào giờ phút nửa đêm đó – và họ không cần phải say rượu để tận hưởng sự vui mừng ấy!

“Quán rượu trong khu phố của bạn là nơi thân thiện nhất trong thành phố này!” Khẩu hiệu đó xuất hiện trong tiêu đề của một phụ trang báo đặc biệt trong suốt “Tháng Quán rượu Quốc gia,” vì thế tôi

quyết định thử tính xác thực của nó. Tôi để ý xem báo suốt nhiều tuần lễ và cắt ra những mẫu tin liên quan tới các quán rượu – và tất cả những mẫu tin này đều có liên hệ tới những vụ cãi lộn và giết người. Nơi thân thiện nhất trong thành phố! Nhưng tiêu đề này nhắc nhở tôi rằng những người nhậu nhẹt chung với nhau thường có một sự đồng cảm và sự vui vẻ với nhau. Sự kiện này không phải là lý lẽ ủng hộ cho việc uống rượu, nhưng nó thực sự minh hoạ một điểm: Cơ Đốc nhân được đầy đầy Thánh Linh ưa thích hiệp lại với nhau và từng trải một ý nghĩa của sự hiệp nhất đầy vui mừng trong Chúa. Họ không cần những chất kích thích giả tạo của thế gian. Họ có Thánh Linh của Đức Chúa Trời – và Ngài là tất cả những gì họ cần đến.

3. Đầy lòng tạ ơn (Eph 5:20)

Có người định nghĩa gia đình là “nơi chúng ta được đối xử tốt đẹp nhất – và nơi chúng ta than phiền nhiều nhất!” Điều này đúng biết bao! “Cha tôi không hề nói chuyện với tôi trừ khi ông ấy muốn chửi mắng tôi hoặc hỏi về thứ hạng của tôi,” một thiếu niên nọ đã có lần nói với tôi. “Cuối cùng thì, một anh chàng trai trẻ đôi lúc cũng cần một sự khích lệ nào đó chứ!” Những nhà khảo đạo về hôn nhân bảo chúng tôi rằng “việc vợ chồng vì quá quen thuộc nên xem thường nhau” là một trong những nguyên nhân chính của các vấn đề thuộc hôn nhân. Cảm tạ Đức Chúa Trời về người phối ngẫu của mình là một bí quyết của một gia đình hạnh phúc, và chính Đức Thánh Linh là Đấng ban cho chúng ta thái độ biết ơn.

Làm thế nào một tấm lòng biết ơn khơi dậy sự hoà thuận trong gia đình? Về một mặt, người có lòng thành thật biết ơn nhận ra rằng mình được nên giàu có vì có những người khác, đó là một dấu hiệu của sự khiêm nhường. Người nào cho rằng thế giới nọ mình cuộc sống sẽ chẳng bao giờ biết ơn về bất cứ điều gì. Người ấy nghĩ rằng mình đang làm ơn cho người khác bằng cách cho phép họ phục vụ mình. Tấm lòng biết ơn thường khiêm nhường, là một tấm lòng vui mừng nhận biết Đức Chúa Trời là “Đấng ban mọi ân điển tốt lành cùng mọi sự ban cho trọn vẹn” (Gia 1:17). Giống như món quà của Ma ri dâng lên Chúa Giê-xu trong Gi 12:1-11, lòng biết ơn khiến căn nhà sực nức hương thơm.

Đúng là như thế, tất cả chúng ta đều biết ơn về những điều nào đó vào những dịp đặc biệt nào đó nhưng Phao-lô truyền cho các độc giả của ông hãy tạ ơn về tất cả mọi điều vào mọi lúc. Lời cổ vũ này tự nó chứng minh nhu cầu của chúng ta là phải đầy đầy Thánh Linh Đức Chúa Trời, vì bởi sức riêng của chúng ta chúng ta không bao giờ có thể vâng theo mệnh lệnh này được. Chúng ta có thể thực sự cảm tạ Chúa vì sự đau khổ, những nỗi tuyệt vọng, và cả sự mất đi một người thân chẳng? Hãy ghi nhớ rằng Phao-lô là một người tù khi ông viết những dòng chữ này, thế nhưng ông đầy sự tạ ơn về những gì Đức Chúa Trời đang làm trong ông và vì có ông (Eph 1:16 5:4,20 Co 1:3,12 2:7 3:17 4:2 Phi 1:3). Khi một Cơ Đốc nhân thấy mình rơi vào một tình cảnh khó khăn, người ấy nên lập tức cảm tạ Đức Chúa Cha, nhân danh Chúa Giê-xu Christ, bởi quyền phép của Thánh Linh, để giữ cho lòng mình không than vãn và buồn rầu. Ma qui len lỏi vào khi một Cơ Đốc nhân bắt đầu phàn nàn, nhưng việc cảm tạ trong Thánh Linh đánh bại ma qui và tôn vinh Chúa. “*Phàm việc gì cũng phải tạ ơn Chúa vì ý muốn của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu Christ đối với anh em là như vậy*” (ITe 5:18).

Hai từ lòng biết ơn (gratitude) và ân điển (grace) có cùng gốc từ như nhau. Nếu chúng ta đã kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời, thì chúng ta cần phải biết ơn về những gì Đức Chúa Trời đem đến cho chúng ta. Hai từ cảm ơn và suy nghĩ cũng ra từ chữ có cùng gốc. Nếu chúng ta suy nghĩ thêm hơn, chúng ta sẽ cảm tạ nhiều hơn.

4. Biết thuận phục (Eph 5:21-33)

Phao-lô áp dụng nguyên tắc của sự hoà hợp với vợ và chồng (Eph 5:21-33), cha mẹ và con cái (6:1-4), và chủ và tớ (6:5-9) và ông bắt đầu với lời khuyên rằng là mỗi người phải thuận phục người kia. Phải chăng điều này ám chỉ là con cái bảo cha mẹ điều cần làm, hoặc những người chủ phải vâng lời tôi tớ? Dĩ nhiên là không! Sự thuận phục không có liên quan gì đến thứ tự của thẩm quyền, nhưng đúng hơn nó quản trị việc sử dụng thẩm quyền, thẩm quyền được ban ra như thế nào và nó được nhận lãnh ra sao. Nhiều lần Chúa Giê-xu cố gắng dạy dỗ các môn đệ Ngài chớ cư xử cách kiêu ngạo, hoặc cố tìm cách trở nên lớn mà chẳng đem lại lợi ích cho ai khác. Thật không may, họ không chịu học bài

học này, và thậm chí vào Bữa Tiệc Ly họ lại đang cãi lẫn nhau ai là lớn hơn hết (Lu 22:24-27). Khi Chúa Giê-xu rửa chân cho họ, Ngài dạy họ rằng người lớn hơn hết là người sử dụng thẩm quyền của mình để gây dựng người khác, chứ không, như người Pha-ri-si, xây đắp uy quyền của mình và làm cho chính mình trở nên quan trọng. Chúng ta phải xem những người khác “quan trọng hơn chính mình” (Phi 2:1-4 Ro 12:10). Theo bản tính, chúng ta muốn đề cao chính mình, nhưng Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể vâng phục.

Khi bạn nghiên cứu những lời khuyên dạy của Phao-lô đối với vợ và chồng, hãy nhớ rằng ông đang viết cho các tín hữu. Không nơi nào ông đang ám chỉ rằng người nữ thì thấp kém hơn người nam, hoặc mọi người nữ đều phải khuất phục trước mọi người nam trong mọi tình huống. Sự kiện ông dùng Đấng Christ và Hội Thánh để minh họa là bằng chứng cho thấy ông nghĩ đến gia đình Cơ Đốc trong trí mình.

Hỡi kẻ làm vợ, phải vâng phục (Eph 5:22-24). Ông nêu lên hai nguyên do cho mệnh lệnh này: uy quyền của Đấng Christ (c.22) và cương vị làm đầu của người nam trong Đấng Christ (c. 23). Khi người vợ Cơ Đốc vâng phục Đấng Christ, và để Ngài làm Chúa của đời sống mình, nàng sẽ không gặp khó khăn khi vâng phục chồng mình. Điều này không có nghĩa là nàng trở nên một nô lệ, vì người chồng cũng phải vâng phục Đấng Christ. Và nếu cả hai đang sống dưới uy quyền của Đấng Christ, thì chỉ có sự hoà hợp mà thôi. Cương vị làm đầu không phải là sự độc tài. “Mỗi người vì người kia, cả hai vì Chúa.” Những vợ chồng Cơ Đốc cần phải cầu nguyện với nhau và dành thời gian học Lời Chúa chung, hầu cho họ có thể biết được ý muốn Đức Chúa Trời cho đời sống cá nhân mình và cho gia đình mình. Hầu hết những mối xung đột trong hôn nhân tôi đã giải quyết với tư cách một mục sư xuất phát từ việc người chồng và/hoặc người vợ không chịu thuận phục Đấng Christ, dành thời gian học Lời Chúa, và cố gắng làm theo ý muốn của Ngài mỗi ngày.

Điều này giải thích vì sao một Cơ Đốc nhân nên kết hôn với một Cơ Đốc nhân chứ không “mang ách chung” với kẻ chẳng tin (II Co 6:14-18). Nếu Cơ Đốc nhân vâng phục Đấng Christ, người ấy sẽ không cố gắng thiết lập một gia đình bất tuân Lời của Đức Chúa Trời. Một gia đình như thế mời gọi cuộc nội chiến ngay từ buổi ban đầu. Nhưng có điều khác cũng quan trọng. Cặp vợ chồng Cơ Đốc phải cẩn trọng thuận phục uy quyền của Đấng Christ ngay cả trước khi họ kết hôn. Nếu cả hai không cùng cầu nguyện và chân thành tìm biết ý muốn Đức Chúa Trời trong Lời Ngài, cuộc hôn nhân của họ sẽ bắt đầu trên một nền tảng không vững vàng. Tội lỗi đã phạm trước khi kết hôn (“Chúng ta là Cơ Đốc nhân – chúng ta có thể tránh xa điều này!”) có một cách thức gây ra những nan đề sau khi kết hôn. Hẳn nhiên Đức Chúa Trời có thể tha thứ, nhưng chúng ta vẫn đánh mất một điều gì đó rất quý giá y như vậy. Tiến sĩ William Culbertson, nguyên chủ tịch của Viện Thánh Kinh Moody, đã từng cảnh cáo về “những hậu quả đau buồn của tội lỗi đã được tha,” và những đôi nam nữ Cơ Đốc đã đính hôn cần ghi nhớ lời cảnh cáo này trong lòng.

Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình (Eph 5:25-33). Phao-lô có nhiều điều để nói với những người chồng Cơ Đốc hơn là với những người vợ. Ông đặt ra cho họ một tiêu chuẩn rất cao: Hãy yêu vợ mình “như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh.” Phao-lô đang nâng tình yêu thương trong hôn nhân lên mức độ cao nhất có thể được, vì ông nhìn thấy trong gia đình Cơ Đốc một hình ảnh minh họa của mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh. Đức Chúa Trời thiết lập hôn nhân vì nhiều nguyên do. Về một mặt, nó thoả mãn nhu cầu tình cảm của con người. “Loài người ở một mình thì không tốt” (Sa 2:18). Hôn nhân cũng có một mục đích xã hội trong việc sinh con cái để nối dõi (Sa 1:28). Phao-lô cho thấy một mục đích về mặt thể chất đối với hôn nhân – để giúp người nam và người nữ đáp ứng những dục vọng mà Đức Chúa Trời ban cho họ (ICo 7:1-3). Nhưng trong thư Eph 5:1-33, Phao-lô cũng cho thấy một mục đích về mặt tâm linh trong hôn nhân, khi người chồng và người vợ cùng kinh nghiệm sự thuận phục và tình yêu thương của Đấng Christ (Eph 5:22-23).

Nếu người chồng lấy tình yêu của Đấng Christ đối với Hội Thánh làm mẫu mực để yêu thương vợ mình, thì người ấy sẽ yêu nàng với lòng hy sinh (c.25). Đấng Christ đã phó Chính mình Ngài vì Hội Thánh, vậy nên người chồng, trong tình yêu thương, cũng phó chính mình vì vợ. Gia-cóp quá yêu Ra chén đến nỗi ông đã chịu hy sinh làm việc mười bốn năm để có được nàng. Tình yêu Cơ Đốc chân thật “chẳng kiếm tư lợi” (ICo 13:5) – nó không vị kỷ. Nếu một người chồng vâng phục Đấng

Christ và được đầy đầy Thánh Linh, tình yêu có tính chất hy sinh của người ấy sẽ sẵn lòng trả một giá hầu cho người vợ có thể hầu việc Đấng Christ trong gia đình và tôn vinh Ngài.

Tình yêu của người chồng cũng sẽ là một tình yêu thánh sạch (5:26-27). Từ thánh hoá có nghĩa là “biệt riêng ra.” Trong lễ hôn phối, người chồng được biệt riêng ra để thuộc về người vợ, và người vợ được biệt riêng ra để thuộc về người chồng. Bất cứ sự phân rẽ nào đối với sự sắp đặt do Đức Chúa Trời ban cho này đều là tội lỗi. Ngày nay, Đấng Christ đang thanh tẩy Hội Thánh Ngài qua sự hành động của Lời Ngài (Gi 15:3 17:17). Tình yêu của người chồng đối với vợ mình cần phải làm cho vợ (và người ấy) nên tinh sạch hầu cho cả hai ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn. Ngay cả quan hệ thân xác của họ cũng cần phải được Đức Chúa Trời kiểm soát để nó trở nên một phương tiện làm cho phong phú về mặt tâm linh cũng như vui hưởng hạnh phúc riêng tư (ICo 7:3-5). Người chồng không được “sử dụng” vợ mình cho sự vui thú riêng, nhưng đúng hơn phải bày tỏ loại tình yêu thương xứng hiệp và thánh sạch cho nhau. Kinh nghiệm trong hôn nhân là một từng trải cứ gia tăng mãi khi Đấng Christ là Chủ của gia đình. Tình yêu luôn làm gia tăng thêm và phong phú hơn, trong khi tính ích kỷ chỉ mang lại sự trái ngược mà thôi.

Hội Thánh ngày nay không hoàn hảo nó có những dấu vết và những nếp nhăn. Những dấu vết do sự ô uế bên ngoài gây ra, trong khi những nếp nhăn do sự hư hoại bên trong tạo nên. Vì Hội Thánh đã bị thế gian làm cho ô uế, nó cần sự tẩy rửa thường xuyên, và Lời của Đức Chúa Trời là tác nhân để thanh tẩy. “Hãy giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian” (Gia 1:27). Nghiêm chỉnh mà nói, không được có nếp nhăn nào trong Hội Thánh, vì những nếp nhăn là chứng cứ của tuổi già và sự hư nát bề trong. Khi Hội Thánh được nuôi dưỡng bởi Lời Đức Chúa Trời, những nếp nhăn này cần phải tan biến đi. Giống như một cô dâu xinh đẹp, Hội Thánh cần phải được thanh sạch và tươi trẻ, là điều có thể thực hiện được bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời dùng Lời của Ngài. Một ngày kia Hội Thánh sẽ được trình diện trên thiên đàng như “một Hội Thánh đầy vinh hiển” khi Chúa Giê-xu Christ hiện đến (Giu 1:24).

Tình yêu của người chồng đối với vợ mình cần phải mang tính hy sinh và thánh sạch, nhưng nó cũng cần phải đem lại sự thoả mãn (5:28-30). Trong mỗi quan hệ hôn nhân, người chồng và vợ trở nên “một thịt.” Vì thế, bất cứ điều gì người này làm cho người kia, tức là người ấy đang làm cho chính mình. Đó là một từng trải mang lại sự thoả mãn cho nhau. Người nam yêu vợ mình là đang thực sự yêu chính thân mình, vì người ấy với vợ mình là một thịt. Khi người chồng yêu vợ mình, người ấy đang nuôi dưỡng nàng. Y như tình yêu thương là hệ tuần hoàn của Thân thể Đấng Christ (Eph 4:16), cũng vậy tình yêu thương là thức ăn bổ dưỡng của gia đình. Biết bao người đã thú nhận, “Tôi đói khát tình yêu thương.” Không được có sự đói khát tình yêu thương trong gia đình Cơ Đốc, vì vợ chồng cần phải thật yêu thương nhau đến nỗi những nhu cầu về thể xác, tình cảm, và tâm linh của họ đều được đáp ứng. Nếu cả hai đều vâng phục Chúa, và vâng phục nhau, họ sẽ được thật thoả mãn đến độ họ sẽ không bị cám dỗ để tìm kiếm sự đáp ứng ở bất cứ nơi nào khác.

Các gia đình Cơ Đốc phải là những bức tranh về mối quan hệ của Đấng Christ với Hội Thánh Ngài. Mỗi tín đồ là một chi thể trong Thân thể của Đấng Christ, và mỗi tín đồ sẽ phải giúp nuôi dưỡng Thân thể bằng tình yêu thương (Eph 4:16). Chúng ta là một với Đấng Christ. Hội Thánh là Thân thể Ngài và Tân Nương của Ngài, và gia đình Cơ Đốc là một hình ảnh minh hoạ được xếp đặt cách thiên thượng của mối quan hệ này. Điều này chắc hẳn khiến cho hôn nhân trở nên một vấn đề nghiêm chỉnh.

Phao-lô liên hệ đến sự tạo dựng nên Ê-va và việc thiết lập gia đình đầu tiên (Sa 2:18-24). A-đam đã phải cho đi phân nửa của chính mình để có được một cô dâu, nhưng Đấng Christ đã phó tất cả Thân mình để chuộc mua Tân Nương của Ngài tại thập tự giá. Đức Chúa Trời đã mở sườn của A-đam, nhưng những kẻ tội lỗi đã đâm vào hông Đấng Christ. Vậy nên một cặp vợ chồng được kết hợp với nhau đến độ họ là “một thịt.” Sự hiệp nhất của họ thậm chí còn khăng khít hơn sự hiệp nhất của cha mẹ và con cái nữa. Sự hiệp nhất của tín đồ với Đấng Christ thậm chí còn khăng khít hơn và, không như hôn nhân của con người, sẽ trường tồn suốt cả cõi đời đời. Phao-lô kết thúc với một lời khuyên cuối cùng là người chồng yêu vợ mình và người vợ kính trọng chồng mình, tất cả mọi điều này cần đến năng quyền của Đức Thánh Linh.

Nếu những cặp vợ chồng Cơ Đốc có năng quyền của Thánh Linh vừa giúp mình, và gương của Đấng Christ khích lệ mình, tại sao quá nhiều cuộc hôn nhân Cơ Đốc lại thất bại? Có người đang ở ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời. Chỉ vì hai Cơ Đốc nhân quen biết nhau và hoà hợp nhau không có nghĩa là họ có nhiệm vụ phải cưới nhau. Trên thực tế, không phải mọi tín đồ đều phải lập gia đình. Đôi khi ý muốn của Đức Chúa Trời đối với một Cơ Đốc nhân là cứ ở độc thân (Mat 19:12 ICo 7:7-9). Thật sai trật nếu một tín đồ lấy một người ngoại, nhưng cũng sai trật nếu hai Cơ Đốc nhân lấy nhau ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời.

Nhưng ngay cả nếu hai Cơ Đốc nhân lấy nhau trong ý muốn của Đức Chúa Trời, họ vẫn phải cứ ở trong ý muốn Đức Chúa Trời nếu gia đình họ phải trở thành môi thông công sáng tạo như Đức Chúa Trời mong muốn. “Trái của Thánh Linh là tình yêu thương” (Ga 5:22) và nếu cả vợ lẫn chồng không bước đi trong Thánh Linh họ không thể nào san sẻ tình yêu thương của Đấng Christ, là tình yêu thương đã được mô tả thật tuyệt vời trong ICo 13:1-13. Gốc rễ của mọi nan đề trong hôn nhân là tội lỗi, và gốc rễ của mọi tội lỗi là sự ích kỷ. Sự thuận phục Đấng Christ và thuận phục nhau là phương cách duy nhất thắng hơn sự ích kỷ, vì khi chúng ta vâng phục, Đức Thánh Linh có thể đổ đầy chúng ta và giúp chúng ta có thể yêu thương nhau theo một cách thức hy sinh, thánh sạch, đem đến sự thoả mãn – là cách thức Đấng Christ đã yêu thương Hội Thánh.

Để kinh nghiệm sự đầy đầy Thánh Linh một người phải trước tiên có Thánh Linh – phải là một Cơ Đốc nhân. Kế đó phải có một ước muốn tôn vinh Đấng Christ cách chân thật, vì đây là lý do vì sao Đức Thánh Linh đã được ban xuống (Gi 16:14). Chúng ta không sử dụng Đức Thánh Linh Ngài sử dụng chúng ta. Phải có một sự khao khát sâu xa được sự đầy đầy của Đức Chúa Trời, một sự xưng nhận rằng không có năng quyền của Ngài chúng ta không thể nào làm theo ý muốn Ngài được. Chúng ta phải nhận lấy lời hứa của Gi 7:37-39: “Nếu người nào khát, hãy đến cùng Ta mà uống!” Bởi đức tin hãy phó dâng chính mình bạn cho Đấng Christ bởi đức tin hãy cầu xin Ngài để được sự đầy đầy của Đức Thánh Linh. Bởi đức tin hãy nhận lãnh. Khi bạn thấy chính mình đầy lòng vui mừng, đầy sự tạ ơn, và sẵn sàng vâng phục, bạn sẽ biết rằng Đức Chúa Trời đã nhậm lời.

Một yếu tố quan trọng nữa cần phải được xem xét. Thánh Linh của Đức Chúa Trời dùng Lời của Đức Chúa Trời để hành động trong đời sống chúng ta. Xin hãy đọc Co 3:16-4:1 và bạn sẽ thấy một đoạn Kinh Thánh tương đương với đoạn Kinh Thánh trong Ê-phê-sô của chúng ta. Và bạn sẽ nhận thấy là được đầy đầy Lời của Đức Chúa Trời sinh ra sự vui mừng, lòng biết ơn, và sự vâng phục. Nói cách khác, khi bạn được Lời Đức Chúa Trời cai trị lòng mình, bạn được đầy đầy Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Không chỉ những người làm chồng làm vợ, mà tất cả mọi Cơ Đốc nhân đều cần dành thời gian hàng ngày để cho Lời của Đấng Christ ngự trị trong họ cách phong phú, vì lúc ấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể hành động trong đời sống chúng ta để khiến chúng ta được vui mừng, cảm tạ, và thuận phục. Và điều này có nghĩa là thiên đàng trong gia đình – hay bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời có thể đặt để chúng ta.

10. SỐNG TRONG UY QUYỀN CỦA ĐẤNG CHRIST (Eph 6:1-9)

Sau khi xem một chương trình biểu diễn của ti vi về tuổi trẻ nổi loạn, một người chồng nói với vợ, “Thật là một cảnh hỗn độn! Thế hệ chúng ta đã làm lạc ở đâu vậy?” Người vợ trầm tĩnh đáp, “Chúng ta đã có con cái.”

Dường như bất cứ nơi nào chúng ta nhìn vào xã hội hiện đại, chúng ta đều thấy sự phản kháng, sự chia rẽ, và sự nổi loạn. Các cặp vợ chồng đang ly dị nhau con cái đang nổi loạn chống nghịch lại cha mẹ chúng và chủ nhân với công nhân đang tìm kiếm những giải pháp mới để tránh những vụ đình công và giữ cho máy móc công nghiệp hoạt động cách hữu hiệu. Chúng ta đã thử biện pháp giáo dục, pháp lý, và mọi biện pháp khác, nhưng không biện pháp nào có vẻ công hiệu cả. Giải pháp của Phao-lô đối với sự phản kháng trong gia đình và trong xã hội là sự tái sinh – một tấm lòng mới từ Đức Chúa Trời và một sự đầu phục mới đối với Đấng Christ và với nhau. Chương trình vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời là “hội hiệp muôn vật lại trong Đấng Christ” (Eph 1:10). Phao-lô cho thấy rằng sự hoà hiệp về tâm linh này bắt đầu trong đời sống của các Cơ Đốc nhân đã đầu phục uy quyền của Đấng Christ.

Trong phần này Phao-lô đã khuyên răn bốn nhóm Cơ Đốc nhân về cách thức họ có thể có sự hoà hiệp trong Đấng Christ.

1. Những người con Cơ-Đốc (Eph 6:1-3)

Phao-lô không bảo các bậc cha mẹ khuyên răn con cái đích thân ông làm việc ấy. Các con trẻ đang hiện diện trong hội chúng khi bức thư này được đọc lên. Liệu chúng hiểu tất cả mọi điều Phao-lô đã viết chẳng? Chúng ta có hiểu hết cả bức thư này chẳng? Các gia đình Cơ Đốc tham dự những buổi nhóm họp thờ phượng chung với nhau, và chắc chắn các bậc cha mẹ đã giải thích Lời Chúa với con cái khi chúng ở nhà. Ông nêu cho chúng bốn nguyên do vì sao chúng cần phải thuận phục cha mẹ mình:

Chúng là những Cơ Đốc nhân (“trong Chúa”). Lập luận này là một sự ứng dụng của chủ đề của cả phần này, đó là “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời mà vâng phục nhau” (5:21). Khi một người trở thành một Cơ Đốc nhân, người ấy không được giải thoát khỏi những nghĩa vụ bình thường của cuộc sống. Nếu có, thì đức tin của người ấy trong Đấng Christ cần phải khiến người ấy thành một đứa con tốt hơn trong gia đình. Với người Cô-lô-se Phao-lô làm cho lời khuyên của mình thêm mạnh mẽ với câu “vì điều đó đẹp lòng Chúa” (Co 3:20). Đây là sự hoà hiệp trong gia đình: người vợ thuận phục chồng “như thuận phục Đấng Christ” người chồng yêu vợ “như Đấng Christ cũng yêu Hội Thánh” và con cái vâng lời “trong Chúa.”

Sự vâng lời là hợp lẽ. Có một thứ tự trong thiên nhiên, được định bởi Đức Chúa Trời, là lập luận để biện minh cho sự hợp lẽ của một hành động. Vì cha mẹ đã sinh thành ra đứa con trong thế gian này, và vì họ hiểu biết nhiều hơn và khôn ngoan hơn đứa con, nên việc đứa con vâng lời cha mẹ mình là điều phải lẽ. Ngay cả các thú vật còn nhỏ cũng được dạy phải vâng lời.

Sự vâng lời là mệnh lệnh (Eph 6:1). Tại đây Phao-lô trích dẫn Điều răn Thứ Năm (Xu 20:12 Phu 5:16) và áp dụng nó với người tín đồ thời Tân Ước. Điều này không có nghĩa là Cơ Đốc nhân “ở dưới luật pháp,” vì Đấng Christ đã giải thoát chúng ta khỏi cả sự rủa sả lẫn ách nô lệ của Luật pháp (Ga 3:13 5:1). Nhưng sự công bình của Luật pháp vẫn còn là một sự mạc khải về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, và Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể thực hành sự công bình đó trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta (Ro 8:1-4). Tất cả Mười Điều răn đều được lặp lại trong Tân Ước để Cơ Đốc nhân tuân giữ ngoại trừ “Hãy nhớ giữ ngày Sa bát đừng làm nên ngày thánh.” Đối với một Cơ Đốc nhân thời Tân Ước việc không tôn kính cha mẹ mình cũng sai trật y như đối với một người Do Thái thời Cựu Ước vậy.

Việc “tôn kính” cha mẹ chúng ta mang nhiều ý nghĩa hơn là chỉ vâng lời họ. Nó có nghĩa là bày tỏ lòng kính trọng và tình yêu thương đối với họ, chăm sóc cho họ bao lâu mà họ còn cần đến chúng ta, và cố gắng đem vinh dự về cho họ bởi cách chúng ta sống. Một cặp vợ chồng trẻ đến gặp tôi về việc kết hôn, và tôi hỏi là cha mẹ họ có đồng ý với lễ cưới không. Họ bối rối nhìn nhau, rồi thú thật, “Chúng tôi đang hy vọng là ông sẽ không hỏi chúng tôi về việc ấy.” Tôi đã để ra một giờ sau đó cố gắng thuyết phục họ rằng cha mẹ họ có một đặc quyền được vui mừng trong sự kiện này, và nếu không cho họ hưởng quyền đó sẽ gây nên những vết thương lòng không bao giờ có thể lành được. “Ngay cả nếu họ chưa tin Chúa,” tôi nói, “họ là cha mẹ của các bạn, và các bạn mắc nợ họ về tình yêu thương và sự tôn kính.” Cuối cùng hai người đã đồng ý, và những điều chúng tôi cùng hoạch định khiến cho cả hai gia đình đều vui sướng. Nếu chúng tôi làm theo những kế hoạch ban đầu của cặp thanh niên này, thì cả hai người rất có thể đã mất đi lời chứng của mình với họ hàng hai bên, nhưng, thay vào đó, họ đã có thể làm chứng tốt cho Chúa Giê-xu Christ.

Sự vâng lời đem đến phước hạnh (Eph 6:2-3). Điều răn Thứ Năm có một lời hứa nối theo nó: “Hầu cho người được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người” (Xu 20:12). Lời hứa này từ buổi ban đầu áp dụng cho những người Do Thái khi họ tiến vào xứ Ca-na-an, nhưng Phao-lô ứng dụng nó cho tín đồ ngày nay. Ông thay thế chữ “xứ” (land) bằng chữ “đất” (earth) và cho chúng ta biết rằng người con Cơ Đốc tôn kính cha mẹ mình có thể trông mong hai phước hạnh. Người ấy sẽ được phước, và người ấy sẽ sống lâu trên đất. Điều này không có nghĩa là mọi người chết trẻ đều không tôn kính cha mẹ mình. Ông đang nêu lên một nguyên tắc: khi con cái vâng lời cha mẹ

mình trong Chúa, họ sẽ thoát được nhiều tội lỗi và hiểm họa và bởi đó tránh được những điều có thể đe dọa hoặc làm cho đời sống họ rút ngắn lại. Nhưng đời sống không chỉ đo bằng số lượng thời gian. Nó cũng được đo bằng tính chất của sự từng trải. Đức Chúa Trời làm cho đời sống của người con biết vâng lời được phong phú hơn cho dù người ấy có thể sống bao lâu trên đất đi nữa. Tội lỗi luôn tước đoạt của chúng ta sự vâng lời luôn khiến chúng ta thêm giàu có.

Thế nên, người làm con phải học tập vâng lời cha mẹ từ lúc còn nhỏ, không chỉ vì họ là cha mẹ mình, nhưng cũng vì Đức Chúa Trời đã ra lệnh như vậy. Không vâng lời cha mẹ là nổi loạn nghịch lại với Đức Chúa Trời. Tình trạng đáng buồn trong các gia đình ngày nay là kết quả của sự chối bỏ Lời Đức Chúa Trời (Ro 1:28-30 IITi 3:1-5). Theo bản tính, một đứa con thường ích kỷ, nhưng trong năng quyền của Đức Thánh Linh, một đứa con có thể vâng lời cha mẹ mình và tôn vinh Đức Chúa Trời.

2. Những người cha Cơ Đốc (Eph 6:4)

Nếu để một mình chúng, con cái sẽ là những kẻ nổi loạn, vì vậy các bậc cha mẹ cần phải uốn nắn con cái mình. Cách đây nhiều năm, vị Công tước của Windsor lúc đó đã nói, “Mọi thứ trong gia đình người Mỹ đều được điều khiển bởi những cái nút vặn – ngoại trừ bọn trẻ con!” Kinh Thánh ký thuật lại những hậu quả đau buồn của những bậc cha mẹ bỏ mặc con cái mình, hoặc do việc làm gương xấu cho chúng hoặc không chịu sửa phạt chúng cách đúng đắn. Đa-vít đã nuông chiều Áp-sa-lôm và làm gương xấu cho người, và hậu quả thật bi thương. Ê-li đã không chịu sửa phạt các con trai ông và chúng đem sự sỉ nhục đến cho danh tiếng ông và sự đại bại đến cho dân tộc Y-sơ-ra-ên. Vào những năm cuối đời mình, cả Y-sác cũng nuông chiều Ê-sau, trong khi vợ ông lại tỏ ra thiên vị Gia-cốp và kết quả là một gia đình bị phân rẽ. Gia-cốp đang tỏ ra thiên vị đối với Giô-sép khi Đức Chúa Trời bởi ơn thần hựu đã giải cứu chàng trai trẻ này và khiến chàng trở nên một người tiếng tăm tại xứ Ai Cập. Phao-lô cho chúng ta biết rằng người cha có nhiều trách nhiệm đối với con cái mình.

Người ấy không được chọc giận chúng. Vào thời của Phao-lô, người cha có thẩm quyền cao nhất trên gia đình. Chẳng hạn như khi một đứa bé được sinh ra trong một gia đình La Mã, nó được mang ra và đặt trước mặt người cha. Nếu người cha bồng nó lên, điều đó có nghĩa là ông chấp nhận nó vào trong gia đình. Nhưng nếu ông ta không bồng nó lên, điều đó có nghĩa là đứa bé bị khước từ. Nó có thể bị bán, bị cho đi, hay thậm chí chết do bị vứt bỏ ra ngoài đường. Chắc chắn tình yêu của một người cha sẽ thắng hơn những việc làm tàn ác như thế, nhưng những thói tục này là hợp pháp trong thời đó. Phao-lô nói với những bậc cha mẹ, “Chớ dùng thẩm quyền mình để ngược đãi, làm nhục con cái, nhưng hãy khích lệ và gây dựng nó.” Với tín hữu tại Cô-lô-se ông viết, “Hỡi kẻ làm cha, chớ hề chọc giận con cái mình, e nó ngã lòng chẳng” (Co 3:21). Vậy nên, trái với sự “khiêu chọc” là sự “khích lệ.”

Tôi đang giảng cho một nhóm sinh viên Cơ Đốc về đề tài cầu nguyện, và đang vạch ra rằng Cha trên trời của chúng ta luôn sẵn sàng lắng nghe khi chúng ta kêu cầu. Để minh họa điều đó, tôi bảo họ rằng cô lo việc tiếp tân ở văn phòng của Hội Thánh chúng tôi có một danh sách tên do tôi soạn ra, và những người này có thể đến với tôi vào bất cứ lúc nào dù tôi đang làm gì đi nữa. Ngay cả nếu tôi đang ở trong một cuộc họp ban trị sự, hay trong một buổi khai đạo, nếu bất kỳ ai trong những người này điện thoại đến, cô ta sẽ phải gọi tôi ngay lập tức. Đứng đầu danh sách này là gia đình tôi. Ngay cả nếu vấn đề dường như đối với tôi không quan trọng, tôi vẫn muốn gia đình tôi biết là tôi luôn sẵn sàng. Sau buổi nhóm, một trong các sinh viên nói với tôi, “Liệu ông có sẽ nhận cháu làm con nuôi không? Cháu chưa bao giờ có thể hiểu được bố cháu cách tường tận, và cháu cần sự khích lệ của ông ấy vô cùng!”

Những người làm cha khiêu chọc con cái mình và khiến chúng ngã lòng bởi việc nói một đằng mà làm một nẻo. Bởi việc cứ luôn trách mắng chớ không bao giờ khen ngợi. Bởi việc không kiên định và thiếu công bằng trong kỷ luật, và bởi việc tỏ ra thiên vị trong gia đình. Cũng bởi việc hứa hẹn nhưng không giữ lời hứa, và bởi việc xem nhẹ những vấn đề mà, đối với trẻ con, rất là quan trọng. Những bậc cha mẹ Cơ Đốc cần sự đầy đầy Thánh Linh để họ có thể nhạy bén đối với những nhu cầu và những nan đề của con cái mình.

Người ấy phải nuôi nấng chúng ta. Đoạn Kinh Thánh này ghi rằng “nhưng hãy dùng sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa mà nuôi nấng chúng ta.” Động từ được dịch là “nuôi nấng chúng ta” là chữ tương tự được dịch là “nuôi nấng săn sóc” trong Eph 5:29. Người chồng Cơ Đốc sẽ phải nuôi nấng săn sóc vợ và con cái mình bằng cách san sẻ tình yêu thương và sự khích lệ trong Chúa. Nuôi nấng con cái về mặt thể chất bằng cách cung cấp thức ăn, nhà ở, và quần áo cho chúng không, chưa đủ. Người ấy cũng phải nuôi nấng chúng ta về mặt tình cảm và tâm linh nữa. Sự phát triển của cậu bé Giê-xu là gương mẫu của chúng ta: “Chúa Giê-xu khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta” (Lu 2:52). Đây là sự tăng trưởng cân bằng: về lý trí, về thể lực, về tâm linh, và về xã hội. Không nơi nào trong Kinh Thánh mà việc dạy dỗ con cái được giao cho những tác nhân bên ngoài gia đình, dù cho những người này có thể trợ giúp ra sao đi nữa. Đức Chúa Trời trông mong những bậc cha mẹ đem đến cho con cái việc dạy dỗ mà chúng cần.

Người ấy phải sửa phạt chúng ta. Từ “nuôi nấng” chứa đựng ý tưởng của việc học tập qua sự trách phạt. Nó được dịch là “sự sửa phạt” trong He 12:1-11. Một số nhà tâm lý học hiện đại phản đối ý niệm sửa trị đã lỗi thời, và nhiều nhà giáo dục tuân theo triết lý của họ. “Hãy để con cái tự bộc lộ mình!” họ bảo chúng ta. “Nếu bạn sửa phạt chúng, bạn có thể làm cho tính cách của chúng bị sai lệch đi.” Thế nhưng sự sửa phạt là một nguyên tắc căn bản của đời sống và một chứng cứ của tình yêu thương. “*Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu*” (He 12:6). “Ai thương con ắt sửa trị nó cách chuyên cần” (Ch 13:24, dịch sát nghĩa).

Tuy nhiên, chúng ta phải chắc chắn rằng mình sửa phạt con cái cách đúng đắn. Đầu tiên, chúng ta phải sửa phạt trong sự yêu thương chứ không phải trong sự giận dữ, e chúng ta làm tổn thương đến thân thể hoặc tâm hồn của đứa con, hoặc có thể là cả hai. Nếu chúng ta không bị sửa phạt, chắc hẳn chúng ta không thể nào sửa phạt những người khác được, và “việc mất bình tĩnh” không bao giờ khiến cho hoặc đứa con hoặc người làm cha mẹ tốt hơn.

Cũng vậy, sự sửa phạt của chúng ta phải công bằng và trước sau như một. “Cha tôi sẽ dùng một cây sủng côi để giết một con muỗi!” một thiếu niên đã có lần nói với tôi. “Hoặc là tôi tránh được kẻ giết người, hoặc nhận lấy sự trách mắng về mọi chuyện!” Sự sửa phạt đầy yêu thương, trước sau như một đem lại sự tin chắc cho đứa con. Nó có thể không đồng ý với chúng ta, nhưng ít ra nó biết rằng chúng ta quan tâm đủ để xây lên những bức tường che chở quanh nó cho đến khi nó có thể tự lo lấy cho mình.

“Tôi không bao giờ biết mình có thể đi xa đến đâu,” một bé gái búng bình nói với tôi, “vì cha mẹ tôi không hề quan tâm đủ để sửa phạt tôi. Tôi hình dung là nếu điều đó không quan trọng đối với họ, tại sao nó lại cần phải quan trọng đối với tôi chứ?”

Người ấy phải dạy dỗ và khích lệ chúng ta. Đây là ý nghĩa của từ “khuyên bảo.” Bậc cha mẹ không chỉ dùng hành động để dạy con, mà cũng dùng cả lời nói nữa. Trong Sách Châm ngôn, chẳng hạn, chúng ta có một sự ký thuật đầy cảm hứng về một người cha dùng lời khuyên bảo khôn ngoan để dạy dỗ con trai mình. Con cái chúng ta không phải lúc nào cũng hiểu rõ giá trị sự khuyên dạy của chúng ta, nhưng điều đó không khiến chúng ta lơ đi bổn phận chúng ta phải dạy dỗ và khích lệ chúng. Dĩ nhiên, sự dạy dỗ của chúng ta phải luôn gắn chặt với Lời Đức Chúa Trời (ITi 3:13-17).

Khi Tòa án Tối cao ban bố quyết định chống lại sự cầu nguyện cần phải có trong các trường công, nhà vẽ tranh biếm họa báo nổi tiếng Herblock ấn hành một tranh biếm họa trong tờ Washington Post vẽ một người cha giận dữ đang vẫy một tờ báo trước mặt gia đình ông và la to, “Họ mong đợi chúng ta làm gì – lắng nghe những đứa trẻ cầu nguyện tại nhà à?” Câu trả lời là: Đúng vậy! Gia đình là nơi mà con cái cần phải học biết về Chúa và đời sống Cơ Đốc. Đã đến lúc các bậc cha mẹ Cơ Đốc chấm dứt “việc đổ trách nhiệm” cho các giáo viên Trường Chúa Nhật và các giáo viên trường Cơ Đốc, và khởi sự nuôi nấng săn sóc con cái mình.

3. Những người tôi tớ Cơ Đốc (Eph 6:5-8)

Từ “tôi tớ” chắc hẳn ám chỉ những người nô lệ Cơ Đốc, nhưng chúng ta hẳn nhiên có thể ứng dụng những từ này với công nhân Cơ Đốc ngày nay. Hầu như có khoảng sáu triệu nô lệ trong Đê

quốc La Mã vào thời đó, và chế độ nô lệ là một thể chế được chấp nhận. Không nơi nào trong Tân Ước mà bản thân chế độ nô lệ bị tấn công hay lên án, mặc dầu toàn bộ Phúc Âm đều chống lại nó. Chức vụ của Phao-lô không phải là lật đổ chính quyền La Mã hay bất cứ thể chế nào của nó, mà là rao giảng Phúc Âm và giành lấy những người hư mất cho Đấng Christ. Chắc hẳn những kết quả của việc truyền giảng của ông cuối cùng đã dẫn tới việc lật đổ Đế quốc La Mã, nhưng đó không phải là động cơ chính của Phao-lô. Giống như việc rao giảng của Wesley và Whitefield đưa đến kết quả là sự xoá bỏ chế độ nô lệ và lao động trẻ con, sự nâng cao phẩm giá của phụ nữ, và sự chăm sóc cho những kẻ thiếu thốn, vì thế chức vụ của Phao-lô góp phần vào sự chấm dứt của chế độ nô lệ và cổ vũ cho tự do. Tuy nhiên, ông cần trọng không lẫn lộn hệ thống xã hội với trật tự thuộc linh trong Hội Thánh (ICo 7:20-24).

Phao-lô khuyên những kẻ tội tở phải vâng lời, vì nhiều lý do tốt đẹp. Trước hết, họ đang thực sự hầu việc Đấng Christ. Thật vậy, họ có “chủ về phân xác,” nhưng người chủ thật sự của họ đang ở trên thiên đàng (Eph 6:9). Sự kiện một công nhân và chủ người ấy cả hai đều là Cơ Đốc nhân không phải là lý do bào chữa cho người này hoặc người kia làm ít việc hơn. Đúng hơn, đó là một lý do tốt để càng trung tín với nhau hơn. Người làm công cần phải tỏ lòng kính trọng phải lẽ đối với chủ mình, chớ đừng cố tìm cách lợi dụng người. Người ấy cần phải hết lòng hết sức mà làm công việc được giao phó (“sự chân thật của tâm lòng”). Cách tốt nhất để trở nên một chứng nhân trong công việc mình làm là làm tốt công việc mỗi ngày. Một nhân viên Cơ Đốc sẽ tránh “lối làm việc chiếu lệ” – chỉ làm việc khi người chủ đang để ý, hoặc làm việc thật cật lực khi ông ta đang theo dõi để tạo ấn tượng là mình đang làm công việc rất tốt.

Lý do thứ nhì là làm tốt một công việc là ý muốn của Đức Chúa Trời. Cơ Đốc giáo không biết điều gì là thiêng liêng và thế tục. Một Cơ Đốc nhân có thể thực hiện bất cứ việc lành nào như một sự hầu việc Đấng Christ, nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời. Vì lý do này, người làm công phải làm công việc mình “hết lòng,” vì người ấy đang hầu việc Đấng Christ và đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Có những nhiệm vụ được giao cho những nô lệ này mà họ không thích, nhưng họ sẽ phải thực hiện chúng y như vậy, miễn là họ không đang bất tuân ý chỉ của Đức Chúa Trời. “Sự chân thật của tâm lòng” và “việc làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời cách hết lòng” cả hai đều cho thấy tầm quan trọng của một thái độ đúng đắn của tâm lòng đối với công việc.

Lập luận thứ ba của Phao-lô là họ sẽ được Chúa ban thưởng (c.8). Vào thời đó, nô lệ bị đối xử như những món tài sản, dù họ có được giáo dục tốt đến đâu đi nữa. Một người nô lệ có học vấn, có văn hoá đã trở nên một Cơ Đốc nhân có thể nhận được cách đối xử thậm chí hà khắc hơn từ nơi chủ vì có đức tin của người ấy, nhưng cách đối xử khắc nghiệt sẽ không khiến người ấy không làm việc hết sức mình (IPhi 2:18-25). Chúng ta có bốn phân hầu việc Đấng Christ, chớ không phải hầu việc người ta. Chúng ta sẽ nhận lãnh phần thưởng của mình từ Đấng Christ, chớ không phải từ người ta.

Có lẽ bạn đã nghe câu chuyện của một nhà truyền giáo già đang trở lại quê hương sau nhiều năm hy sinh phục vụ tại Phi Châu. Trên cùng chuyến tàu là Tổng thống Theodore Roosevelt, đang trở về Mỹ sau một cuộc đi săn tại Châu Phi. Khi chuyến tàu cập bến tại New York, những đám đông chào mừng vị tổng thống, và báo chí có mặt tại đó để theo dõi câu chuyện. Vị giáo sĩ già cùng với vợ ông rời khỏi tàu cách lặng lẽ và đi nhanh về một khách sạn rẻ tiền để nghỉ qua đêm, trước khi đi tiếp về phía tây.

“Điều này hoàn toàn dường như không hợp lẽ!” nhà truyền giáo nói với vợ mình bằng một giọng khá cay đắng. “Chúng ta dâng đời sống mình ở Phi Châu để giành lấy linh hồn tội nhân về cho Đấng Christ, nhưng khi chúng ta về lại quê hương, không ai chào đón chúng ta và không có phần thưởng gì cả. Vị tổng thống sẵn được vài con thú và rồi ông nhận được một sự tiếp đón thật long trọng!”

Khi họ đang cầu nguyện trước khi nghỉ ngơi, dường như Chúa đã phán với họ rằng: “Các con của Ta, các con có biết vì sao mình chưa nhận được phần thưởng không? Đó là vì các con chưa về đến nhà thôi!”

4. Những người chủ Cơ Đốc (Eph 6:9)

Đức tin Cơ Đốc không mang lại sự hoà hiệp bằng cách xoá bỏ những khác biệt về xã hội hay văn hoá. Những người tội tở vẫn là những tội tở khi họ tin nhận Đấng Christ, và những người chủ vẫn là chủ. Đúng hơn, đức tin Cơ Đốc mang lại sự hoà hiệp bằng cách hành động trong tâm lòng. Đấng Christ ban cho chúng ta một động cơ thúc đẩy mới, chứ không phải một tổ chức mới. Cả tội tở lẫn người chủ đều đang hầu việc Chúa và cố tìm cách làm đẹp lòng Ngài, và theo cách này họ có thể cùng làm việc với nhau để tôn vinh Đức Chúa Trời. Trách nhiệm của một người chủ Cơ Đốc đối với người làm công của mình là gì?

Người ấy phải chăm tìm lợi ích của họ – “hãy đối đãi kẻ tội tở mình đồng một thể ấy.” Nếu người chủ mong đợi những người làm công nỗ lực hết sức cho mình, người ấy phải nỗ lực hết sức vì có họ. Người chủ phải hầu việc Chúa hết lòng nếu người ấy trông mong các tội tở mình làm điều tương tự. Người ấy không được bóc lột họ.

Một trong những gương mẫu vĩ đại nhất của điều này trong Kinh Thánh là Bô-ô trong Sách Ru-tơ. Ông chào hỏi những người làm công cho mình với câu, “Nguyện Đức Giê-hô-va ở cùng các người!” Và họ đáp, “Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho ông!” (Ru 2:4). Bô-ô nhạy bén đối với nhu cầu của những kẻ làm công cho ông và rộng rãi đối với khách lạ là Ru-tơ. Mỗi quan hệ giữa ông với những người làm công là một mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau và một sự mong ước tôn vinh Đức Giê-hô-va. Thật đáng tiếc khi một nhân viên nói, “Ông chủ của tôi cho rằng mình là một Cơ Đốc nhân, nhưng bạn sẽ không hề biết điều đó đâu!”

Người ấy không được ngăm dọa – Những người chủ La Mã có thể lực và uy quyền hợp pháp để giết một nô lệ nổi loạn, mặc dầu rất ít người làm điều đó. Những người nô lệ trị giá rất nhiều tiền nên không thể giết hại họ được. Phao-lô gợi ý là người chủ Cơ Đốc nên có một cách thức tốt hơn để khích lệ sự vâng lời và phục vụ hơn là những lời ngăm dọa trừng phạt. Sức mạnh của sự sợ hãi tiêu cực có thể đưa đến kết quả là người làm công làm việc ít đi thay vì nhiều thêm, và loại động cơ thúc đẩy này không thể nào được tiếp tục lâu dài. Càng tốt hơn nữa là sự thúc đẩy tích cực của “đều công bình chánh trực” (Co 4:1). Hãy để một người san sẻ những thành quả của sự lao nhọc mình và rồi người ấy sẽ làm việc tốt hơn và chăm chỉ hơn. Cả Cựu Ước cũng cho lời khuyên tương tự này: “Người chớ lán lướt mà khắc bạc họ, nhưng phải kính sợ Đức Chúa Trời người” (Le 25:43).

Người ấy phải vâng phục Chúa – “Chủ của anh em cũng ở trên trời” (6:9). Đây là việc thực hành uy quyền của Đấng Christ. Người vợ vâng phục chồng mình “như vâng phục Chúa” (Eph 5:22), và người chồng yêu vợ mình “như Đấng Christ cũng yêu thương Hội Thánh” (5:25). Con cái vâng phục cha mẹ mình “trong Chúa” (6:1), và cha mẹ nuôi nâng con cái mình “trong sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa” (6:4). Tội tở vâng phục “như vâng phục Chúa” (6:5), và những người làm chủ đối đãi với tội tở mình như “Chủ của họ ở trên trời” mong muốn họ làm. Mỗi người, trong sự vâng phục Chúa, không gặp khó khăn gì khi vâng phục những người trên mình.

Chúa Giê-xu cho biết cách để trở nên một người cai trị là trước tiên hãy trở nên một tội tở (Mat 25:21). Người nào không ở dưới thẩm quyền không có quyền thực thi thẩm quyền. Điều này giải thích vì sao nhiều người vĩ đại trong Kinh Thánh trước tiên đều là những tội tở trước khi Đức Chúa Trời lập họ làm những kẻ cai trị: Giô-sép, Mô-i-se, Giô-suê, Đa-vít, và Nê-hê-mi chỉ là một vài ví dụ. Ngay cả sau khi một người trở thành một người lãnh đạo, người ấy vẫn còn phải lãnh đạo bằng việc phục vụ. Một câu tục ngữ Châu Phi nói rằng, “Người đứng đầu là đây tở của mọi người.” “Và kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi các người” (Mat 20:27).

Một người bạn của tôi được đề bạt lên cương vị uỷ viên của ban quản trị và thật tiếc thay, điều này khiến anh sinh lòng kiêu ngạo. Anh tận hưởng mọi quyền hạn của mình với tư cách uỷ viên ban quản trị và hơn nữa, và không bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để nhắc nhở các nhân viên của mình ai đang đứng đầu. Nhưng anh ta đánh mất sự kính trọng của nhân viên mình, và sự sản xuất và năng suất giảm sút thật nhanh đến nỗi ban giám đốc đã phải thay người thế chỗ anh ta. Vì người bạn tôi quên rằng anh ta có một “Chủ ở trên trời,” nên anh ta đã không thể làm một người “chủ tốt ở trên đất.”

Người ấy không được xử sự thiên vị – Đức Chúa Trời không tây vị ai. Ngài sẽ đoán xét một người chủ hay một tội tở nếu người ấy phạm tội, hoặc Ngài sẽ ban thưởng một người chủ hay một tội tở nếu

người ấy vâng lời (c. 8). Một người chủ Cơ Đốc không thể thi hành các đặc quyền với Đức Chúa Trời chỉ vì có địa vị của mình người ấy cũng không nên xử sự thiên vị với những kẻ ở dưới thẩm quyền mình. Phao-lô nhắc nhở Ti-mô-thê hãy “giữ những điều đó, đừng in trí trước, phạm việc gì cũng chớ tây vị bên nào” (ITi 5:21). Một trong những cách nhanh nhất để một người lãnh đạo chia rẽ những kẻ theo mình và mất lòng tin của họ là người ấy xử sự thiên vị và tỏ ra bất công.

Điều này kết thúc phần chúng ta gọi là “Hãy bước đi trong sự hài hoà.” Nếu chúng ta đầy dẫy Đức Thánh Linh và đầy sự vui mừng, đầy lòng cảm tạ, và sẵn sàng vâng phục, thì chúng ta có thể tận hưởng sự hài hoà trong những mối quan hệ của đời sống khi chúng ta sống và làm việc với những Cơ Đốc nhân khác. Chúng ta cũng sẽ thấy dễ dàng hơn khi làm việc với và làm chứng cho những người chưa tin Chúa là những người có thể bất đồng với chúng ta. Bông trái của Thánh Linh là tình yêu thương, và tình yêu thương là sợi dây nối kết vĩ đại nhất trên thế gian này!

11. BẠN HIỆN ĐANG Ở TRONG QUÂN ĐỘI! (Eph 6:10-24)

Không sớm thì muộn mọi tín hữu đều khám phá rằng đời sống Cơ Đốc là một bãi chiến trường, chớ không phải một sân chơi, và người ấy đối diện một kẻ thù vốn mạnh mẽ hơn mình nhiều – ngoài ra Chúa. Việc Phao-lô dùng quân đội để minh họa sự xung đột giữa người tín đồ với Sa-tan là hợp lý. Bản thân ông đã bị xiềng vào một tên lính La Mã (6:20), và độc giả của ông chắc hẳn quen thuộc với những người lính và các dụng cụ họ dùng. Trên thực tế, những hình ảnh minh họa liên quan đến quân sự là những điều Phao-lô ưa thích (ITi 2:3 4:7 ITi 6:12 IICo 10:4).

Là những Cơ Đốc nhân, chúng ta đương đầu ba kẻ thù: thế gian, xác thịt, và ma quỷ (Eph 2:1-3). “Thế gian” ám chỉ hệ thống chung quanh chúng ta chống nghịch với Đức Chúa Trời, phục vụ cho “sự mê tham của xác thịt, và sự mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời” (IGi 2:15-17). “Xã hội tách biệt khỏi Đức Chúa Trời” là một định nghĩa đơn giản, nhưng chính xác về “thế gian.” “Xác thịt” là bản tính cũ mà chúng ta kế thừa từ A-đam, một bản tính chống nghịch với Đức Chúa Trời và không thể làm bất cứ điều gì có tính cách thuộc linh để đẹp lòng Đức Chúa Trời. Bởi sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ, Ngài đã đắc thắng thế gian (Gi 16:33 Ga 6:14), xác thịt (Ga 2:20 Ro 6:1-6), và ma quỷ (Eph 1:19-23). Nói cách khác, là tín đồ, chúng ta không chiến đấu để có chiến thắng – chúng ta chiến đấu từ chiến thắng! Thánh Linh của Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, bởi đức tin, để giành lấy sự đắc thắng của Đấng Christ cho chính mình.

Trong những câu kết của bức thư, Phao-lô bàn về bốn đề tài để các độc giả của ông có thể bước đi trong sự đắc thắng bởi việc thấu hiểu và áp dụng những chân lý này.

1. Kẻ thù (Eph 6:10-12)

Các quân đoàn tình báo giữ một phần quan trọng trong cuộc chiến vì nó giúp các sĩ quan có thể biết và hiểu được kẻ thù. Nếu chúng ta không biết kẻ thù là ai, nó ở đâu, và nó có thể làm gì, chúng ta phải khó khăn lắm trong việc đánh bại kẻ thù. Không chỉ trong Ê-phê-sô 6, nhưng trong suốt cả Kinh Thánh, Đức Chúa Trời chỉ dạy chúng ta về kẻ thù, vì thế không có lý do gì để chúng ta bị bất gặp là thiếu cảnh giác.

Kẻ lãnh đạo – ma quỷ. Kẻ thù có nhiều tên gọi khác nhau. Ma quỷ có nghĩa là “kẻ kiêu cao,” vì nó ngày đêm kiêu cao dân sự của Đức Chúa Trời trước ngôi Đức Chúa Trời (Kh 12:7-11). Sa-tan có nghĩa là “kẻ đối địch,” vì nó là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Nó cũng được gọi là kẻ cám dỗ (Mat 4:3), và kẻ giết người và kẻ nói dối (Gi 8:44). Nó được ví sánh với con sư tử (IPhi 5:8), con rắn (Sa 3:1 Kh 12:9), và thiên sứ sáng láng (IICo 11:13-15), cũng như là “chúa của đời này” (IICo 4:4).

Tạo vật thần linh này, kẻ luôn tìm cách chống nghịch Đức Chúa Trời và đánh bại công việc của Ngài, đến từ đâu? Nhiều nhà nghiên cứu tin rằng trong sự tạo dựng nguyên thủy, nó là “Lu-ci-phe con trai của sáng sớm” (Es 14:12-15) và nó đã bị quăng xuống vì có sự kiêu ngạo mình và lòng ham muốn chiếm ngai vị của Đức Chúa Trời. Nhiều điều bí ẩn có liên hệ tới nguồn gốc của Sa-tan, nhưng nó đang làm gì và nó đang đi đâu chắc hẳn không có gì là bí ẩn cả! Vì nó là một vật thọ tạo, chớ không còn đời đời (như Đức Chúa Trời), nên nó bị giới hạn trong sự hiểu biết và hoạt động của mình.

Không như Đức Chúa Trời, Sa-tan không toàn tri, toàn năng, hoặc có mặt ở khắp mọi nơi. Vậy thì làm thế nào nó hoàn tất rất nhiều việc trong rất nhiều phần khác nhau của thế giới? Câu trả lời là nhờ những kẻ trợ giúp có tổ chức của nó.

Những kẻ trợ giúp của Sa-tan. Phao-lô gọi chúng là “các chủ quyền . . . các thế lực . . . các vua chúa của thế gian . . . các thần dữ ở các miền trên trời” (c.12). Charles B. William dịch câu này là: “Vì chúng ta chiến đấu không phải với những kẻ thù là con người mà thôi, mà còn với các vua chúa, các kẻ cầm quyền, và các thế lực trên không trung của thế gian tối tăm này tức là, với các lực lượng thần linh gian ác thách thức chúng ta trong cuộc chiến đấu ở trên trời” (Tân Ước trong Ngôn ngữ của Mọi người). Điều này ám chỉ một đạo quân rõ ràng gồm các tạo vật thuộc ma quỷ hỗ trợ cho Sa-tan trong những cuộc tấn công của nó vào các tín đồ. Sứ đồ Giăng ám chỉ rằng một phần ba thiên sứ đã sa ngã với Sa-tan khi nó phản loạn nghịch cùng Đức Chúa Trời (Kh 12:4), và Đa-ni-ên đã viết rằng các thiên sứ của Sa-tan chống trả với các thiên sứ của Đức Chúa Trời để giành quyền kiểm soát công việc của các nước (Da 10:13-20). Một trận chiến thuộc linh đang diễn ra trên thế giới này, và trong phạm vi của “các miền trên trời,” và bạn cùng tôi là một phần của cuộc chiến này. Việc nhìn biết này khiến cho “việc bước đi trong sự đắc thắng” là một điều quan trọng sống còn đối với chúng ta – và cả đối với Đức Chúa Trời.

Điểm quan trọng là cuộc chiến của chúng ta không phải chống lại những con người. Nó chống lại những thế lực thuộc linh. Chúng ta đang phí thời gian chống trả với con người trong khi chúng ta lẽ ra cần phải đang chiến đấu chống lại ma quỷ là kẻ cố tìm cách không chế con người và khiến họ chống nghịch lại công việc của Đức Chúa Trời. Trong suốt chức vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô, một cuộc dấy loạn đã diễn ra có thể đã huỷ diệt Hội Thánh (Cong 19:21-41). Điều này không chỉ do Đê-mê-triu và những kẻ đồng bọn của hắn gây ra, vì đằng sau chúng là Sa-tan và đồng bọn của nó. Chắc hẳn Phao-lô và Hội Thánh đã cầu nguyện, và sự chống đối đã được dẹp yên. Lời vua Sy-ri khuyên các lính chiến của người có thể được áp dụng cho cuộc chiến thuộc linh của chúng ta: “Các người chớ áp đánh ai bất kỳ lớn hay nhỏ, nhưng chỉ một mình vua mà thôi” (IVua 22:31).

Những khả năng của Sa-tan. Những lời khuyên Phao-lô nêu lên cho thấy rằng Sa-tan là một kẻ thù mạnh mẽ (c.10-12), và chúng ta cần năng quyền của Đức Chúa Trời để có thể cự địch lại nó. Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền lực của ma quỷ. Nó không được ví sánh với một con sư tử hay một con rồng chỉ cho vui mà thôi! Sách Gióp thuật lại những gì quyền lực của nó có thể thực hiện trên thân thể, gia đình, tài sản, và bạn hữu của một người. Chúa Giê-xu gọi Sa-tan là một kẻ trộm đã đến “để cướp giết và huỷ diệt” (Gi 10:10). Sa-tan không chỉ mạnh, mà nó cũng khôn ngoan và quỷ quyệt, và chúng ta chống cự lại “những mưu chước của ma quỷ.” Mưu chước có nghĩa là “sự xảo quyệt, gian xảo, mảnh khoé xảo trá, mưu mô.” Cơ Đốc nhân không thể nào “không biết gì về mưu chước của nó” (II Co 2:11). Một số người xảo quyệt và lăm mảnh khoé và “rình rập để lừa đảo” (Eph 4:14), nhưng đằng sau họ là kẻ dối gạt tinh quái, tức Sa-tan. Nó giả mạo làm thiên sứ sáng láng (II Co 11:14) và tìm cách làm tâm trí con người bị đui mù đối với chân lý của Lời Đức Chúa Trời. Sự kiện Phao-lô dùng từ đánh trận (vật lộn) ám chỉ là chúng ta tham dự vào một trận chiến tay đôi chớ không chỉ là những khán giả tại một cuộc thi đấu. Sa-tan muốn sử dụng kẻ thù bên ngoài chúng ta, tức thế gian, và kẻ thù bên trong chúng ta, tức xác thịt, để đánh bại chúng ta. Vũ khí và những kế hoạch chiến trận của nó thật dễ sợ.

2. Những sự trang bị (Eph 6:13-17)

Vì chúng ta đang chiến đấu chống lại những kẻ thù trong thế giới thần linh, chúng ta cần sự trang bị đặc biệt để vừa tấn công vừa phòng thủ. Đức Chúa Trời đã cung cấp “cả bộ áo giáp” cho chúng ta, và chúng ta không dám bỏ quên bất kỳ bộ phận nào. Sa-tan tìm kiếm vùng nào không được canh phòng để có thể len lỏi vào được (Eph 4:27). Phao-lô truyền cho độc giả của mình hãy mặc áo giáp vào, cầm lấy các khí giới, và cự địch lại Sa-tan, tất cả mọi điều này chúng ta làm bởi đức tin. Nhận biết rằng Đấng Christ đã thắng hơn Sa-tan rồi, và áo giáp cùng những khí giới thuộc linh đã được sắm sẵn, bởi đức tin chúng ta tiếp nhận những gì Đức Chúa Trời ban cho mình và đi ra đối đầu với kẻ thù. Ngày thì xấu, và kẻ thù thì gian ác, nhưng “nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Ro 8:31).

Thắt lưng bằng chân lý (Eph 6:14) – Sa-tan là một kẻ nói dối (Gi 8:44), nhưng người tín đồ có đời sống được chân lý cai quản sẽ đánh bại nó. Cái thắt lưng giữ chặt các phần khác của bộ áo giáp lại với nhau, và chân lý là sức mạnh đem đến một sự hiệp nhất trong đời sống của Cơ Đốc nhân đặc thắng. Một người với một phẩm hạnh tốt, một lương tâm trong sạch, có thể đối diện kẻ thù mà không hề sợ hãi. Cái thắt lưng cũng giữ lấy thanh gươm. Nếu chúng ta không làm theo chân lý, chúng ta không thể nào sử dụng Lời của chân lý. Một khi một lời dối trá len lỏi vào đời sống một tín đồ, mọi thứ bắt đầu sai trật. Suốt hơn một năm, Vua Đa-vít đã nói dối về tội lỗi của mình với Bát-sê-ba, và mọi sự đều không như ý ông muốn. Thi 32:1-11 và 51:1-19 cho biết cái giá ông phải trả.

Giáp của sự công bình (Eph 6:14) – Phần này của bộ áo giáp, được làm bằng những tấm kim loại hoặc những dây xích kim loại, che phủ thân từ cổ đến thắt lưng, cả trước lẫn sau. Nó tượng trưng cho sự công bình trong Đấng Christ của người tín đồ (II Co 5:21) cũng như đời sống công bình trong Đấng Christ của người ấy (Eph 4:24). Sa-tan là kẻ kiêu căng, nhưng nó không thể kiêu căng người tín đồ đang sống một đời sống tin kính trong năng quyền của Thánh Linh. Đời sống mà chúng ta sống hoặc khiến chúng ta mạnh mẽ hơn để chống lại những sự tấn công của Sa-tan, hoặc khiến nó dễ dàng đánh bại chúng ta hơn (II Co 6:1-10). Phao-lô cũng đề cập đến áo giáp (6:7). Khi Sa-tan kiêu căng Cơ Đốc nhân, thì chính sự công bình của Đấng Christ bảo đảm cho người tín đồ về sự cứu rỗi của người ấy. Nhưng địa vị công bình của chúng ta trong Đấng Christ, nếu không có việc làm theo sự công bình trong đời sống hàng ngày, thì chỉ tạo cơ hội để Sa-tan tấn công chúng ta mà thôi.

Giày dép của Phúc Âm (Eph 6:15) – Người lính La Mã mang giày có đinh đầu to đóng vào đế để người ấy có thể đứng vững vàng khi đánh trận. Nếu chúng ta muốn “đứng” và “trụ lại,” thì chúng ta cần giày dép của Phúc Âm. Vì chúng ta có sự bình an với Đức Chúa Trời (Ro 5:1) đến từ Phúc Âm, chúng ta không cần phải sợ hãi sự tấn công của Sa-tan hoặc con người. Chúng ta phải hoà thuận với Đức Chúa Trời, và với nhau, nếu chúng ta muốn đánh bại ma quỷ (Gia 4:1-7). Nhưng giày dép còn có một ý nghĩa khác. Chúng ta phải sẵn sàng mỗi ngày để chia sẻ Phúc Âm bình an với một thế giới hư mất. Cơ Đốc nhân đặc thắng nhất là một Cơ Đốc nhân đang làm chứng cho Chúa. Nếu chúng ta mang giày dép của Phúc Âm, thì chúng ta có “đôi chân xinh đẹp” được đề cập trong Es 52:7 và Ro 10:15. Sa-tan đã tuyên chiến, nhưng bạn và tôi là những sứ giả giảng hoà (II Co 5:18-21) và như thế, chúng ta đem Phúc Âm bình an đến bất cứ nơi nào mình đi.

Thuần đức tin (Eph 6:16) – Cái thuẫn thì lớn, thường có diện tích khoảng 1m3 x 0m6, làm bằng gỗ, và phủ bằng loại da bền. Khi người lính giữ cái thuẫn phía trước mình, nó che chở người ấy khỏi những mũi giáo, tên, và “tên lửa.” Những cạnh của các thuẫn này được chế thật kỹ đến độ nguyên một hàng lính chiến có thể cài những cái thuẫn sát vào nhau và xông vào kẻ thù như một bức tường vững chắc. Điều này ám chỉ là Cơ Đốc nhân chúng ta không đánh trận cách đơn độc. “Đức tin” đề cập ở đây không phải là đức tin cứu rỗi, nhưng là đức tin sống động, một sự tin cậy vào lời hứa và năng quyền của Đức Chúa Trời. Đức tin là một khí giới phòng thủ để che chở chúng ta khỏi những tên lửa của Sa-tan. Vào thời của Phao-lô, những mũi tên, nhúng vào trong một chất dễ cháy nào đó và đốt lên, được bắn vào quân thù. Sa-tan bắn “những tên lửa” vào tâm lòng và tâm trí của chúng ta: những lời dối trá, những ý tưởng báng bổ, những tư tưởng ghen ghét đối với người khác, những sự nghi ngờ, và những ham muốn mãnh liệt đối với tội lỗi. Nếu chúng ta không bởi đức tin mà dập tắt những tên này, chúng sẽ nhen một ngọn lửa trong lòng chúng ta và chúng ta sẽ bất tuân Đức Chúa Trời. Chúng ta không bao giờ biết Sa-tan sẽ bắn tên vào chúng ta khi nào, vì vậy chúng ta phải luôn bước đi bởi đức tin và sử dụng thuẫn đức tin.

Mão trụ của sự cứu rỗi (Eph 6:17) – Sa-tan muốn tấn công vào tâm trí, theo cách nó đã đánh bại Ê-va (Sa 3:1-24 II Co 11:1-3). Chiếc mũ ám chỉ tâm trí được Đức Chúa Trời cai quản. Thật quá tai hại là nhiều Cơ Đốc nhân có ý tưởng rằng trí tuệ không quan trọng, trong khi trên thực tế nó đóng một vai trò chủ yếu trong sự trưởng thành, hầu việc, và đặc thắng của Cơ Đốc nhân. Khi Đức Chúa Trời cai quản tâm trí, Sa-tan không thể dẫn người tín đồ đi lạc đường được. Cơ Đốc nhân nghiên cứu Kinh Thánh và học biết ý nghĩa của những giáo lý trong Kinh Thánh sẽ không bị dẫn lạc đường cách quá dễ dàng. Chúng ta cần được “dạy dỗ trong Ngài y theo chân lý trong Đức Chúa Giê-xu” (Eph 4:21). Chúng ta phải tấn tới trong ân điển, và trong sự thông biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Chúa Giê-xu Christ” (II Phi 3:18). Bất cứ nơi nào Phao-lô phục sự Chúa, ông đều dạy những người mới trở

lại đạo những chân lý của Lời Đức Chúa Trời, và chiếc mào này che chở họ khỏi những lời dối gạt của Sa-tan.

Một buổi chiều Chúa nhật nọ, tôi đến thăm một người đã từng là một chấp sự tại một Hội Thánh địa phương, nhưng vào lúc ấy đang dính líu với một tà giáo. Chúng tôi ngồi tại bàn với những quyển Thánh Kinh mở ra, và tôi cố gắng chỉ cho ông ta thấy chân lý của Lời Đức Chúa Trời, nhưng dường như tâm trí ông ta đã bị những lời dối trá làm cho mù loà. “Làm thế nào mà ông lại xoay khỏi một Hội Thánh rao giảng Lời Kinh Thánh và bị cuốn hút vào sự tin tưởng này vậy?” Tôi hỏi, và câu trả lời của ông ta khiến tôi sửng sốt.

“Thưa Mục sư, theo tôi lỗi là do Hội Thánh. Tôi không biết gì về Kinh Thánh, nhưng họ không dạy cho tôi nhiều hơn. Tôi muốn học Kinh Thánh, nhưng không ai chỉ cho tôi học cách nào. Rồi họ bầu tôi làm một chấp sự, còn tôi lại chưa sẵn sàng với chức vụ đó. Nó quá sức tôi. Tôi nghe người này giảng dạy Kinh Thánh trên ra đi ô và dường như thể ông ta biết một điều gì đó. Tôi khởi sự đọc tạp chí của ông ta và nghiên cứu sách của ông, và giờ thì tôi đoán chắc rằng ông ta đúng.”

Thật là một điều đau buồn khi Hội Thánh địa phương của ông ta đã nhận ông ta vào, vì họ không chịu chuẩn bị ông ta để thích hợp với mào trụ của sự cứu rỗi. Nếu mà họ đã làm theo chân lý tìm thấy trong ITi 2:2, thì người này có thể đã không trở thành một nạn nhân trong chiến trận.

Gươm của Thánh Linh (Eph 6:17) – là khí giới để tấn công Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Người lính La Mã mang trên thắt lưng mình một thanh gươm ngắn dùng để cận chiến. He 4:12 so sánh Lời Đức Chúa Trời như một thanh gươm, vì nó sắc bén và có thể đâm thấu vào người bề trong giống như một thanh gươm thật đâm thấu vào thân thể. Bạn và tôi bị “đâm thấu vào lòng” (Cong 2:37 5:33) khi Lời Chúa cáo trách chúng ta về tội lỗi mình. Phi-e-rơ đã cố gắng dùng gươm để bảo vệ Chúa Giê-xu trong Vườn (Lu 22:47-51) nhưng ông học được vào ngày lễ Ngũ Tuần rằng “gươm của Thánh Linh” thực hiện một công tác tốt đẹp hơn nhiều. Môi-se đã cố gắng chiến thắng bằng một thanh gươm thật (Xu 2:11-15), chỉ để khám phá rằng chỉ Lời Đức Chúa Trời thôi là quá đủ để đánh bại xứ Ai Cập.

Một thanh gươm cụ thể đâm thấu vào thân thể, nhưng Lời Đức Chúa Trời đâm thấu tâm lòng. Càng sử dụng gươm thuộc thể càng bị lụi đi, nhưng việc sử dụng Lời Đức Chúa Trời chỉ làm cho lời ấy sắc bén hơn trong đời sống chúng ta. Một thanh gươm vật chất cần đến bàn tay của một người lính, nhưng gươm của Thánh Linh tự nó có năng quyền, vì nó là “sống và linh nghiệm” (He 4:12). Thánh linh viết ra Lời Đức Chúa Trời, và Thánh Linh sử dụng Lời ấy khi chúng ta nhận lấy nó bởi đức tin và sử dụng nó. Một thanh gươm cụ thể gây thương tích để làm hại và giết chết, trong khi gươm của Thánh Linh gây thương tích để chữa lành và ban cho sự sống. Nhưng khi chúng ta sử dụng gươm chống lại Sa-tan, chúng ta kiên quyết giảng cho nó một đòn để nó sẽ phải bại xuống và giữ nó khỏi cản trở công việc của Đức Chúa Trời.

Khi Đấng Christ bị Sa-tan cám dỗ trong đồng vắng, Ngài sử dụng gươm của Thánh Linh và đã đánh bại kẻ thù. Ba lần Chúa Giê-xu phán, “Có chép rằng” (Lu 4:1-13). Hãy lưu ý là Sa-tan cũng có thể trích dẫn Lời Chúa: “vì có chép rằng” (Lu 4:10), nhưng nó không trích dẫn hoàn toàn. Sa-tan cố gắng dùng Lời của Đức Chúa Trời để làm chúng ta rối rắm, vì thế điều quan trọng là chúng ta phải biết mọi lời mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Có người đã nói “bạn có thể dùng Kinh Thánh để chứng minh bất cứ điều gì,”. Đúng vậy – nếu bạn lấy những câu Kinh Thánh ra khỏi mạch văn, bỏ qua một số từ ngữ, và áp dụng những câu ấy cho Cơ Đốc nhân ngày nay điều mà thật sự không áp dụng được. Càng biết Lời Đức Chúa Trời tận tường hơn, bạn sẽ càng dễ dàng nhận ra những sự dối trá của Sa-tan hơn và dễ dàng khước từ những đề nghị của nó hơn.

Về một ý nghĩa, “cả bộ áo giáp của Đức Chúa Trời” là một hình ảnh của Chúa Giê-xu Christ. Đấng Christ là chân lý (Gi 14:6), và Ngài là sự công bình của chúng ta (ICo 5:21) và sự hoà hiệp của chúng ta (Eph 2:14). Sự thành tín của Ngài khiến đức tin của chúng ta có thể thành hiện thực (Ga 2:20) Ngài là sự cứu rỗi của chúng ta (Lu 2:30) và Ngài là Lời của Đức Chúa Trời (Gi 1:1,14). Điều này có nghĩa là khi chúng ta tin cậy Đấng Christ, chúng ta đã nhận lãnh áo giáp này. Phao-lô truyền dạy các tín hữu ở thành Rô-ma phải làm gì với bộ áo giáp này (Ro 13:11-14): hãy thức dậy (c.11), từ bỏ tội lỗi, và “mặc lấy áo giáp sáng láng” (c.12). Chúng ta làm điều này bằng cách “mặc lấy Chúa Giê-xu

Christ” (c.14). Bởi đức tin, hãy mặc lấy áo giáp và tin cậy Đức Chúa Trời để có sự chiến thắng. Một lần nữa, chúng ta đã mặc lấy áo giáp vào lúc được cứu. Nhưng phải có một sự nhận lấy cho chính mình hàng ngày. Khi Vua Đa-vít cởi áo giáp ra và trở về cung điện của mình, ông ở trong tình trạng hiểm nguy hơn nhiều so với khi ông ở ngoài chiến trường (II Sa 11:1-27). Chúng ta không bao giờ ở ngoài tâm hoạt động của mưu chước Sa-tan cả, vì thế chúng ta không bao giờ được thiếu cả bộ áo giáp của Đức Chúa Trời.

3. Năng lực (Eph 6:18-20)

Sự cầu nguyện là năng lực khiến người chiến sĩ Cơ Đốc có thể mặc áo giáp và sử dụng gươm. Chúng ta không thể nào đánh trận bằng sức riêng của mình được, dù cho chúng ta có thể cho rằng mình mạnh mẽ hay tài giỏi đến đâu đi nữa. Khi dân A-ma-léc tấn công dân Y-sơ-ra-ên, Môi-se đi lên núi để cầu nguyện, trong khi Giô-suê dùng gươm chiến đấu dưới trướng (Xu 17:8-16). Phải cần cả hai để đánh bại A-ma-léc – sự cầu thay của Môi-se trên núi, và việc dùng gươm chiến đấu của Giô-suê nơi trướng. Sự cầu nguyện là năng lực để chiến thắng, nhưng không phải bất cứ loại cầu nguyện nào. Phao-lô cho chúng ta biết phải cầu nguyện như thế nào nếu chúng ta muốn đánh bại Sa-tan.

Hãy cầu nguyện luôn luôn. Điều này hiển nhiên không có nghĩa là “miệng luôn luôn cầu nguyện.” Chúa không nghe chúng ta vì chúng ta “nói nhiều” (Mat 6:7). “Hãy cầu nguyện không thôi” (ITe 5:17) dạy chúng ta, “Hãy luôn ở trong mối tương giao với Chúa. Chớ gác ống nghe lên máy!” Khi bạn cầu nguyện đừng bao giờ cần phải nói rằng, “Lạy Chúa, chúng con đến trong sự hiện diện của Ngài” vì bạn không bao giờ rời khỏi sự hiện diện của Chúa cả! Một Cơ Đốc nhân phải “cầu nguyện luôn” vì người ấy luôn đối diện với những sự cám dỗ và những sự tấn công của ma quỷ. Một cuộc tấn công bất ngờ đánh bại nhiều tín đồ là những người đã quên “cầu nguyện không thôi.”

Hãy làm đủ mọi thứ cầu nguyện và nài xin. Có nhiều loại cầu nguyện: khẩn nguyện, kêu van, cầu thay, tạ ơn (Phi 4:6 ITi 2:1). Người tín đồ cầu nguyện chỉ để cầu xin điều này điều khác đang bỏ mất những phước hạnh có được do sự cầu thay và cảm tạ. Trên thực tế, việc cảm tạ là một vũ khí cầu nguyện lớn lao để đánh bại Sa-tan. “Sự ngợi khen làm thay đổi mọi việc” cũng y như “lời cầu nguyện làm thay đổi mọi việc.” Sự cầu thay cho người khác có thể đem đến sự đắc thắng cho đời sống riêng của chúng ta. “Vâng, khi Gióp đã cầu nguyện cho bạn hữu mình rồi, Đức Giê-hô-va bèn đem người ra khỏi cảnh khốn người” (Giop 42:10).

Hãy cầu nguyện trong Thánh Linh. Công thức của Thánh Kinh là chúng ta cầu nguyện với Đức Chúa Cha, qua Đức Chúa Con, và trong Đức Thánh Linh. Ro 8:26-27 cho chúng ta biết rằng chỉ trong năng quyền của Thánh Linh chúng ta mới có thể cầu xin trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu không, sự cầu xin của chúng ta có thể ích kỷ và ra ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong đền tạm thời Cựu Ước, có một bàn thờ nhỏ bằng vàng đặt trước bức màn, và thầy tế lễ dâng hương tại đây (Xu 30:1-10 Lu 1:1-11). Hương thơm là một hình ảnh của lời cầu nguyện. Nó phải được pha trộn theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, chớ không thể do con người giả mạo được. Lửa trên bàn thờ là hình ảnh của Đức Thánh Linh, vì chính Ngài nhận lấy những lời cầu xin của chúng ta và đốt cháy chúng trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Có thể lắm chúng ta cầu nguyện cách nhiệt thành trong xác thịt và không bao giờ đến được với Đức Chúa Trời. Cũng có thể lắm chúng ta cầu nguyện cách yên lặng trong Thánh Linh và nhìn thấy bàn tay Đức Chúa Trời thực hiện nhiều điều lớn lao.

Hãy cầu nguyện trong sự tỉnh thức. Thức canh có nghĩa là “giữ cảnh giác.” Câu “thức canh và cầu nguyện” thường thấy trong Kinh Thánh. Khi Nê-hê-mi đang xây sửa những bức tường thành của Giê-ru-sa-lem, và kẻ thù đang cố gắng khiến công việc phải dừng lại, Nê-hê-mi đã đánh bại kẻ thù bằng cách thức canh và cầu nguyện. “Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời chúng tôi, và lập kẻ canh giữ” (Ne 4:9). “Hãy thức canh và cầu nguyện” là bí quyết của sự đắc thắng đối với thế gian (Mac 13:33), xác thịt (Mac 14:38), và ma quỷ (Eph 6:18). Phi-e-rơ ngủ gục khi đang lễ ra ông phải đang cầu nguyện, và kết quả là sự chiến thắng của Sa-tan (Mac 14:29-31, 67-72). Đức Chúa Trời mong đợi chúng ta sử dụng những sự khôn ngoan do Ngài ban cho chúng ta, nhờ Thánh Linh dẫn dắt, để chúng ta nhận ra Sa-tan khi nó đang bắt đầu hành động.

Hãy cầu nguyện bền đỗ. Từ kiên trì đơn giản có nghĩa là “bám lấy nó chớ không bỏ đi.” Những tín đồ ban đầu đã cầu nguyện theo cách này (Cong 1:14 2:42 6:4) và chúng ta cũng cần phải cầu nguyện theo cách này (Ro 12:12). Sự bền đỗ trong sự cầu nguyện không có nghĩa là chúng ta đang cố nắm lấy cánh tay của Đức Chúa Trời, nhưng đúng hơn là chúng ta đang quan tâm sâu xa và nặng lòng tốt độ và không thể yên nghỉ cho đến khi chúng ta nhận được sự đáp lời của Đức Chúa Trời. Như Robert Law đã nói, “Cầu nguyện không phải là việc làm cho ý muốn của con người được thực hiện ở trên trời nó là việc làm cho ý muốn của Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất này” (Những Thử nghiệm của Đời sống, Grand Rapids: Baker, 1968). Đa số chúng ta thôi cầu nguyện trước khi Đức Chúa Trời sắp ban cho chiến thắng. Không phải ai cũng có thể chất thật khoẻ mạnh để có thể chân thành dành trọn cả đêm trong sự cầu nguyện, nhưng tất cả chúng ta đều có thể bền đỗ trong sự cầu nguyện nhiều hơn điều mình đã làm. Hội Thánh ban đầu đã cầu nguyện không thôi khi Phi-e-rơ ở trong tù, và vào phút chót, Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu xin của họ (Cong 12:1-19). Hãy tiếp tục cầu nguyện cho đến khi Đức Thánh Linh ngăn bạn lại hoặc Đức Chúa Cha đáp lời bạn. Ngay gần lúc bạn cảm thấy muốn thôi cầu nguyện, thì Đức Chúa Trời sẽ đáp lời.

Hãy cầu nguyện cho hết thầy các thánh đồ. Lời Cầu nguyện của Chúa bắt đầu với câu “Lạy Cha chúng con” – chớ không phải “Lạy Cha của con.” Chúng ta cầu nguyện như một phần của một đại gia đình vốn cũng đang thưa chuyện với Đức Chúa Trời, và chúng ta cần phải cầu nguyện cho những thành viên khác của gia đình nữa. Ngay đến Phao-lô cũng cầu xin những tín hữu tại Ê-phê-sô hỗ trợ cho ông trong sự cầu nguyện – và ông đã từng lên đến tầng trời thứ ba và trở về. Nếu Phao-lô còn cần đến những lời cầu thay của các thánh đồ, thì bạn và tôi càng cần những lời cầu thay ấy nhiều hơn biết bao! Nếu những lời cầu xin của tôi giúp một tín đồ khác đánh bại Sa-tan, thì chiến thắng ấy cũng sẽ giúp đỡ tôi nữa. Hãy lưu ý là Phao-lô không xin họ cầu nguyện cho sự thoải mái hay an ninh của ông, nhưng cho sự hữu hiệu của việc làm chứng và chức vụ của ông mà thôi.

4. Sự khích lệ (Eph 6:21-24)

Chúng ta không đang đánh trận một mình. Có nhiều tín đồ khác cũng đang đứng với chúng ta trong cuộc chiến, và chúng ta cần phải cẩn trọng khích lệ lẫn nhau. Phao-lô đã khích lệ những người ở Ê-phê-sô Ty-chi-cơ là một sự khích lệ đối với Phao-lô (Cong 20:4) và Phao-lô sắp sai Ty-chi-cơ đến thành Ê-phê-sô để khích lệ họ. Phao-lô không phải là loại giáo sĩ chỉ giữ lấy công việc cho bản thân mình. Ông muốn dân sự Đức Chúa Trời biết Đức Chúa Trời đang làm gì, những lời cầu xin của họ đang được nhậm ra sao, và Sa-tan đang làm gì để chống lại công việc Chúa. Động cơ của ông không vị kỷ. Ông không đang cố gắng để nhận được một điều gì đó từ nơi họ.

Thật là một sự khích lệ biết bao được làm một phần của gia đình Đức Chúa Trời! Không nơi nào trong Tân Ước chúng ta tìm thấy một tín đồ bị lẻ loi. Cơ Đốc nhân giống như những con chiên chúng tụ tập lại với nhau. Hội Thánh là một đạo quân và những người lính chiến cần phải đứng chung với nhau và cùng nhau chiến đấu.

Hãy lưu ý những lời lẽ Phao-lô dùng khi ông kết thúc bức thư này: sự bình an, yêu thương, đức tin, ân điển! Ông đang là một tù nhân của La Mã, thế nhưng ông giàu có hơn vị hoàng đế. Dù chúng ta có thể ở trong những hoàn cảnh ra sao đi nữa, nhưng trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta “được chúc phước với đủ mọi thứ phước thiêng liêng”!

Bạn thân mến, **HÃY TRỞ NÊN GIÀU CÓ!**